

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG	vi
TÓM TẮT LUẬN VĂN	vii
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN TỈNH ỦY CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM	11
1.1. Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy	11
1.1.1. Khái niệm tài chính tại Cơ quan tỉnh ủy	11
1.1.2. Đặc điểm quản lý tài chính tại Tỉnh ủy địa phương	13
1.1.3. Nguyên tắc quản lý	15
1.1.4. Phương pháp và vai trò của cơ quan quản lý tài chính Tỉnh ủy	17
1.1.5. Nội dung quản lý tài chính trong cơ quan Tỉnh ủy	19
1.1.6. Các chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý tài chính tại CQTU	32
1.2. Một số mô hình, tiếp cận nghiên cứu đánh giá về quản lý tài chính	33
1.2.1. Mô hình bảng hỏi	33
1.2.2. Mô hình PDCA	33
1.3. Kinh nghiệm của một số đơn vị tương đương	34
1.3.1. Kinh nghiệm quản lý tài chính tại CQTU Lào Cai	34
1.3.2. Kinh nghiệm, đặc điểm tại cơ quan Tỉnh ủy Quảng Ninh	36
1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bắc Ninh	38
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TỈNH ỦY BẮC NINH	40
2.1. Khái quát chung về Tỉnh ủy Bắc Ninh và công tác quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	40
2.1.1. Khái quát chung về Tỉnh ủy Bắc Ninh	40
2.1.2. Công tác quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	48
2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	52
2.3. Thực trạng thu, chi tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	54

2.3.1. Thực trạng thu tài chính	54
2.3.2. Thực trạng chi tài chính	61
2.4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh	63
2.4.1. Phân tích theo mô hình PDCA	63
2.4.2. Phân tích dựa trên số liệu bảng hỏi	66
2.5. Ưu điểm và hạn chế trong quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh	72
2.5.1. Ưu điểm	72
2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân	74
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN TỈNH ỦY BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2021-2030	78
3.1. Định hướng xây dựng và phát triển quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	78
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh	79
3.2.1. Hoàn thiện quy chế quản lý tài chính của Tỉnh ủy	79
3.2.2. Hoàn thiện kế hoạch xây dựng tài chính	81
3.2.3. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính	82
3.2.3. Giải pháp về bộ máy quản lý tài chính	84
3.3. Một số kiến nghị	87
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90
PHỤ LỤC	94

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CQTU	: Cơ quan tỉnh ủy
HĐND	: Hội đồng nhân dân
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
KPTX	: Kinh phí thường xuyên
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
VPTU	: Văn phòng tỉnh ủy
VPTW	: Văn phòng trung ương

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

	Trang
Sơ đồ 1.1: Quy trình xây dựng kế hoạch tài chính và quyết định phân bổ tài chính	
24 Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của CQTU Bắc Ninh	46
Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh	50
Bảng 2.1: Thu tài chính của cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020	54
Bảng 2.2: Cơ cấu các khoản thu trong tổng thu tài chính cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020	57
Bảng 2.3: Tốc độ tăng nguồn thu tại Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018 – 2020	59
Bảng 2.4: Chi ngân sách cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020	61
Bảng 2.5: Cơ cấu chi ngân sách tại cơ quan Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020	61
Bảng 2.6: Tốc độ tăng chi ngân sách CQTU tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020	62
Bảng 2.7: Thống kê đặc điểm người tham gia khảo sát	67
Bảng 2.8: Bảng đánh giá yếu tố nhân sự tại CQTU Bắc Ninh	68
Bảng 2.9: Bảng chỉ số các nguyên tắc và quy tắc, mục tiêu	69
Bảng 2.10: Bảng đánh giá bộ máy quản lý	70
Bảng 2.11: Số liệu tốc độ xử lý công việc	70
Bảng 2.12: Đánh giá nội dung quản lý tài chính	71

TÓM TẮT LUẬN VĂN

Nhận thấy tính cấp thiết trong việc tìm ra định hướng hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh, tác giả đã bắt đầu nghiên cứu luận văn với đề tài: “Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh” bằng phương pháp định tính kết hợp thu thập dữ liệu qua bảng hỏi, câu hỏi ngắn và các phương pháp đánh giá, so sánh, phân tích,...

Mở đầu bằng việc hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý tài chính nói chung cũng như đặc điểm quản lý tài chính tại CQTU nói riêng, tác giả mang đến một cái nhìn xúc tích, toàn diện cho người đọc. Đồng thời, tác giả đi vào tìm hiểu một số mô hình nghiên cứu đánh giá về quản lý tài chính cũng như kinh nghiệm quản lý tài chính của một số đơn vị tương đương để tìm ra cơ sở đánh giá và bài học kinh nghiệm cho quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

Tiếp đó, tác giả phân tích từ khái quát đến cụ thể tình hình tỉnh Bắc Ninh cũng như thực trạng quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính, phân tích thực trạng tài chính dựa trên các số liệu thứ cấp và sơ cấp thu được từ bảng hỏi khảo sát và câu hỏi phỏng vấn ngắn.

Qua đó, luận văn rút ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân hạn chế trong công tác quản lý tài chính. Từ đó, đưa ra một số giải pháp, định hướng xây dựng và phát triển quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trải dài trong suốt 92 năm lịch sử thành lập và phát triển của mình, Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc đưa dân tộc ta giành lại được độc lập tự do trong thời chiến, cũng như dẫn dắt cho toàn dân tộc ngày một phát triển, đi lên trong thời bình. Để đạt được thành công như hiện nay, chúng ta phải nhắc đến đóng góp không nhỏ của công tác tài chính Đảng, bởi rõ ràng là bất kỳ hoạt động nào cũng cần kinh phí và bộ máy quản lý tổ chức vận hành trơn tru, hiệu quả để có thể đạt được thành tựu tốt nhất.

Tầm quan trọng của công tác tài chính Đảng cũng được khẳng định trong thông cáo của Trung ương Đảng ngày 29/9/1939: “Tài chính với Đảng cũng như đèn với dầu, nếu không có dầu thì đèn tắt... Đảng không có tài chính thì công việc của Đảng phải đình trệ”. Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa III) cũng chỉ rõ: “Tài chính và tài sản của Đảng là cơ sở vật chất và là phương tiện phục vụ cho hoạt động của Đảng. Công tác tài chính Đảng là một trong những công tác quan trọng của Đảng, là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng” (3, tr.39, Chỉ thị 70-CT/TW ngày 14/12/1963)

Nhận thấy tầm quan trọng của công tác tài chính Đảng, công tác tài chính, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, các nhiệm vụ chính trị của Đảng luôn được các cấp ủy Đảng chú trọng chỉ đạo hoàn thiện và phát triển. Không chỉ vậy, Công tác tài chính Đảng luôn được chú trọng nâng cấp, cải thiện, thử nghiệm và thay đổi để phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế xã hội của đất nước, nâng cao điều kiện làm việc cũng như chính sách đãi ngộ đối với cán bộ theo quy định.

Đi theo đường lối của Đảng, Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, cụ thể là Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy luôn quan tâm hoàn thiện và phát triển hoạt động quản lý tài chính Đảng địa phương. Để bắt kịp tốc độ phát triển kinh tế của tỉnh, sự đổi mới và hoàn thiện công tác hành chính Đảng lại càng được thúc đẩy nhiều hơn. Đặc biệt là trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của các khu đô thị và khu công nghiệp lớn trong tỉnh, nền kinh tế tỉnh Bắc Ninh có sự tăng trưởng mạnh mẽ vượt bậc.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý tài chính tại Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh vẫn còn một số tồn tại.

Hạn chế đầu tiên phải kể đến là công tác lập dự toán hàng năm chưa thật sự sát với chi phí thực tế, hơn nữa, các nhiệm vụ đặc thù, đột xuất cần đến kinh phí có nhiều nên dự toán hiện tại chưa bao quát toàn diện, chưa phán đoán, dự trù đầy đủ các chi phí phát sinh,

Thứ hai là một vài quy chế, quy định về công tác quản lý tài chính, tài sản của Tỉnh ủy hiện nay không còn phù hợp với quy định mới của Chính phủ, Bộ Tài chính và Văn phòng Trung ương (VPTW) Đảng.

Thứ ba là dù xây dựng chủ trương nêu cao chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan Đảng tỉnh nhưng trong thực tế lại chưa được áp dụng cao độ. Một số thay đổi trong cơ cấu bộ máy quản lý tài chính chưa phù hợp, gây mất tự chủ, trì trệ thời gian xử lý công việc.

Thứ tư là trình độ nghiệp vụ, chuyên môn tài chính của một số cán bộ còn chưa thể đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc.

Với những hạn chế này, tuy bộ máy quản lý tài chính của Tỉnh ủy Bắc Ninh vẫn có thể hoạt động, xử lý công việc, nhưng tốc độ xử lý còn chưa đủ kịp thời, hiệu suất thấp, hiệu quả cũng giảm sút. Về lâu về dài, nếu vẫn không thể giải quyết những hạn chế này, bộ máy quản lý tài chính sẽ không thể theo kịp, thậm chí kéo lùi tốc độ phát triển của nền kinh tế, văn hóa xã hội, không đảm bảo phục vụ được các nhiệm vụ của Đảng.

Đặc biệt, việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" được Tỉnh ủy Bắc Ninh chỉ đạo triển khai thực hiện thông qua việc ban hành Chương trình hành động số 44-CTr/TU, ngày 25/01/2018 và Kế hoạch số 41-KH/TU, ngày 29/01/2018 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp

xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; theo đó Tỉnh ủy Bắc Ninh triển khai thực hiện tinh gọn bộ máy trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó các Ban, cơ quan của Tỉnh ủy cũng được thực hiện triệt để, bộ phận quản lý tài chính của Tỉnh ủy cũng được tinh gọn theo Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Việc thực hiện tinh gọn bộ máy đã có những ảnh hưởng đến tốc độ triển khai thực hiện cũng như chất lượng thực hiện công tác quản lý tài chính Đảng tại Tỉnh ủy Bắc Ninh.

Đứng trước thách thức bất kịp tốc độ phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế cùng những vấn đề nhức nhối do những bất cập của chính sách quản lý hiện hành, Tỉnh ủy Bắc Ninh bắt buộc phải tìm ra giải pháp để xử lý các điểm còn hạn chế để nâng cao chất lượng tham mưu cho lãnh đạo Tỉnh ủy, đẩy nhanh tốc độ xử lý các công tác Đảng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của lãnh đạo Tỉnh ủy. Đồng thời, giải pháp này vẫn phải thỏa mãn được yêu cầu về việc sắp xếp bộ máy quản lý tài chính tinh gọn, hiệu quả nhanh, năng suất cao của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nâng cao ý thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các cán bộ.

Chính vì vậy, tôi chọn đề tài **“Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh”** để nghiên cứu và làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Có thể nói, mọi lĩnh vực trong cuộc sống hoạt động đều bắt buộc phải có sự tham gia của công tác quản lý tài chính để có thể vận hành trơn tru và hiệu quả. Từ quản lý tài chính cá nhân đến hộ doanh nghiệp và dĩ nhiên là cả quản lý tài chính tại các Cơ quan Tỉnh ủy vẫn luôn là chủ đề nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

Nhắc đến đề tài nghiên cứu về công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy, ta có thể kể đến một số công trình nghiên cứu đã có như:

- Nguyễn Hồng Tuấn, *Quản lý Tài chính của Tỉnh ủy Nghệ An*. Ở công trình nghiên cứu này, tác giả đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận cơ bản về tài chính, quản lý tài chính tại các Tỉnh ủy, Thành ủy; dựa trên các số liệu thu, chi tài chính thứ cấp để phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài chính tại Tỉnh ủy địa phương, từ đó đưa

ra các giải pháp, phương hướng chung nhằm hoàn thiện quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Nghệ An.

- Huỳnh Tiên Minh, *Quản lý Tài chính tại Tỉnh uỷ Bình Định*. Luận văn này đi theo một lộ trình một lộ trình nghiên cứu khá tương đồng với luận văn của tác giả Nguyễn Hồng Tuấn, tuy nhiên đi sâu hơn về nghiên cứu về công tác kiểm tra, giám sát quản lý tài chính do đặc thù đơn vị công tác và định hướng cá nhân của tác giả.

Dù vậy, 2 công trình nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng các dữ liệu thứ cấp sẵn có mà chưa trực tiếp đi thu thập các nguồn dữ liệu sơ cấp hay thực hiện các câu hỏi phỏng vấn cán bộ nhân viên – những người trực tiếp tham gia bộ máy quản lý tài chính CQTU tại địa phương. Vì thế, các luận văn, công trình nghiên cứu cũ chưa thể mang đến cái nhìn rõ nét, chân thực nhất về vấn đề cần nghiên cứu.

Không chỉ vậy, các luận văn trước đây đa phần đều đã có từ lâu, nghiên cứu theo hệ thống cơ chế quản lý tài chính Đảng cũ với và dĩ nhiên, chưa thể bao quát toàn bộ quy trình quản lý tài chính Đảng theo cơ chế mới ban hành hiệu lực năm 2018.

Hơn nữa, nghị quyết này tuy được đưa ra nhằm mục đích tinh gọn hệ thống và nâng cao hiệu quả của bộ máy trên nhiều phương diện, nhưng bên cạnh những kết quả đạt được thì các thay đổi theo Nghị quyết này trong việc quản lý tài chính lại gây ra nhiều bất cập. Mà tỉnh Bắc Ninh lại là một trong những tỉnh thực hiện nghị quyết 18-NQ/TW từ sớm nên bên cạnh những kết quả thu được thì những bất cập này cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến công tác quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy (CQTU) Bắc Ninh.

Đồng thời, nghị quyết mới này đã được áp dụng trong vài năm, những thay đổi và ảnh hưởng của nó cũng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết, đây là thời điểm thích hợp để đánh giá toàn diện, từ đó tiếp tục sửa đổi và phát triển, hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

Đặc biệt, tỉnh Bắc Ninh cũng chưa hề có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện công tác quản lý tài chính của Tỉnh ủy, nhất là sau khi thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương

Đại hội XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

Ngoài ra, bài luận văn này còn sử dụng phương pháp bảng hỏi và đưa ra các câu hỏi ngắn để thu thập dữ liệu sơ cấp, đi sâu vào nghiên cứu các bất cập, hạn chế cũng như các ưu điểm trong quản lý tài chính tại CQTU tỉnh Bắc Ninh.

Chính vì vậy, đề tài Quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh với phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu đã nêu trên không những không trùng lặp mà còn kế thừa các đề tài nghiên cứu trước đây, đồng thời cũng là nghiên cứu không thể thiếu nhằm đưa ra những đánh giá mới nhất và tìm ra định hướng hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

3.1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của đề tài là trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý tài chính, luận văn đưa ra những định hướng, giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính của Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh.

3.1.2. Mục tiêu cụ thể

(i) Làm rõ đặc điểm về quản lý tài chính của cơ quan tỉnh ủy tại các địa phương ở Việt Nam: Đặc điểm chức năng, phương pháp, vai trò, nguyên tắc, sự phân cấp, các yếu tố ảnh hưởng cũng như nội dung quản lý tài chính

(ii) Đánh giá được thực trạng công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh: thực trạng thu, chi; bộ máy quản lý; cơ cấu quản lý; các nội dung quản lý; yếu tố nhân sự;...

(iii) Đưa ra được những định hướng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

Để đạt được mục tiêu như trên, luận văn cần làm được:

- Hệ thống hóa các lý luận, khái niệm về công tác quản lý tài chính Đảng ở Việt Nam và cụ thể hơn nữa là tại tỉnh Bắc Ninh.
- Suru tầm chọn lọc các kinh nghiệm thực tiễn nhằm ứng dụng vào hoạt động quản lý tài chính tại Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh.
- Xác định, tiếp cận các mô hình, quy trình nghiên cứu công tác quản lý tài chính tại CQTU
- Nghiên cứu làm rõ đặc điểm quản lý tài chính của cơ quan tỉnh ủy ở Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng.
- Nghiên cứu xác định các nhân tố tác động đến công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh
- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài chính của CQTU Bắc Ninh trong giai đoạn từ năm 2018-2020, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân sâu xa của nó.
- Đề xuất định hướng, giải pháp cải thiện công tác quản lý tài chính của CQTU tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn tiếp theo 2021-2025.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận văn

Luận văn lấy công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy làm đối tượng chính để nghiên cứu. Trong đó, chủ thể quản lý tài chính là cơ quan quản lý tài chính Tỉnh ủy tại đơn vị dự toán cấp 1. Công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy được nghiên cứu bao gồm công tác quản lý thu và chi tài chính.

- Thu tài chính của Tỉnh ủy bao gồm:
 - o Ngân sách nhà nước cấp
 - o Thu từ năm cũ chuyển sang năm mới
 - o Thu nội bộ: Thu từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, thu Đảng phí, thu từ các hoạt động thanh lý tài sản cố định, thu từ ngân sách hỗ trợ của Trung ương.
- Chi tài chính của Tỉnh ủy:
 - o Chi cho mục đích đầu tư phát triển

- o Chi thường xuyên: Chi phí quản lý hành chính; chi phí nhân sự, con người; chi cho cơ sở vật chất: sửa chữa, mua sắm trang thiết bị, hạ tầng; chi quản lý hành chính.
- o Chi hỗ trợ

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận văn

- Phạm vi không gian: Nghiên cứu công tác quản lý tài chính Đảng tại Tỉnh ủy Bắc Ninh

- Phạm vi thời gian: Nghiên cứu tình hình số liệu thực tế của công tác quản lý tài chính Đảng tại Tỉnh ủy Bắc Ninh trong giai đoạn từ năm 2018 - 2020. Từ đó đưa ra phương hướng, giải pháp cải thiện công tác quản lý tài chính trong thời kỳ tới.

- Phạm vi nghiên cứu: Đi theo ba khía cạnh chính của công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy:

Lên kế hoạch thực hiện công tác tài chính Tỉnh ủy.

Thực trạng quá trình thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Tình hình thanh, kiểm tra công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Tiếp cận về lý thuyết: Tìm kiếm, tổng hợp những lý thuyết về quản lý tài chính thông qua các nguồn tài liệu như: Giáo trình, sách báo, đề tài, chuyên đề nghiên cứu, mạng internet...

Tiếp cận thực tế:

- Thu thập, tìm hiểu các thông tin thứ cấp, các báo cáo tài chính, báo cáo tổng hợp, diễn văn, nghị quyết, công bố về tình hình tài chính, quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn năm 2018-2020.

- Thu thập các thông tin sơ cấp thông qua phương pháp điều tra bảng hỏi thu thập dữ liệu. Thực hiện khảo sát online với 106 cán bộ nhân viên làm việc tại các

CQTU Bắc Ninh, nhằm thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá để điều chỉnh mô hình lý thuyết cho phù hợp với thực tiễn nghiên cứu

Những câu hỏi phỏng vấn có liên quan đến công tác quản lý tài chính gồm 2 phần:

- Phần 1: các câu hỏi có hình thức trả lời được chọn là thang đo Likert (Likert- type) 5 mức độ đánh giá cảm nhận của cán bộ nhân viên về các yếu tố:

Bảng 0-1: Thang đo Likert

1	2	3	4	5
Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tuyệt vời

Nguồn: Thang đo Likert, 1932

Những ưu điểm của hình thức trả lời Likert là: cho phép người trả lời bày tỏ quan điểm của mình về từng vấn đề cụ thể, kết quả trả lời có thể dùng cho phương pháp thống kê và dễ dàng, hiệu quả khi hỏi, trả lời cũng như tính toán.

Từ kết quả nghiên cứu thống kê của Lipsitz & Green, số cấp trả lời là 2 cấp có độ tin cậy thấp hơn cấp số trả lời là 5. Ngoài ra, khi tăng số cấp hơn 5 thì độ tin cậy không tăng nữa. Do vậy, số cấp trả lời được sử dụng cho bảng câu hỏi này là 5 cấp.

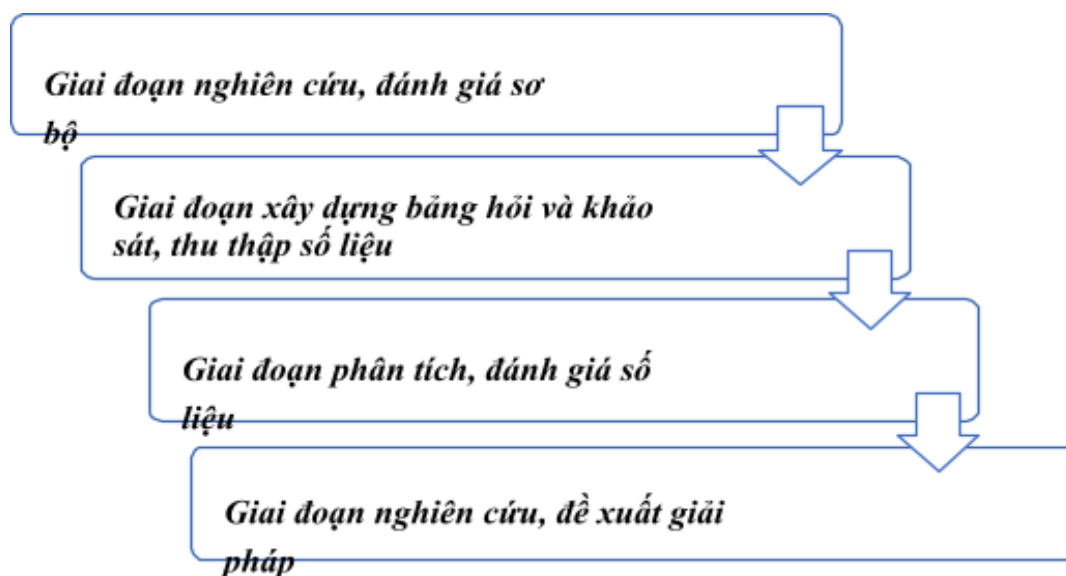
Từ những phân tích trên, sẽ ghi nhận, tổng hợp và là cơ sở xác định những mặt hạn chế, nguyên nhân hạn chế trong công tác quản lý tài chính. Qua đó xác định các vấn đề mà nhà quản lý mong muốn cải tiến và đề ra các giải pháp khắc phục.

- Phần hai: các câu hỏi phỏng vấn ngắn, trả lời bằng đoạn ngắn nêu rõ quan điểm của người tham gia khảo sát.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Người viết đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp tổng hợp, thống kê, phân tích, so sánh, đánh giá... trong bài luận văn. Dựa trên những cơ sở lý thuyết, hệ thống lý luận về quản lý tài chính, các phương pháp thống kê thường sử dụng và các mô hình đánh giá công tác quản lý tài chính đang được sử dụng trên thế giới, người viết tổng hợp, tìm ra phương hướng đề xuất cho các vấn đề bất cập trong quản lý tài chính Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh.

Cụ thể các giai đoạn nghiên cứu theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 0-1: Quy trình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả xây dựng

Giai đoạn nghiên cứu, đánh giá sơ bộ

Trong giai đoạn này, người viết thực hiện nghiên cứu, tổng hợp những cơ sở lý thuyết chung, các phương pháp và mô hình nghiên cứu được sử dụng để quản lý và đánh giá công tác quản lý tài chính. Ngoài ra, người viết cũng tìm hiểu về những đặc trưng cùng những thuật ngữ, phương pháp quản lý tiêu biểu trong ngành tài chính công.

Đồng thời, người viết đưa ra những đánh giá, phân tích về tình hình tỉnh Bắc Ninh cũng như công tác quản lý tài chính tại CQTU dựa trên các số liệu thứ cấp để làm tiền đề cơ sở cho những giai đoạn nghiên cứu sau này.

Giai đoạn xây dựng bảng hỏi và khảo sát, thu thập số liệu

Từ những mô hình nghiên cứu đã tìm hiểu, với những khuôn mẫu nghiên cứu tiêu chuẩn, người viết kết hợp với những đặc trưng của quản lý tài chính Tỉnh ủy để xây dựng bảng hỏi và bắt đầu thực hiện khảo sát thu thập dữ liệu. Sau quá trình khảo sát, người viết thu thập được số liệu từ 106 người.

Giai đoạn phân tích, đánh giá số liệu

Từ lượng dữ liệu thu thập được, người viết đánh giá có 106 phiếu trả lời đạt yêu cầu để tiến hành phân tích, so sánh. Từ đó, rút ra những nhận định, đánh giá, tìm ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

Giai đoạn nghiên cứu, đề xuất giải pháp

Sau khi tìm ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế này, người viết tiếp tục nghiên cứu để đưa ra những đề xuất, định hướng nhằm hoàn thiện công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh.

6. Kết cấu luận văn

Ngoại trừ phần mở đầu, danh mục viết tắt, danh mục bảng và sơ đồ, tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được chia ra làm 3 chương chính:

- Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý tài chính cho cơ quan Tỉnh ủy của các địa phương ở Việt Nam.
- Chương 2: Thực trạng công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh.
- Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2021-2030.

Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN TỈNH ỦY CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

1.1. Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy

1.1.1. Khái niệm tài chính tại Cơ quan tỉnh ủy

*** Khái niệm tài chính**

Theo nghĩa hẹp, tài chính là phạm trù kinh tế, phản ánh các quan hệ phân phối của cải xã hội dưới hình thức giá trị, phát sinh trong quá trình hình thành, tạo lập, phân phối các quỹ tiền tệ của các chủ thể trong nền kinh tế, nhằm đạt mục tiêu của các chủ thể ở mỗi điều kiện nhất định.

Tài chính là quan hệ tiền tệ nhưng không phải quan hệ tiền tệ nào cũng là quan hệ tài chính. Chỉ có quan hệ tiền tệ nảy sinh trong quá trình phân phối thu nhập mới được gọi là tài chính. Tài chính có biểu hiện bên ngoài là các hiện tượng thu, chi bằng tiền; có nội dung vật chất là các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ; có nội dung kinh tế bên trong là các quan hệ kinh tế - quan hệ phân phối dưới hình thức giá trị (gọi là quan hệ tài chính) nảy sinh trong quá trình phân phối các nguồn tài chính, trong quá trình tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ. Các chủ thể trong xã hội gồm có các hộ gia đình, các doanh nghiệp và nhà nước. Mỗi chủ thể có mục tiêu riêng, nhưng mục tiêu chung của tài chính là phát triển KT-XH.

Như vậy, tài chính là sự vận động của vốn tiền tệ diễn ra giữa các chủ thể trong xã hội phản ánh tổng hợp các mối quan hệ kinh tế nảy sinh trong phân phối các nguồn tài chính thông qua việc tạo lập hoặc sử dụng các quỹ tiền tệ nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các chủ thể trong xã hội.

*** Khái niệm tài chính công**

Trong nền kinh tế, gắn liền với sự vận động của mỗi chủ thể khác nhau đều có các quỹ tiền tệ của riêng mình. Ví dụ như quỹ tiền tệ của gia đình, quỹ tiền tệ của các doanh nghiệp, các quỹ tiền tệ công...

Gắn với chủ thể là Nhà nước, các quỹ tiền tệ công được tạo lập và sử dụng gắn liền với quyền lực kinh tế và chính trị của Nhà nước và thực hiện các chức năng kinh

tế xã hội của Nhà nước. Quá trình hình thành và sử dụng các quỹ tiền tệ công chính là quá trình Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính thông qua hoạt động thu, chi bằng tiền của tài chính công. Các hoạt động thu, chi bằng tiền đó là mặt biểu hiện bên ngoài của tài chính công. Tuy vậy, cần nhận rõ ràng, quá trình diễn ra các hoạt động thu, chi bằng tiền của nhà nước tiến hành trên cơ sở các luật lệ do Nhà nước quy định đã làm nảy sinh các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với chủ thể khác trong xã hội. Đó chính là các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình nhà nước tham gia phân phối và sử dụng những nguồn tài chính để tạo lập hoặc sử dụng các quỹ công. Các quan hệ kinh tế đó chính là mặt bản chất bên trong của tài chính công, biểu hiện nội dung kinh tế xã hội của tài chính công.

Như vậy, “Tài chính công là tổng thể các hoạt động thu, chi bằng tiền do nhà nước tiến hành, nó phản ánh các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ công nhằm phục vụ thực hiện các chức năng của Nhà nước và đáp ứng các nhu cầu, lợi ích chung của toàn xã hội”[22tr.8].

Khái niệm trên đã phản ánh được chủ thể của các quan hệ tài chính công là Nhà nước; các hình thức biểu hiện và nội dung vật chất của tài chính công; các bộ phận hợp thành của tài chính công là các quỹ tiền tệ của Nhà nước; và đặc biệt là làm rõ được bản chất của các quan hệ thuộc phạm vi của tài chính công chính là các quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong nền kinh tế.

*** Khái niệm tài chính cơ quan tỉnh ủy**

Cơ quan của Đảng nói chung và các CQTU nói riêng cũng là một chủ thể tham gia các hoạt động trong nền kinh tế. Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị của mình, CQTU cần phải có một nguồn lực tài chính nhất định. Trong quá trình hoạt động của CQTU, các quỹ tiền tệ được hình thành, phân phối và sử dụng, thể hiện bằng các luồng tiền tệ được huy động vào và các luồng tiền tệ được chi ra của CQTU, các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tạo thành sự vận động của các luồng tài chính trong CQTU. Quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ của tỉnh ủy phát sinh các quan hệ kinh tế, được gọi là quan hệ tài chính [9].

Như vậy, tài chính CQTU là tổng thể các hoạt động thu, chi bằng tiền do CQTU và các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc CQTU tiến hành, nó phản ánh hệ thống các quan hệ kinh tế nảy sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ của CQTU nhằm phục vụ các hoạt động của CPU và các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Về biểu hiện bên ngoài, tài chính CQTU thể hiện thông qua các hoạt động thu, chi bằng tiền do CQTU và các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc tiến hành nảy sinh trong quá trình tạo lập và sử dụng các quỹ tiền tệ của CQTU và các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc, thể hiện bằng các luồng tiền đi vào và các luồng tiền đi ra khỏi các cơ quan của tỉnh ủy tạo thành sự lưu động của các luồng tài chính phục vụ hoạt động của CQTU. Các luồng tiền đi vào chính là các khoản thu như thu từ NSNN, thu đảng phí theo quy định của Điều lệ Đảng, thu từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, ... Các luồng tiền đi ra khỏi CQTU chính là các hoạt động chi tài chính trong CQTU như: cấp phát kinh phí hoạt động cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chi đảm bảo hoạt động của bộ máy cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy.

Về bản chất, tài chính trong CQTU bao gồm quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ của CQTU phát sinh từ các quan hệ kinh tế, được gọi là quan hệ tài chính. Có 3 loại quan hệ tài chính CQTU là (1) quan hệ kinh tế giữa CPU với các cơ quan nhà nước, trong đó các cơ quan nhà nước cấp kinh phí từ quỹ NSNN cho hoạt động của CQTU; (2) quan hệ tài chính trong nội bộ CTU, trong đó diễn ra việc cấp phát, thu, nộp kinh phí giữa CPU với các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc; (3) quan hệ tài chính giữa CPU với các chủ thể khác trong xã hội, chính là thông qua việc mua hàng hóa, dịch vụ có phát sinh giao dịch tài chính.

1.1.2. Đặc điểm quản lý tài chính tại Tỉnh ủy địa phương

Với mỗi địa phương khác nhau, hoạt động quản lý tài chính Tỉnh ủy cũng sẽ có những sự biến đổi nhất định về hệ thống tổ chức, quá trình thực hiện nhiệm vụ để phù hợp với yêu cầu của ban lãnh đạo cũng như chỉ đạo của Tỉnh ủy. Tuy nhiên, về cơ bản, tài chính tại CQTU dù ở địa phương nào cũng là một bộ phận của tài chính công, chính

vì vậy, mọi công tác, hoạt động tài chính Tỉnh ủy nói chung đều phải tuân thủ theo nguyên tắc chung, chế độ cơ bản và phụ thuộc vào khả năng tài chính của Nhà nước.

Khái quát chung thì tài chính Tỉnh ủy thường sẽ có những đặc điểm chủ yếu:

Thứ nhất, mục đích của các hoạt động tài chính tại các CQTU phải là để phục vụ cho bộ máy của cơ quan và các nhiệm vụ đặc thù của cấp ủy Đảng nhằm thỏa mãn yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chính trị tại địa phương: phục vụ chi đảm bảo các hoạt động đặc thù của Đảng cũng như các hoạt động hành chính của các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy (VPTU) và các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy

Thứ hai, nguồn ngân sách tại Tỉnh ủy chủ yếu được trích từ Ngân sách nhà nước (NSNN), thu từ lợi nhuận của hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp của Đảng, nguồn thu Đảng phí do các Đảng viên nộp, thu từ thanh lý tài sản và các khoản thu khác. Tuy nhiên, hiện nay chỉ có một số Tỉnh ủy có nguồn thu từ các doanh nghiệp của Đảng.

Thứ ba, tài chính tại Tỉnh ủy được kiểm soát, quản lý sát sao theo luật Ngân sách Nhà nước. Trong các nguồn ngân sách của tài chính Tỉnh ủy, NSNN được cơ quan quản lý tài chính Nhà nước kiểm soát chặt chẽ, các nguồn thu ngoài NSNN được Tỉnh ủy quy định mức chế độ, mức chi phí cụ thể nhằm phòng ngừa cán bộ quản lý tài chính sử dụng kinh phí không đúng.

Về bản chất, tài chính trong CQTU bao gồm quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ của CQTU phát sinh từ các quan hệ kinh tế, được gọi là quan hệ tài chính. Có 3 loại quan hệ tài chính CQTU như sau:

- Quan hệ tài chính trong nội bộ CQTU, biểu hiện ở việc cấp phát, thu, nộp kinh phí giữa CPU với các tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc
- Quan hệ kinh tế giữa CPU với các cơ quan nhà nước, trong đó các cơ quan nhà nước cấp kinh phí từ quỹ NSNN cho hoạt động của CQTU

Quan hệ tài chính giữa CPU với các chủ thể khác trong xã hội, cụ thể như thông qua mua hàng hóa, dịch vụ có phát sinh giao dịch tài chính.

** Một số lưu ý cần nắm rõ:*

Một là, chủ thể quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy là các tổ chức Đảng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy. Trong đó, chủ thể quản lý trực tiếp là bộ máy tài chính của Tỉnh ủy, của cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy

Hai là, đối tượng quản lý tài chính Tỉnh ủy là các hoạt động tạo lập và sử dụng các quỹ tài chính Tỉnh ủy, các hoạt động thu chi bằng tiền.

Ba là, phương pháp và công cụ quản lý: Dù có nhiều phương pháp và công cụ khác nhau với những đặc điểm và bối cảnh sử dụng khác nhau, nhưng chúng đều phải có tác dụng thúc đẩy, nâng cao hiệu quả của hoạt động tài chính tại Tỉnh ủy.

1.1.3. Nguyên tắc quản lý

Các nguyên tắc quản lý tài chính là các chuẩn mực có tính chỉ đạo mà trong quá trình quản lý, người quản lý bắt buộc phải chấp hành. Một số nguyên tắc cơ bản trong công tác quản lý tài chính CQTU như sau:

Thứ nhất, nguyên tắc công khai, minh bạch

Như đã nhắc đến ở trên, quỹ tài chính của cơ quan Tỉnh ủy lấy từ nhiều nguồn khác nhau (NSNN, thu nội bộ,...) nên việc quản lý tài chính tại CQTU càng phải đảm bảo yêu cầu chung của quản lý tài chính. Đó là công khai, minh bạch trong tạo lập, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính này nhằm đảm bảo việc thực hiện quản lý nguồn tài chính được thống nhất, rõ ràng và hiệu quả. Từ đó, tạo điều kiện tốt nhất cho việc kiểm soát, giám sát, thanh tra các khoản thu, chi tài chính; hạn chế lãng phí, thất thoát; đảm bảo chi tiêu tài chính hợp lý cho từng đơn vị.

Không chỉ vậy, công khai minh bạch trong điều hành, quản lý ngân sách, chi tiêu tài chính sẽ tạo dựng được niềm tin giữa đối tượng quản lý và chủ thể quản lý trong việc tổ chức sử dụng nguồn tài chính

Thứ hai, nguyên tắc tập trung, dân chủ

Có thể nói, đây là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất trong quản lý nói chung cũng như quản lý tài chính tại Tỉnh ủy nói riêng. Nguyên tắc này định hướng mọi hoạt động tài chính phải được bàn bạc một cách dân chủ để đi đến thống nhất

chung trên nguyên tắc thiếu số phục tùng đa số. Nhờ vậy, nguyên tắc tập trung, dân chủ tạo được sự tập trung thống nhất lớn nhất về nhận thức ý chí và hành động. Việc đưa ra bàn bạc dân chủ sẽ phát huy tối đa sự sáng tạo của cán bộ và Đảng viên các cơ quan, đồng thời đem đến sự đoàn kết và hiệu quả làm việc cao, giữ vững kỷ luật, đường lối trong quản lý tài chính của CQTU.

Nguyên tắc tập trung, dân chủ đặc biệt phát huy vai trò chủ động của các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách trong việc điều hành, quản lý các công tác tài chính, thúc đẩy hiệu quả thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Thứ ba, nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, tự chủ nhằm phục vụ tốt cho các nhiệm vụ của Tỉnh ủy.

Nguyên tắc độc lập, tự chủ được xây dựng nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý tài chính, đáp ứng các tính chất công tác và tổ chức của Đảng. Độc lập và tự chủ về tài chính nghĩa là ngoài nguồn NSNN được cấp, các đơn vị tự phát huy khả năng tổ chức của mình để tạo những nguồn thu khác như thu Đảng phí, từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp của Đảng cũng như các nguồn thu khác để bổ sung quỹ dự trữ tài chính. Đồng thời, các đơn vị độc lập, tự chủ về tài chính sẽ chủ động quản lý hoạt động chi tài chính, đảm bảo xử lý nhanh gọn các yêu cầu chi đột xuất, các hoạt động cấp thiết trong thực hiện chính sách của cán bộ cũng như đối ngoại của Tỉnh ủy.

Thứ tư, nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả

Đây cũng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của quản lý tài chính tại CQTU. Đặc biệt là trong trường hợp các đơn vị có tính độc lập tự chủ về tài chính thì càng cần tự giác tuân theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Tiết kiệm được nhấn mạnh là sử dụng đúng và đủ, tránh lãng phí, dư thừa, thất thoát ngân sách.

Như đã nói ở trên, hiệu quả trong quản lý tài chính được đánh giá qua sự so sánh giữa chi phí bỏ ra và kết quả đạt được của Tỉnh ủy trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Đặc biệt, hiệu quả về kinh tế luôn là tiêu chí quan trọng để các cơ quan có thẩm quyền hay các chủ thể cá nhân xem xét, lựa chọn giữa các phương án hoạt động khác nhau.

Thứ năm, nguyên tắc đảm bảo cân đối thu – chi

“*Ngân sách nhà nước bảo đảm cân đối kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.*”(Mục 7, điều 8, nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước trong luật Ngân sách nhà nước). Như vậy, NSNN có nhiệm vụ và trách nhiệm đảm bảo cân đối kinh phí cho các hoạt động tại CQTU. Theo đó, NSNN sẽ cấp phần chênh lệch giữa tổng dự toán chi phí ngân sách được duyệt và phần thu nội bộ đưa vào cân đối ngân sách.

Việc cân đối ngân sách CQTU yêu cầu đạt được sự hài hòa, hợp lý trong việc ban hành các chính sách thu, chi tài chính của Tỉnh ủy cũng như thỏa mãn sự cân bằng về thu – chi. Để thực hiện nguyên tắc này, người quản lý cần đảm bảo tính toán nhu cầu chi sát với khả năng thu khi lập dự toán. Lượng chi cần thỏa mãn các yêu cầu về tài chính để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy, đồng thời, mức độ chênh lệch phải được hợp lý để giảm bớt gánh nặng cho NSNN khi thực hiện cân đối kinh phí hoạt động sau này. Cần lưu ý tìm có nguồn tài chính phù hợp và cân nhắc khả năng cân đối của NSNN trước khi ban hành các chính sách và chế độ làm tăng chi ngân sách của CQTU.

1.1.4. Phương pháp và vai trò của cơ quan quản lý tài chính Tỉnh ủy

- Các phương pháp quản lý

Các phương pháp quản lý phổ biến là phương pháp kinh tế, phương pháp giáo dục, thuyết phục, phương pháp tổ chức.

- Phương pháp kinh tế: dùng để khuyến khích các chủ thể sử dụng tài chính của cơ quan Tỉnh ủy một cách hiệu quả, tiết kiệm và sáng tạo. Phương pháp này biểu hiện qua phương thức khoán, tạo ra các quy định và định mức sử dụng tài chính để các chủ thể có thể sáng tạo và sử dụng nguồn vốn tài chính Tỉnh ủy một cách linh hoạt, sáng tạo.
- Phương pháp giáo dục, thuyết phục: sử dụng trong các trường hợp cần giáo dục, tuyên truyền để các chủ thể sử dụng tài chính Tỉnh ủy nắm rõ được các yêu cầu, chính sách về chi tiêu tài chính Tỉnh ủy, từ đó sử dụng nguồn ngân sách Tỉnh ủy một cách phù hợp, tiết kiệm.

- Phương pháp tổ chức: Được sử dụng nhằm thể hiện ý đồ của chủ thể quản lý trong hoạt động sắp xếp, bố trí, xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với công tác quản lý tài chính của cơ quan Tỉnh ủy.

Quản lý tài chính tại CQTU luôn gắn liền với hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy. Vì vậy, quản lý tài chính tại CQTU luôn có những đặc điểm mang tính đặc thù.

- CQTU là một tổ chức chính trị đặc biệt, là cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam tại từng tỉnh ủy, thành ủy. Đây là cơ quan có vai trò quyết định, lãnh đạo toàn diện các chủ trương, đường lối về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng và công tác quần chúng. Từ đó, thực hiện tốt các điều lệ, Cương lĩnh chính trị của Đảng, nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc và nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh.
- Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy phục vụ cho các hoạt động, vai trò lãnh đạo của Tỉnh ủy
- Đặc điểm đặc thù nhất là Quản lý tài chính tại CQTU không chỉ chịu sự điều chỉnh của Luật NSNN mà còn đi theo các quy định riêng của Đảng. Cụ thể là các cơ chế quản lý tài chính của Đảng, các định mức, chế độ chi đặc thù do Bộ chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng ủy quy định.
- *Vai trò của cơ quan quản lý tài chính Tỉnh ủy*

Đầu tiên, Quản lý tài chính tại CQTU có vai trò đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của Tỉnh ủy. Thông qua quản lý tài chính, các chủ thể quản lý có thể kiểm soát toàn diện chu trình hoạt động tài chính, đánh giá mức độ hoàn thiện cũng như hiệu quả hoạt động của đơn vị.

Chính vì vai trò tổng hợp, bao quát toàn bộ hoạt động của đơn vị, quản lý tài chính mới trở thành một trong những hoạt động quản lý quan trọng trong bất kỳ đơn vị, tổ chức nào. Nhờ việc quản lý tài chính, chủ thể quản lý tài chính có thể nắm bắt rõ tình hình chung của công tác tài chính, lên định hướng xây dựng và thực hiện công tác tài chính theo một kế hoạch rõ ràng, sử dụng được công cụ kích thích lợi ích một cách hiệu quả nhất.

Thứ hai, quản lý tài chính giúp kiểm soát tính đúng đắn của hoạt động tài chính. Cơ quan quản lý tài chính cho CQTU đảm bảo chính sách, định mức chi tiêu, chế độ tài chính được tuân thủ nghiêm ngặt tại các tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy. Từ đó, các đơn vị này chắc chắn sẽ sử dụng nguồn tài chính một cách hiệu quả, thống nhất đi theo các nguyên tắc, công bằng trong quản lý tài chính

Thứ ba, hạn chế lãng phí, thất thoát trong chi tiêu tài chính

Quản lý tài chính tại CQTU trên cơ sở các cơ chế, chính sách, hệ thống chế độ định mức chi tiêu, chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong sử dụng các nguồn lực tài chính sẽ luôn đem lại hiệu quả cao trong việc sử dụng ngân sách, đồng thời ngăn chặn những sai sót, vi phạm khuyết điểm của các cá nhân, tổ chức Đảng gây thất thoát, sai lệch trong quá trình quản lý

1.1.5. Nội dung quản lý tài chính trong cơ quan Tỉnh ủy

- *Mục tiêu*

Để quản lý tài chính một cách hiệu quả, người quản lý cần xác định mục tiêu quản lý tài chính để đưa ra định hướng đúng đắn nhất. Mục tiêu quản lý tài chính cho cơ quan Tỉnh ủy có những mục tiêu chính thường gặp như sau:

Đầu tiên là, đảm bảo có đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động của CQTU, hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được các cấp lãnh đạo giao phó.

Các hoạt động tài chính tại CQTU chủ yếu là các hoạt động đảm bảo phương tiện, cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho bộ máy vận hành trơn tru, hiệu quả, đáp ứng các hoạt động chính trị cũng như phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.

Thứ hai là, nâng cao khả năng tự chủ, độc lập về tài chính để phục vụ tốt hơn các hoạt động của cơ quan Tỉnh ủy

Dù nguồn NSNN thường chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nguồn tài chính của CQTU nhưng như đã nêu ở các phần trên, nguồn tài chính của CPU còn có nhiều nguồn thu khác nhau. Tùy từng địa phương mà khả năng độc lập về tài chính khác nhau nhưng từ cả mặt lý thuyết lẫn thực tế đều cho thấy, những CQTU có nguồn thu ngoài NSNN càng lớn thì tính chủ động trong việc quyết định các hoạt động chính

trị

cả về quy mô lẫn chất lượng càng cao. Đồng thời, chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, Đảng viên ở các CQTU này cũng tốt hơn. Có thể nói, tăng nguồn thu ngoài cũng như tăng khả năng độc lập về tài chính mang lại hiệu quả thực hiện hoạt động tốt hơn, chế độ đãi ngộ cho cán bộ Đảng viên cũng được nâng cao hơn.

Để đạt được mục tiêu này, các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy cần nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của mình, thúc đẩy kinh doanh hiệu quả; bảo toàn và phát triển nguồn vốn; tăng thu ngân sách cho Tỉnh ủy.

Thứ ba là, sử dụng nguồn kinh phí một cách tiết kiệm và hiệu quả

Quá rõ ràng, đây là mục tiêu mà bất kỳ một hệ thống quản lý nào cũng muốn hướng tới, và quản lý tài chính tại CQTU cũng không ngoại lệ.

Dù có những đặc thù riêng cho tính chất từ hoạt động chính trị, hoạt động tài chính của Đảng nói chung và của CQTU nói riêng chú trọng đến cả nhiệm vụ chính trị và sự tiết kiệm, tính hiệu quả khi sử dụng kinh phí. Trong quản lý tài chính tại CQTU, người quản lý luôn sử dụng các phương pháp quản lý nhằm phát huy sự sáng tạo tập thể như công khai minh bạch, dân chủ, đồng thời, ban hành các chính sách cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện theo đúng quy trình quản lý như quy định của Đảng và Nhà nước. Không chỉ vậy, công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra các cơ quan, tổ chức Đảng cũng như các đơn vị trực thuộc được đẩy mạnh tăng cường nhằm chống lãng phí, thất thoát và đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Cuối cùng là, tạo điều kiện tốt nhất để cải thiện đời sống, thu nhập của các cán bộ, Đảng viên.

Trong quản lý tài chính, yếu tố kinh tế, lợi ích về kinh tế thường được đặt ra ngay từ khi xác định được mục tiêu. Rõ ràng là nếu đánh giá trên góc độ kinh tế thì việc tạo điều kiện làm việc và nâng cao đời sống cho cán bộ Đảng viên có thể không đem lại lợi ích kinh tế. Tuy nhiên, mục tiêu này lại góp phần củng cố, động viên cán bộ cùng phấn đấu, cống hiến nhiệt huyết hơn cho công việc.

- *Xây dựng kế hoạch tài chính của cơ quan Tỉnh ủy*

Để đạt được hiệu quả cao trong việc quản lý tài chính, sau khi xác định mục tiêu, bước quan trọng cần làm tiếp theo là xây dựng kế hoạch tài chính. Việc lên một kế hoạch cụ thể, rõ ràng và sát với thực tế sẽ mang lại sự chủ động về tài chính cho CQTU, đáp ứng các nhu cầu, nhiệm vụ chính trị một cách nhanh nhất.

** Các yếu tố cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính tại CQTU:*

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương
- Chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy; cơ quan Tỉnh ủy.
- Tiêu chuẩn, chế độ, định mức, chính sách hiện hành của Đảng và Nhà nước, biên chế, tổ chức bộ máy của CQTU
- Kết quả đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính của các năm trước
- Nhiệm vụ chính trị của năm tới cũng như định hướng, chủ trương công tác tài chính của ban chấp hành Đảng bộ tỉnh
- Dựa trên kết quả, chi phí của hoạt động sản xuất – kinh doanh những năm trước để xây dựng kế hoạch thu, chi đối với các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy. Phân tích các số liệu của Đảng viên như số lượng, thu nhập hàng tháng,.. để xây dựng kế hoạch tài chính nguồn Đảng phí.

** Các yêu cầu cần đạt được khi xây dựng kế hoạch tài chính tại CQTU*

Kế hoạch tài chính tối thiểu phải đảm bảo đáp ứng được các khoản chi thường xuyên của CQTU, đặc biệt là các khoản cho con người như: chi phí đào tạo, các khoản lương, chế độ và chính sách cho cán bộ Đảng viên và các khoản chi phục vụ nhiệm vụ đặc thù của Đảng.

Kế hoạch tài chính phải đi theo các nghị quyết, chủ trương, định hướng của các cấp ủy, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chi CQTU trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả.

Việc xây dựng kế hoạch tài chính phải dựa trên các đánh giá cụ thể, toàn diện về tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm trước, đặc biệt là chỉ tiêu thường thu, chi tài chính. Từ đó, có thể sử dụng các chỉ tiêu được đánh giá đạt hoặc vượt dự toán, trong khi những chỉ tiêu không đạt dự toán cần được điều chỉnh trong kế

hoạch năm mới.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch tài chính, các báo cáo thuyết minh và căn cứ cơ sở cần được tính toán, trích dẫn rõ ràng để kế hoạch được minh bạch, chính xác.

** Nội dung và trình tự xây dựng kế hoạch:*

Được chia ra làm kế hoạch thu ngân sách và kế hoạch chi ngân sách của CQTU.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch thu tài chính CQTU (hay còn gọi là thu ngân sách Đảng tỉnh), người lập kế hoạch phải xác định được các khoản thu ngân sách Đảng tỉnh cũng như mục tiêu kế hoạch. Các khoản thu ngân sách Đảng tỉnh như sau:

- Nguồn từ NSNN cấp: Như đã nêu ở, đây là nguồn thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong dự toán thu ngân sách Tỉnh ủy. Nguồn thu này được NSNN cấp bù trên cơ sở chênh lệch giữa tổng chi ngân sách Tỉnh ủy được duyệt trừ đi các khoản thu khác trong cân đối chi thường xuyên.

- Thu năm trước chuyển sang năm sau:

Ngân sách cấp trong năm nếu chưa sử dụng hết thì phần dư sẽ được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng và quyết toán. Nguồn kinh phí này dĩ nhiên được cân đối cho các nhiệm vụ chi trong năm kế hoạch.

- Thu nội bộ:

Nguồn thu này bao gồm thu từ các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, thu Đảng phí; các khoản ủng hộ, biếu tặng,... Khoản thu này được phép trích lập bổ sung quỹ dự trữ ngân sách Đảng tỉnh. Ban thường vụ Tỉnh ủy sẽ trực tiếp quyết định cách sử dụng quỹ dự trữ này, thường thì nó sẽ được dùng để chi hỗ trợ đơn vị trực thuộc, các cấp ủy gặp khó khăn hay để chi đầu tư phát triển hoặc cân đối chi thường xuyên nếu cần,...

- Các khoản thu khác như thu sự nghiệp, thu từ việc thanh lý tài sản cố định, ... được cân đối chi thường xuyên ngân sách Đảng tỉnh.

Để xây dựng kế hoạch chi ngân sách CQTU, cần xác định nội dung và kế hoạch chi ngân sách Tỉnh ủy. Chi ngân sách Đảng tỉnh bao gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

Chi thường xuyên trong định mức là chi đáp ứng các hoạt động của bộ máy các đơn vị, cơ quan hành chính – sự nghiệp của Tỉnh ủy. Khoản chi này tương đối

ôn

định, có thể tính toán dựa trên biên chế và nhiệm vụ chính trị được giao; đảm bảo tính tương quan với các cơ quan nhà nước cấp tỉnh

Chi thường xuyên ngoài định mức là các khoản chi đảm bảo các nhiệm vụ đặc thù của Tỉnh ủy và chi đảm bảo hoạt động của các tổ chức cơ sở Đảng được tính theo thực tế yêu cầu, nhiệm vụ hàng năm như: Chi trợ giá giấy, xuất bản; chi đối ngoại (*đoàn ra, đoàn vào tỉnh*); hội nghị cán bộ chủ chốt của tỉnh; Đại hội Đảng; chi xây dựng các đề tài, đề án; hội nghị phổ biến và quán triệt triển khai các chỉ thị, nghị quyết; chi đảm bảo các hoạt động của một số Ban chỉ đạo cấp tỉnh; hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; chi bồi dưỡng, đào tạo cán bộ công chức của Đảng; các khoản chi phục vụ cho chính sách cán bộ, các đối tượng có công với nhà nước; chi khen thưởng trong Đảng; chế độ Huy hiệu Đảng và các khoản chi đặc biệt khác (*lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng; các khoản chi đặc biệt khác ...*); mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định.

Chi đầu tư phát triển là các khoản chi do Nhà nước đầu tư trực tiếp như các khoản như chi đầu tư cho xây dựng các công trình thuộc cơ quan Đảng; chi đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; chi cho các mục tiêu quốc gia,...; chi hỗ trợ cho các doanh nghiệp của Đảng ủy (nếu có).

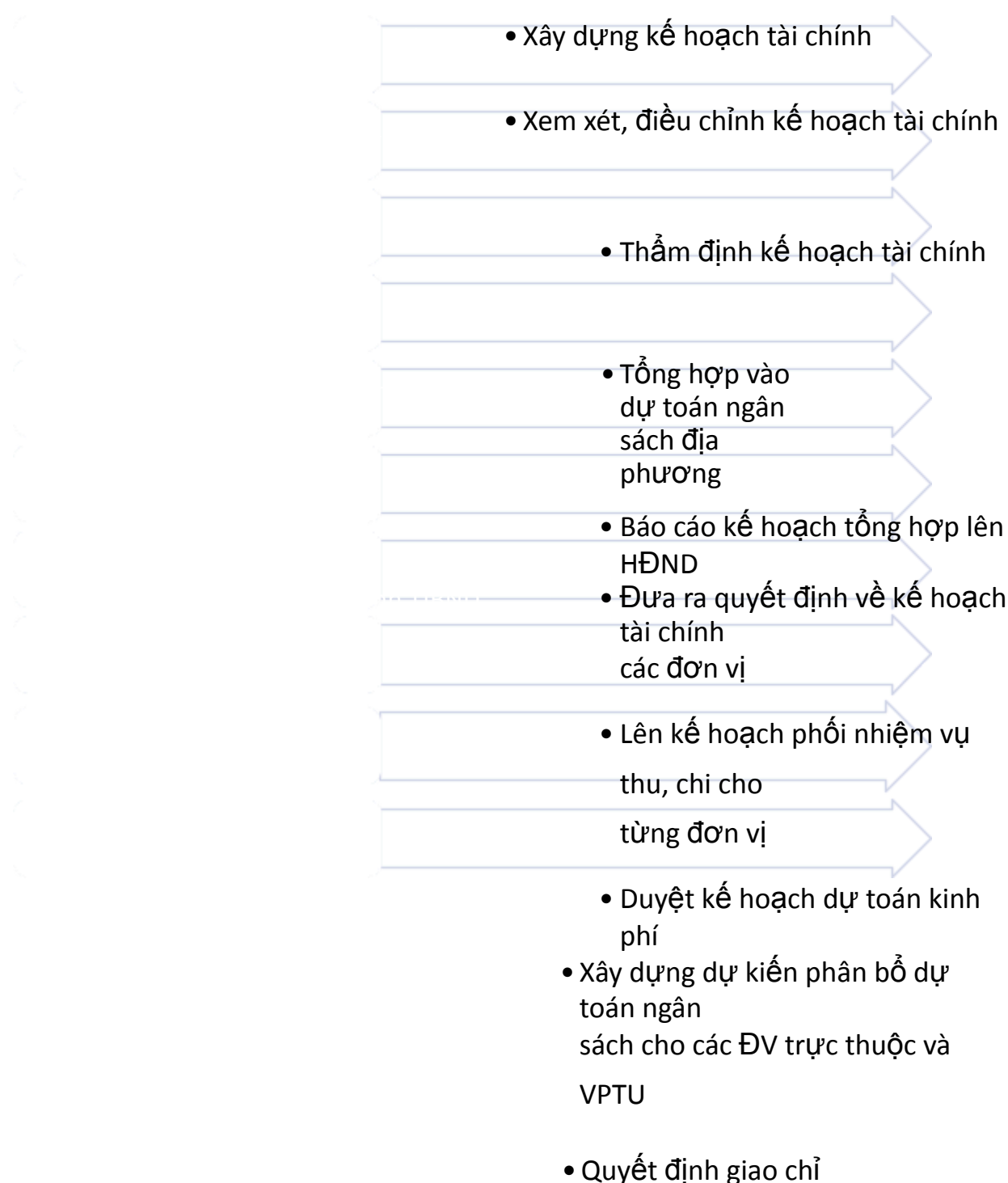
Kế hoạch tài chính của CPU là bản tổng hợp dự kiến trước các nhu cầu tài chính cần có để hoàn thành các nhiệm vụ trong tương lai. Trình tự xây dựng kế hoạch tài chính tại CQTU được thực hiện theo các bước sau:

1. Dựa trên các yếu tố cơ sở để xây dựng kế hoạch tài chính, hàng năm, Văn phòng Tỉnh ủy sẽ báo cáo Ban thường vụ Tỉnh ủy để xin ý kiến, hướng dẫn, giao số kiểm tra cho các đơn vị dự toán trực thuộc.

2. Dựa trên các hướng dẫn của Ban thường vụ, các đơn vị này sẽ xây dựng kế hoạch tài chính ngân sách ở cấp mình. Văn phòng Tỉnh ủy xem xét kế hoạch tài chính của các đơn vị trực thuộc, tổng hợp và lập kế hoạch tài chính của CQTU; trao đổi thống nhất với Sở tài chính về khả năng đảm bảo cân đối, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trước khi kế hoạch tài chính được trình HĐND tỉnh.

3. Kế hoạch được tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của địa phương, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh xem xét, quyết định. Dựa trên quyết định, nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở tài chính sẽ trình Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách đến từng đơn vị, cơ quan thuộc tỉnh trong đó có CQTU. Với quyết định này, cơ quan tài chính Tỉnh ủy (là Văn phòng Tỉnh ủy) sẽ tiếp tục trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định phân bổ dự toán ngân sách CQTU cho các đơn vị nhỏ hơn dự toán.

Quy trình này được tóm tắt ngắn gọn qua sơ đồ sau:



tiêu dự toán NSNN
cho các ĐV trực thuộc

và VPTU

Sơ đồ 1.1: Quy trình xây dựng kế hoạch tài chính và quyết định phân bổ tài chính

Nguồn: Tác giả xây dựng

- *Tổ chức thực hiện*

Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính của CPU là quá trình vận dụng một cách tổng hợp các phương tiện kinh tế, hành chính và tài chính để biến các mục tiêu thu, chi tài chính trong kế hoạch tài chính của CQTU thành sự thật. Nhằm đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ thu chi được giao, đơn vị dự toán tùy thuộc vào các kế hoạch được giao, triển khai các kế hoạch đó và có các hành động cần thiết. Đồng thời, có kế hoạch sử dụng kinh phí ngân sách theo đúng chế độ, mục tiêu, hiệu quả và tiết kiệm.

CQTU sẽ triển khai thực hiện kế hoạch tài chính của cơ quan mình ngay sau khi được UBND tỉnh giao dự toán các chương trình, dự án đầu tư xây dựng và dự toán chi, thu hoạt động thường xuyên.

** Phân bổ và giao kế hoạch tài chính*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy là đơn vị trực tiếp lãnh đạo việc sử dụng ngân sách để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Việc phân bổ dự toán sẽ được bảo đảm theo kế hoạch ngân sách được giao trong tổng thể và trong chi tiết theo từng nhiệm vụ chi, thu; đúng chính sách chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi; đúng đối tượng, mục tiêu, và nhiệm vụ được giao để thực hiện đúng với yêu cầu phân bổ và giao kế hoạch tài chính CQTU. Chỉ có Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới có thẩm quyền quyết định thay đổi, điều chỉnh nhiệm vụ ngân sách đã giao.

Các kế hoạch tài chính được thiết lập gồm chi tài chính và thu tài chính cho các hoạt động thường xuyên ngoài định mức và trong định mức. Kế hoạch thu tài chính bao gồm các mục về tổng lượng thu nội bộ (thu từ các doanh nghiệp, thu Đảng phí, thu bán báo, đơn vị sự nghiệp...), thu cân đối từ NSNN, thu khác; số thu phải nộp ngân sách CQTU; số thu nội bộ, thu khác được giữ lại dùng cho hoạt động của đơn vị.

Kế hoạch chi tiêu tài khóa cho các hoạt động định kỳ bao gồm chi định kỳ từ nguồn thu nội bộ của đơn vị (nguồn thu nội bộ được dành riêng cho đơn vị) và chi định kỳ từ nguồn ngân sách nhà nước.

** Thực hiện kế hoạch thu - chi tài chính*

Là quá trình vận dụng một cách hiệu quả các biện pháp tài chính, hành chính và kinh tế với mục tiêu, biến các mục thu, chi trong kế hoạch tài chính năm đạt dự toán đề ra.

Về thực hiện kế hoạch thu tài chính

Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp nhu cầu sử dụng kinh phí của các đơn vị dự toán lập kế hoạch sử dụng kinh phí của CQTU chi tiết theo Mục lục ngân sách đề nghị Sở Tài chính cấp phát kinh phí đối với thu tài chính từ nguồn kinh phí do NSNN đảm bảo cân đối, căn cứ kế hoạch tài chính được UBND tỉnh duyệt và phân bổ. Bộ phận Kho quỹ xem xét kế hoạch tài chính của cơ quan và xuất quỹ dưới hình thức lệnh chi vào tài khoản tiền gửi của cơ quan (tài khoản cấp I) mở tại Kho bạc.

Đơn vị thẩm định liên kết với CQTU mở tài khoản sử dụng bằng NSNN của Kho bạc (tài khoản cấp III). Ngân sách hàng tháng được duyệt đối với ngân sách được điều chỉnh, bổ sung (nếu có) và các đơn vị ngân sách trong phạm vi ngân sách hàng năm được phân bổ.

Đối với thu tài chính từ nguồn thu nội bộ, các tổ chức Đảng có liên quan xác định chính xác, đầy đủ trong quá trình tổ chức, thực hiện các khoản thu hoạt động sự nghiệp, nhất là dự toán Đảng phí theo mức thu, đối tượng do Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định sẽ thu tại các đơn vị nhà nước có thẩm quyền theo đơn giá nhà nước quy định và doanh thu dịch vụ sự nghiệp. Trường hợp không do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định giá dịch vụ thì khoản thu nhập sẽ được xác định bằng dự toán chi phí do cơ quan tài chính tương đương phê duyệt và thẩm định. Đối với các hoạt động dịch vụ như ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, liên doanh, liên kết, chúng ta có thể xác định thu nhập và phí nhất định, chịu chi phí và có tích lũy dựa trên nguyên tắc bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy.

** Về thực hiện kế hoạch chi tài chính*

Mỗi đơn vị dự toán sẽ được thay đổi nội dung chi cho hợp với tình hình thực tế của đơn vị đối với các khoản chi thường xuyên trong định mức; đồng thời nộp bộ

phận tài chính Tỉnh ủy và Kho bạc nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để theo dõi thanh toán, quản lý, và quyết toán.

Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch chi thường xuyên, các đơn vị dự toán trực thuộc CQTU căn cứ vào lượng kinh phí hiện có thể dành cho nhu cầu chi thường xuyên trong mỗi kỳ báo cáo; định mức chi của từng chi tiêu đã được duyệt trong dự toán; cùng lúc đó, dựa vào các sách lược, quy định chi tiêu trong đơn vị và chế độ chi hiện hành để thực hiện các khoản chi cụ thể hoặc thay đổi nếu cần.

Cuối năm tài chính, các khoản thu sự nghiệp và các khoản chi thường xuyên trong định mức được để lại đơn vị sử dụng trong năm sau.

Đối với các khoản chi thường xuyên ngoài định mức, việc điều chỉnh kinh phí chưa dùng, nhóm mục chi, nội dung chi được thực hiện theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Để không bị động trong việc sử dụng kinh phí hoạt động thường xuyên được giao đúng yêu cầu, không lãng phí và có hiệu quả khi tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính tại đơn vị, các đơn vị phải tự chủ, tự có trách nhiệm về tài chính chịu trách nhiệm xây dựng quy định chi tiêu nội bộ để công chức, cán bộ thực hiện theo và kho bạc nhà nước tiến hành kiểm soát chi.

Khi tổ chức thực hiện kế hoạch chi, các đơn vị dự toán trên cơ sở CQTU cần luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, tiêu chuẩn mức chi theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước như: tiêu chuẩn, định mức sử dụng phương tiện ô tô; tiêu chuẩn, định mức hộ nghèo; tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình dự án; chế độ sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; chế độ chi tiêu hoạt động đặc thù của các Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; chế độ chính sách thực hiện giảm tải biên chế (nếu có). Đồng thời, trưởng phòng dự toán CQTU quyết định cách thức phân bổ chi phí cho từng bộ phận, phòng ban trực thuộc căn cứ vào loại công việc, tình hình sử dụng, kết quả hoạt động của năm trước. Các đơn vị là một phần của số tiền tiết kiệm được được xác định là chênh lệch giữa thu nhập và chi tiêu, và được phân phối và sử dụng theo một hệ thống nhất định.

** Quyết toán kinh phí cho các đơn vị dự toán trực thuộc*

Mỗi đơn vị sử dụng ngân sách thực hiện việc khóa sổ và lập báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên, theo đúng quy chế quản lý tài chính Đảng, số liệu tính toán ngân sách phải đúng theo danh mục nội dung trong dự toán giao đến. Báo cáo quyết toán phải kèm theo thuyết minh theo mỗi chỉ tiêu.

Định kỳ (quý, năm), cơ quan có thẩm quyền là Văn phòng Tỉnh ủy kiểm tra các đơn vị dự toán phụ thuộc, duyệt kế toán tài chính và phê duyệt quyết toán. Tổng hợp báo cáo kế toán ngân sách hằng năm trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

Đối với chi đầu tư xây dựng cơ bản, nghiên cứu khoa học, thực hiện chế độ quyết toán theo các quy định của Luật NSNN.

Nguồn thu nhập nội bộ không được bù đắp bởi chi phí hoạt động hiện tại là nguồn dự trữ và hình thành quỹ dự trữ cho Tỉnh ủy. Quỹ thường vụ Đảng đoàn được sử dụng chủ yếu để hỗ trợ các cấp ủy Đảng có hoàn cảnh khó khăn, hoặc để bổ sung kinh phí đi công tác đột xuất của các cơ quan Đảng, đơn vị quyết định cấp từ nguồn kinh phí dự phòng. ..

** Chế độ báo cáo của ngân sách Đảng tỉnh*

Cơ quan tài chính của Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc thực hiện thống nhất các quy định của VPTW Đảng về mẫu biểu báo cáo. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy do Văn phòng Tỉnh ủy quyết định.

Ban thường vụ Tỉnh ủy có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công tác tài chính Đảng tỉnh hằng năm tại hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ.

Cơ quan tài chính Tỉnh ủy gửi sở tài chính thẩm định báo cáo quyết toán tài chính của CQTU trước khi trình ban thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt

- *Kiểm tra, giám sát quản lý tài chính Tỉnh ủy*

Dựa trên Điều lệ Đảng, Ủy ban kiểm tra Đảng các cấp có nhiệm vụ kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp. Như vậy, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy sẽ giám sát và kiểm tra tài

chính của CQTU.

Đơn vị đầu não, đồng hành cùng Thường trực Tỉnh ủy thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính của cấp ủy là cơ quan tài chính Tỉnh ủy - đơn vị dự toán cấp I thuộc NSNN cấp tỉnh. Vì đó, phía tài chính Tỉnh ủy sẽ đồng thời thực hiện chức năng kiểm toán, giám sát tài chính đối với đơn vị dự toán công và cấp ủy cùng với vai trò phân phối quỹ tài chính của CQTU.

Kiểm toán nhà nước kiểm tra các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Đảng ủy, các dự án đầu tư xây dựng và các khoản chi mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ của các đơn vị. Ngoài ra, Kiểm toán nhà nước (Vụ Kiểm toán nghiệp vụ Ib) thực hiện kiểm toán hành chính trong khuôn khổ ngân sách nhà nước theo yêu cầu của cấp ủy.

Mục đích của kiểm tra, giám sát là xác định chủ trương, đường lối, quy định của các bên, công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản và những mặt mạnh, mặt yếu, vi phạm (nếu có) của đối tượng bị kiểm tra trong tổ chức. Trên cơ sở đó, bộ phận dự toán ngân sách nhà nước phát huy lợi nhuận, khắc phục thiếu sót, loại bỏ và quản lý vi phạm (nếu có), nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính và thực hiện tốt các nghĩa vụ chính trị được hỗ trợ. Ghi nhận, bổ sung, thay đổi hoặc hướng dẫn, bổ sung, thay đổi các chính sách, quy định cho phù hợp, đồng thời đề xuất với cơ quan có thẩm quyền.

Hình thức kiểm tra tài chính tại CQTU là vừa kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên vừa thực hiện kiểm tra đột xuất.

Kiểm tra thường xuyên: Hình thức này luôn được quan tâm vì hoạt động tài chính của CQTU diễn ra liên tục, thường xuyên nên việc quan sát, kiểm toán tài chính cũng phải tiến hành một cách thường xuyên. Ở thời điểm hiện hành, công tác kiểm tra phải được tiến hành một cách chủ động và thường xuyên thì việc quản lý tài chính mới có hiệu quả cao. Từ đó mới kịp thời phát hiện những sai phạm để có những thay đổi điều chỉnh, sửa chữa cho phù hợp. Kiểm tra thường xuyên có tác dụng ngăn ngừa sai phạm từ xa. Các cuộc kiểm tra này được triển khai đều đặn, bất kể tình huống, thời gian, điều kiện.

Kiểm tra định kỳ: Kiểm tra định kỳ có thể kiểm tra chuyên sâu một số nội dung khi cần thiết như: kiểm tra đầu tư xây dựng cơ bản hay kiểm tra việc mua sắm tài sản cố định... hoặc kiểm tra toàn diện công tác tài chính của một cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh ủy trong 1 năm, 1 nhiệm kỳ. Kiểm tra định kỳ là hình thức kiểm tra mang tính kế hoạch, nó được ấn định và soạn thảo về đối tượng, nội dung, mục tiêu, thời gian có sẵn trong kế hoạch, thông thường ngay từ đầu năm hoặc đầu nhiệm kỳ. Hình thức kiểm tra này có ý nghĩa nhắc nhở đối tượng kiểm tra cần hoàn thành những công việc quản lý tài chính gắn liền với thời gian nhất định.

Kiểm tra đột xuất: Khi có việc đột xuất cần kiểm tra hoặc khi có yêu cầu của Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy thì hình thức này sẽ được sử dụng. Hình thức này thường ít hơn, mang tính quản lý tình huống cao và chỉ chú ý vào một số vấn đề nhất định. Kiểm tra đột xuất không dựa vào địa điểm, không gian và thời gian. Việc kiểm tra không báo trước có tác dụng ngăn chặn nhanh chóng, kịp thời những dấu hiệu, biểu hiện vi phạm đối với đối tượng được kiểm tra. Kiểm tra đột xuất sẽ mang đến sự khách quan khi tiếp cận vấn đề của đối tượng thanh tra, nhưng chủ yếu được sử dụng khi có tố cáo hoặc phát hiện có dấu hiệu sai phạm trong quản lý tài chính của đối tượng thanh tra, cơ quan dùng ngân sách cấp tỉnh.

Hàng năm, Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra tài chính các đơn vị, cơ quan trực thuộc. Việc xét lựa chọn đối tượng kiểm tra, đơn vị dựa trên các căn cứ sau:

Một là, đơn vị có quy mô sử dụng ngân sách Đảng tỉnh lớn; các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp có nguồn thu lớn.

Hai là, đơn vị chưa được kiểm tra hoặc ít được kiểm tra có khoảng cách thời gian tương đối dài (từ 3 năm trở lên từ kể từ lần kiểm tra trước).

Ba là, lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh vi phạm hoặc được Ban Thường vụ Tỉnh ủy hoặc Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy quan tâm.

Bốn là, đơn vị được kiểm tra hay nội dung kiểm tra chứa đựng những nguy cơ có khả năng dễ xảy ra sai sót.

Năm là, kế hoạch kiểm tra hàng năm không chồng chéo giữa cơ quan tài chính

Tỉnh uỷ (Văn phòng Tỉnh uỷ) với Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ và không nằm trong kế hoạch kiểm toán hằng năm của Kiểm toán Nhà nước.

Nội dung kiểm tra tài chính đối với các đơn vị, cơ quan dự toán trực thuộc tỉnh uỷ bao gồm việc tổ chức thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý tài chính, tài sản. Cụ thể có các nội dung như sau:

Một là, kiểm soát việc tiến hành cơ chế quản lý tài chính Đảng gồm: Việc chấp hành dự toán và chấp hành các quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức... về tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách; việc chấp hành dự toán và chấp hành các quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức; việc quản lý, sử dụng tài sản; việc chấp hành các quy định về chế độ kế toán, chứng từ kế toán, chế độ báo cáo tài chính...

Hai là, kiểm tra việc chấp hành các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, quy định, chế độ, chính sách về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Đảng và Nhà nước.

Ba là, kiểm tra việc thực hiện công khai tài chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Ngoài ra, Uỷ ban Kiểm tra Tỉnh uỷ kiểm tra tài chính cấp uỷ cùng cấp (kiểm tra cơ quan tài chính của Tỉnh uỷ) các nội dung: Kiểm tra việc tham mưu cho cấp uỷ ban hành các quy định, quyết định, chủ trương về tài chính, tài sản của Đảng bộ. Kiểm tra công tác tham mưu cho cấp uỷ và tổ chức thực hiện các quy định của Đảng và Nhà nước về quản lý tài chính. Kiểm tra việc thu, nộp, quản lý và sử dụng Đảng phí và các nguồn thu nội bộ. Kiểm tra việc hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Tương tự như kiểm toán nhà nước, nội dung cơ bản của hoạt động kiểm toán của CPU là xác minh tính thường xuyên và hiệu quả của các hoạt động tài chính. Xác định tính chính xác và tính khả thi của báo cáo kế toán cuối cùng đối với đơn vị được kiểm toán. Kết quả là, các sai lệch và vi phạm được xác định và các hiện tượng tiêu cực trong việc sử dụng quỹ của Uỷ ban được ngăn chặn. Các vi phạm được phát hiện thông qua các cuộc kiểm tra thể chế trực thuộc Đảng uỷ nhà nước sẽ bị xử lý theo chế độ kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

1.1.6. Các chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý tài chính tại CQTU

Tính hiệu quả của hoạt động tài chính được tính trên kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các chỉ tiêu thực hành tiết kiệm.

Với các hoạt động tài chính thông thường, tính hiệu quả chỉ tiêu sẽ được tính theo chi phí bỏ ra và kết quả thu về. Chi phí càng thấp, kết quả càng cao thì hiệu quả chỉ tiêu sẽ càng cao.

Tuy nhiên, với tài chính tại Tỉnh ủy, chi phí bỏ ra để phục vụ các chỉ đạo, yêu cầu của cấp ủy và để vận hành bộ máy tổ chức Đảng cũng như cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Các hoạt động này có tính ảnh hưởng rộng và toàn diện ở cả chính trị và kinh tế xã hội trên toàn địa phương. Chính vì vậy, để đánh giá hiệu quả chỉ tiêu tài chính tại Tỉnh ủy, ta phải đánh giá kinh phí hoạt động tài chính Tỉnh ủy và kết quả thực hiện các mục tiêu chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác ngoài quản lý tài chính nên khó phân tích để đưa ra đánh giá cụ thể về tình hình quản lý tài chính.

Chính vì vậy, để đánh giá công tác quản lý tài chính, ta còn có thể dựa trên các tiêu chí và chỉ số đánh giá như:

- Khả năng đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao
- Khả năng đáp ứng nhu cầu phát sinh đột xuất của quỹ dự trữ
- Sự phù hợp của dự toán so với thực tế chi tiêu
- Thời gian xử lý công việc
- Tính thuận tiện, phù hợp của hệ thống quản lý
- Mức độ chấp hành luật NSNN
- Các chỉ số về chấp hành nguyên tắc quản lý tài chính như:
 - o Nguyên tắc công khai, minh bạch
 - o Nguyên tắc tập trung, dân chủ
 - o Nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, tự chủ
 - o Nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả
 - o Nguyên tắc đảm bảo cân đối thu – chi.

1.2. Một số mô hình, tiếp cận nghiên cứu đánh giá về quản lý tài chính

1.2.1. Mô hình bảng hỏi

Đây là mô hình do Dixon và cộng sự tạo ra vào năm 1990. Nhìn chung, có thể hiểu đơn giản mô hình này là một bảng câu hỏi với mục đích đánh giá sự tương thích giữa mục tiêu phát triển của tổ chức và các phương pháp, chiến lược quản lý đang được áp dụng.

Mô hình này đi theo 4 phần như sau:

- Phần một, thu thập các dữ liệu về người trả lời bảng hỏi và công ty/tổ chức cần đánh giá
- Phần hai, người tham gia trả lời bảng hỏi đánh giá mức độ quan trọng của các yếu tố cần cải thiện đối với hiệu quả của các phương pháp đánh giá hiệu quả hiện có.
- Phần ba, sử dụng các chỉ số hiệu quả để đánh giá.
- Phần bốn, khuyến khích các nhân viên của tổ chức đã tham gia thu thập dữ liệu từ bảng hỏi nêu đề xuất cải tiến, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý

Bảng hỏi đánh giá hiệu quả hoạt động không giống với các mô hình khác ở chỗ nó xây dựng một công cụ đánh giá sự tương thích của hệ thống đánh giá hiện có chứ không phải xây dựng một hệ thống đánh giá khác. Đây vừa là điểm mạnh, điểm khác biệt nhưng cũng là điểm yếu của phương pháp này trong trường hợp người dùng muốn xây dựng một hệ thống đánh giá hiệu quả mới.

1.2.2. Mô hình PDCA

Chu trình PDCA được hiểu như sau:

“P” (Plan) là việc lập kế hoạch,

“D” (Do) có nghĩa là thực hiện các kế hoạch đã đề ra,

“C” (Check) là quá trình kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch

“A” (Act) cuối cùng mang ý nghĩa thực hiện việc cải tiến, điều chỉnh kế hoạch đã lập cho phù hợp với thực tế.

Từ đó, lại bắt đầu một quy trình PDCA mới trên cơ sở kế hoạch đã cải tiến. Chu trình này được lặp đi lặp lại, không ngừng cải tiến, cải thiện kế hoạch đến khi đạt được hiệu quả mong muốn.

Quản lý theo chu trình PDCA là một trong những cách hiệu quả nhất hiện nay. Nhờ cơ chế hoạt động của mình, PDCA giúp tổ chức:

Giám sát, đánh giá toàn diện, hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh

Không ngừng cải thiện, cải tiến quy trình, kế hoạch quản lý

Có khả năng linh hoạt, có thể áp dụng trong nhiều hệ thống quản lý khác nhau như ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001,...

Hiệu suất lao động trong tổ chức được nâng cao

Khả năng cạnh tranh của tổ chức được đẩy mạnh

1.3. Kinh nghiệm của một số đơn vị tương đương

1.3.1. Kinh nghiệm quản lý tài chính tại CQTU Lào Cai

Tỉnh Lào Cai là một tỉnh vùng cao, nằm sát biên giới thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc Việt Nam. Lào Cai là đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, tách ra từ tỉnh Hoàng Liên Sơn từ tháng 10 năm 1991, giáp ranh giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc với 8 huyện, 1 thành phố trực thuộc.

Cơ chế quản lý tài chính CQTU tỉnh Lào Cai đi theo cơ chế quản lý tài chính Đảng trong Thông tư liên tịch số 216-TTLT-BTCQT-BTC, ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính. Cơ chế này phân cấp tài chính theo “*Các cơ quan Đảng tỉnh, các huyện ủy, thành ủy trực thuộc là đơn vị dự toán thuộc ngân sách CQTU*” (phương án 1 tại Thông tư liên tịch số 216-TTLT-BTCQT-BTC)

Về bộ máy quản lý tài chính:

Chủ tài khoản ngân sách CQTU là Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền ký thay. Kế toán trưởng ngân sách CQTU (ngân sách cấp 1) là Trưởng phòng Tài chính Đảng của Văn phòng Tỉnh ủy. Mỗi Ban, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy chỉ được

mở một tài khoản cấp III tại Kho bạc Nhà nước để sử dụng ngân sách do CQTU cấp và có một biên chế kế toán.

Kết quả quản lý tài chính tại Tỉnh ủy tỉnh Lào Cai:

Bộ hệ thống quy chế, quy định điều hành tài chính của Đảng bộ được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai xây dựng và ban hành đồng bộ. Từ đó, tạo cơ sở cho các cơ quan Đảng tỉnh, các huyện ủy, thành ủy ban hành quy định quản lý và điều hành tài chính ở cơ quan, cấp ủy mình. Dựa trên tình hình thực tế của tỉnh, nhằm đảm bảo được tính thống nhất trong hệ thống các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy và tạo điều kiện thuận lợi trong việc xây dựng dự toán, quyết toán và kiểm soát kinh phí CQTU, CQTU đã xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi phù hợp.

Công tác lãnh đạo, điều hành tài chính của cấp ủy cũng như cấp huyện, thành phố được Tỉnh ủy Lào Cai quan tâm, theo dõi sát sao, chấp hành đúng theo Luật NSNN. Nhờ đó, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho các đơn vị tại địa phương được đảm bảo, nâng cấp rõ rệt.

Việc lập, phân bổ và giao dự toán được thực hiện theo đúng thời gian quy định, chất lượng tốt, đáp ứng được kinh phí hoạt động cho các CQTU, các cấp ủy Đảng. Việc quản lý, điều hành ngân sách Đảng cơ bản đã bám sát dự toán được duyệt và các tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi theo quy định.

Hình thức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính được cơ quan Tỉnh ủy Lào Cai đã thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí đối với các đơn vị dự toán trực thuộc CQTU. Cơ chế quản lý khoán đã có những tác động tích cực, tạo được ý thức sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn để nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của các cơ quan Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí hành chính trong cơ quan, đơn vị. Quyền hạn và trách nhiệm của cán bộ quản lý tài chính và thủ trưởng đơn vị dự toán được nâng lên, nguồn thu từ việc tiết kiệm kinh phí góp phần tăng thu nhập cho cán bộ, công chức.

Tuy vậy, bên cạnh những hiệu quả đạt được, công tác quản lý tài chính tại CQTU tỉnh Lào Cai vẫn còn một vài tồn tại, hạn chế:

Một là, bộ máy quản lý tài chính tại CQTU tỉnh Lào Cai vẫn công kênh, chưa thật sự tinh gọn theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả";

Hai là, hình thức một cấp ngân sách (các huyện ủy, thành ủy không thuộc ngân sách địa phương cấp huyện mà là đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách Tỉnh ủy) được áp dụng trong việc phân cấp quản lý ngân sách ở CQTU Lào Cai. Hình thức này khiến trách nhiệm của cấp ủy cấp huyện, thành phố không gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt, với đặc điểm địa lý là một tỉnh miền núi có địa bàn rộng, giao thông không thuận lợi, vị trí một số huyện cách xa trung tâm tỉnh, việc lập dự toán và điều chỉnh dự toán và xét duyệt quyết toán sẽ không thuận tiện; công tác giám sát, kiểm tra quá trình quản lý, sử dụng tài chính của Tỉnh ủy đối với các huyện ủy không được thường xuyên.

Ba là, các quy định, định mức chi tiêu chưa được hoàn thiện, đầy đủ. Chưa có sự phân cấp rõ ràng trong định mức phân bổ ngân sách giữa các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện (các huyện ủy, thành ủy).

1.3.2. Kinh nghiệm, đặc điểm tại cơ quan Tỉnh ủy Quảng Ninh

Về vị trí địa lý, Quảng Ninh là một tỉnh giáp biển, nằm ở biên giới thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam. Tỉnh Quảng Ninh vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, vừa nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Theo quy hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước.

Về cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài chính Đảng theo Thông tư liên tịch số 216-TTLT-BTCQT-BTC, ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính cơ bản cũng được áp dụng tại CQTU Quảng Ninh, đáp ứng được nhiệm vụ, yêu cầu của công tác quản lý tài chính CQTU. Trong khi tỉnh Lào Cai phân cấp tài chính theo phương án 1 thì tỉnh ủy Quảng Ninh áp dụng phương án 2 tại Thông tư liên tịch số 216-TTLT-BTCQT-BTC, đó là: *“Các cơ quan Đảng tỉnh trực thuộc ngân sách CQTU; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc là đơn vị dự toán thuộc NSNN cấp huyện”*.

Về bộ máy quản lý, chủ tài khoản kiêm phụ trách ngân sách CQTU là Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Tỉnh ủy là ủy quyền chủ tài khoản CQTU; 1 Phó chánh Văn phòng phụ trách Phòng Tài chính Đảng; kế toán trưởng ngân sách CQTU (ngân sách cấp I) là Trưởng phòng tài chính Đảng. CQTU Quảng Ninh áp dụng mô hình văn phòng phục vụ chung, mà theo đó đó một tài khoản cấp III tại kho bạc Nhà nước thụ hưởng ngân sách CQTU được mở ra và Văn phòng Tỉnh ủy trực tiếp chi tiêu cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, kế toán là cán bộ phòng Tài chính Đảng trực tiếp đảm nhiệm.

Quản lý tài chính tại Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh đã gặt hái được những thành quả tốt đẹp. Việc quản lý chặt chẽ, đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Tỉnh ủy. Dựa trên những kế hoạch, chương trình công tác, chủ trương, nhiệm vụ chính trị hàng năm, cơ quan tài chính Tỉnh ủy Quảng Ninh (Văn phòng Tỉnh ủy) đã thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính, nhờ vậy đáp ứng được kinh phí hoạt động, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; công tác quản lý tài chính đảm bảo dân chủ, rõ ràng, công khai, minh bạch trong cấp phát và phân bổ kinh phí đúng Luật ngân sách, quy định của Tỉnh ủy, các quy định của Đảng và nhà nước.

Nhờ việc phát huy tốt khả năng tạo những nguồn thu quan trọng từ thu Đảng phí và hoạt động sản xuất, kinh doanh các doanh nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy để bổ sung quỹ dự trữ tài chính; Cơ quan Tỉnh ủy Quảng Ninh đã hỗ trợ thực hiện kịp thời cho các nhiệm vụ chính trị của Tỉnh ủy, đồng thời, giảm bớt gánh nặng cho NSNN khi cân đối kinh phí hoạt động cho CQTU tỉnh Quảng Ninh.

Việc tổ chức cơ quan tài chính của Tỉnh ủy theo mô hình văn phòng phục vụ chung đã tuân thủ tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*, sắp xếp bộ máy quản lý tài chính CQTU không tăng biên chế, tinh gọn đơn giản; tiết kiệm kinh phí chi nhằm thu nhập cho cán bộ công chức, người lao động; không tăng kinh phí quản lý hành chính.

Dù đạt được nhiều thành tựu nhưng quản lý tài chính tại CQTU vẫn còn những bất cập cần sửa đổi, điều chỉnh như sau:

Một là, tồn tại nhiều điểm chưa hợp lý, tính chuyên môn hóa chưa cao trong việc lập hướng dẫn quy định thực hiện công tác kế toán dùng chung tại Tỉnh ủy Quảng Ninh. Không chỉ vậy, hiệu quả công việc cũng chưa thực sự cao do sự chồng chéo về quy trình và phân bổ tổ chức thực hiện công tác của phòng Tài chính Tỉnh ủy.

Hai là, cơ chế quản lý đi theo Thông tư liên tịch số 216-TTLT-BTCQT-BTC, ngày 29/3/2004 của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính có những phần không còn phù hợp với Luật Kiểm toán 2013, luật NSNN mới đã được sửa đổi năm 2015, Luật Quản lý tài sản 2008.

Ba là, tồn tại nhiều bất cập, chưa hợp lý trong việc phân bổ định mức ngân sách cho các cơ quan trực của Đảng dưới mô hình văn phòng phục vụ chung, đặc biệt là trong việc trừ định mức của các cơ quan cho các khoản chi phục vụ chung tại Văn phòng Tỉnh ủy như: kinh phí văn phòng phẩm, vật tư, kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa xe thường xuyên, công tác phí dẫn đến nhiều bất công trong phân bổ ngân sách.

1.3.3. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bắc Ninh

Thứ nhất, phân cấp quản lý tài chính các huyện ủy, thành ủy trực thuộc là đơn vị dự toán thuộc NSNN cấp huyện phù hợp với điều kiện của tỉnh Bắc Ninh. Ngân sách Đảng cấp huyện do ngân sách huyện đảm bảo sẽ gắn trách nhiệm của cấp ủy huyện, thành phố với nhiệm vụ chính trị tại địa phương; địa phương là nơi kiểm chứng công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; khi sử dụng từ NSNN của cấp mình, cấp ủy cùng chia sẻ những khó khăn với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện các mục tiêu của địa phương.

Thứ hai, phân công đồng chí Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy phụ trách công tác tài chính Đảng và là chủ tài khoản ngân sách CQTU để đảm bảo tính thống nhất, kịp thời trong việc điều hành kinh phí của CQTU cũng như triển khai và thực thi các chế độ chính sách mới của Đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy giao làm chủ tài khoản ủy quyền, giúp Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy điều hành cơ quan tài chính của Tỉnh ủy.

Tổ chức Phòng Tài chính Đảng theo mô hình kế toán dùng chung, phân công cán bộ phù hợp, khoa học, bố trí kế toán làm kiêm nhiệm cho 2 đến 3 đơn vị nhằm tinh gọn bộ máy. Xây dựng văn bản hướng dẫn quy trình thực hiện kế toán dùng chung phù hợp với Luật Kế toán, Luật Ngân sách hiện hành.

Thứ ba, thực hiện cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí đối với các đơn vị dự toán trực thuộc CQTU theo hình thức khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính là phù hợp và hiệu quả; có tác động tích cực, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các Ban, cơ quan của Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả sử dụng kinh phí

Thứ tư, quan tâm xây dựng đồng bộ hệ thống quy định, quy chế điều hành tài chính của CQTU làm cơ sở cho các đơn vị trực thuộc thống nhất căn cứ thực hiện. Xây dựng các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, định mức phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Thứ năm, quan tâm tới việc phát triển quỹ dự trữ của CQTU, đây có thể nói là nguồn lực đảm bảo sự chủ động của ngân sách Tỉnh ủy; có kinh phí thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy mới có thể ban hành và thực thi các chế độ chính sách nói chung trong đó có những chính sách đặc thù riêng của cơ quan Đảng.

Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI TỈNH ỦY BẮC NINH

2.1. Khái quát chung về Tỉnh ủy Bắc Ninh và công tác quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

2.1.1. Khái quát chung về Tỉnh ủy Bắc Ninh

2.1.1.1. Giới thiệu chung về tỉnh Bắc Ninh

** Vị trí địa lý*

Bắc Ninh là tỉnh có vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp và cách Thủ đô Hà Nội 30km, cách cảng biển Hải Phòng 110km. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm- tam giác tăng trưởng: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; gần các khu, cụm công nghiệp lớn của vùng trọng điểm Bắc Bộ.

Bắc Ninh có các tuyến trục giao thông quan trọng chạy qua: Quốc lộ 1A, 1B, quốc lộ 38, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn - Quảng Ninh nối tỉnh Bắc Ninh với các trung tâm thương mại, văn hóa, kinh tế của khu vực phía Bắc Bộ, cùng sân bay quốc tế Nội Bài và nối liền với hệ thống các trục đường quốc lộ liên kết với mọi miền tổ quốc.

Vị trí địa lý này là điểm mạnh vô cùng lớn cho Bắc Ninh phát triển giao lưu kinh tế với các tỉnh thành khác cũng như kết nối với thế giới, thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển mạnh.

** Dân số*

Bắc Ninh có dân số trung bình năm 2020 ước tính 1.419,1 nghìn người, tăng 2,9% (+40,5 nghìn người) so với năm 2019. Tỷ trọng dân số ở khu vực thành thị tiếp tục tăng (năm 2020 chiếm 31,2%; năm 2019 là 27,6%), khu vực nông thôn giảm dần (Năm 2019 chiếm 72,4%; năm 2020 giảm xuống 68,8%). Mật độ dân số Bắc Ninh là 1.725 người/km² gấp hơn 5 lần mật độ dân số cả nước và là địa phương có mật độ dân số cao thứ 3 cả nước sau Hà nội và TP Hồ Chí Minh.

** Hành chính*

Bắc Ninh gồm có 8 đơn vị hành chính cấp huyện: gồm 2 thành phố (Thành phố Bắc Ninh, Thành phố Từ Sơn) và 6 huyện (Huyện Yên Phong, Huyện Tiên Du, Huyện

Thuận Thành, Huyện Quế Võ, Huyện Lương Tài, Huyện Gia Bình), với 126 xã, phường, thị trấn, gồm: 26 phường, 6 thị trấn, 94 xã.

** Đặc điểm tự nhiên*

- Về thời tiết, khí hậu tự nhiên: Khí hậu nhiệt đới gió mùa. Đông lạnh hạ nóng, phù hợp phát triển nông nghiệp, chăn nuôi
- Về địa hình - địa chất: địa hình khá bằng phẳng, ít đồi núi. Phù hợp để phát triển các khu đô thị, các công trình xây dựng lớn. Một số vùng trũng có thể khai thác cảnh quan sinh thái đầm nước, hồ du lịch,..
- Về đặc điểm thủy văn: mạng lưới sông ngòi mật độ cao, dày đặc. với 3 hệ thống sông lớn: sông Thái Bình, sông Cầu và sông Đuống.

** Tài nguyên thiên nhiên*

- Tài nguyên rừng: Tài nguyên rừng của Bắc Ninh không lớn, chủ yếu là rừng trồng. Tổng diện tích đất rừng khoảng 619,8 ha, phân bố chủ yếu ở Tiên Du, thành phố Bắc Ninh và Quế Võ.
- Tài nguyên khoáng sản: Bắc Ninh nghèo về tài nguyên khoáng sản, ít về chủng loại, chủ yếu chỉ có vật liệu xây dựng như: đất sét làm gạch, ngói, gốm, với trữ lượng khoảng 4 triệu tấn ở Quế Võ và Tiên Du, đất sét làm gạch chịu lửa ở thị xã Bắc Ninh, đá cát kết với trữ lượng khoảng 1 triệu tấn ở Thị Cầu - Bắc Ninh, đá sa thạch ở Vũ Ninh - Bắc Ninh có trữ lượng khoảng 300.000 m³. Ngoài ra còn có than bùn ở Yên Phong với trữ lượng 60.000 - 200.000 tấn. - Tài nguyên đất: Tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh là 822,71 km², trong đó đất nông nghiệp chiếm 53,12%, đất nuôi trồng thủy sản chiếm 6,16%, đất lâm nghiệp chiếm 0,75%, đất chuyên dùng và đất ở chiếm 39,2%, đất chưa sử dụng còn 0,77%.

** Tài nguyên nhân văn, du lịch*

Bắc Ninh không giàu về tài nguyên khoáng sản và cũng ít tài nguyên rừng, nhưng đây là một trong những miền đất được mệnh danh là "Địa linh nhân kiệt", với số lượng các di tích lịch sử, văn hóa trải đều khắp địa bàn tỉnh. Tiêu biểu là các làng

nghề truyền thống, các loại hình nghệ thuật dân gian, chùa, đền, đình,... Đặc biệt là làn điệu dân ca quan họ vinh dự trở thành di sản văn hóa phi vật thể thế giới.

** Kinh tế*

Nhờ phát huy những lợi thế về điều kiện tự nhiên cũng như truyền thống tốt đẹp, kết hợp cùng khả năng khai thác và tìm tòi những cơ hội phát triển trong thời đại đổi mới, Bắc Ninh đã và đang từng bước khẳng định vị thế của mình trong khu vực đồng bằng Sông Hồng nói riêng và cả nước nói chung.

Đến nay, tỉnh Bắc Ninh đã cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, với nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đứng trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước như:

- 10/15 chỉ tiêu quốc gia đánh giá xếp hạng top 10 và 5/15 chỉ tiêu xếp thứ nhất
- Năm 2020, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố (tăng 46 bậc)
- Chỉ số hài lòng về sự phục của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS đứng thứ 9/63 (tăng 7 bậc)
- Chỉ số cải cách hành chính PAR Index tăng 3,1%, đứng thứ 17/63 (tăng 1 bậc)
- Chỉ số chuyển đổi số DTI đứng thứ 3/63 tỉnh, thành phố.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) (giá so sánh 2010) năm 2020 ước đạt 122,67 nghìn tỷ đồng, tăng 1,36% so với năm 2019. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 91,6 nghìn tỷ đồng (tăng 1,62%); dịch vụ và thuế sản phẩm ước đạt 27,4 nghìn tỷ đồng (tăng 0,8%); nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 3,67 nghìn tỷ đồng (giảm 0,96%).

Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 79,9 triệu đồng/năm, tăng 8,1% so cùng kỳ 2019.

Cơ cấu kinh tế: Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 75,9%; dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 21,3%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,8%.

2.1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của bộ máy Tỉnh ủy Bắc Ninh

** Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh (gọi tắt là Tỉnh ủy Bắc Ninh) là cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh giữa hai kỳ Đại hội, chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư Trung ương, Bộ Chính trị và trước Đảng bộ tỉnh về tình hình mọi mặt của tỉnh. Tỉnh ủy Bắc Ninh đóng vai trò đưa ra quyết định các chủ trương phát triển KT-XH, đối ngoại, an ninh quốc phòng cũng như xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng và công tác quần chúng nhằm thực hiện Điều lệ Đảng, Cương lĩnh Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc.

Đối với các cấp lãnh đạo, chỉ đạo trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhiệm vụ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh là:

Tìm ra chủ trương đầu tư các công trình, dự án mới thuộc nhóm A (phát sinh trong năm) cũng như các dự án có vốn đầu tư quốc tế trực tiếp.

Xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch dự toán ngân sách và vốn đầu tư hàng năm; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm và hàng năm.

Tham gia đóng góp ý kiến về việc điều chỉnh địa giới hành chính hoặc thành lập các cơ quan, đơn vị hành chính mới theo quy định của pháp luật.

Đưa ra chủ trương giải quyết các mâu thuẫn, vấn đề phát sinh, gây ảnh hưởng lớn đến đời sống tinh thần, vật chất, văn hóa, xã hội của nhân dân.

Đối với các cấp lãnh đạo, chỉ đạo về công tác an ninh quốc phòng cũng như xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, Tỉnh ủy Bắc Ninh cần thực hiện lãnh đạo toàn diện và trực tiếp. Trong trường hợp cần thiết, Tỉnh ủy có thể ban hành nghị quyết chuyên đề về công tác quốc phòng – an ninh.

Đối với các cấp lãnh đạo, chỉ đạo về công tác đối ngoại, Ban chấp hành Đảng bộ có vai trò đưa ra các quyết định về phương hướng, chủ trương của công tác đối ngoại dựa trên các quy định của Trung ương

** Ban thường vụ Tỉnh ủy*

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sẽ bầu ra Ban thường vụ Tỉnh ủy để chỉ đạo và lãnh đạo mọi hoạt động của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo các hoạt động kinh tế xã hội:

- Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch vốn đầu tư và dự toán ngân sách hàng năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh
- Lãnh đạo giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh trong lĩnh vực kinh tế - xã hội để báo cáo lên Ban Chấp hành trong hội nghị gần nhất.
- Đưa ý kiến về các khoản chi ngân sách đột xuất trong năm với giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên cho mỗi đợt bổ sung dự toán cho đơn vị, các cơ quan, địa phương, trừ các khoản chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và các chính sách chi cho con người được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.
- Lên chủ trương về việc mua sắm phương tiện, ô tô, thiết bị (có giá trị trên 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản) có nguồn gốc từ NSNN hoặc bằng nguồn vốn NSNN.
- Nêu chủ trương về quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trọng điểm và đồ án quy hoạch chung xây dựng các đô thị; quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH của các huyện, thành phố; chia tách địa giới hành chính cấp xã, cấp huyện.
- Cho chủ trương đầu tư các công trình, dự án thuộc nhóm B (phát sinh trong năm). Các dự án đầu tư dưới nguồn vốn của các Tổ chức phi chính phủ.
- Lãnh đạo cụ thể, thực hiện các chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo, văn hóa, khoa học và công nghệ.

** Thường trực Tỉnh ủy*

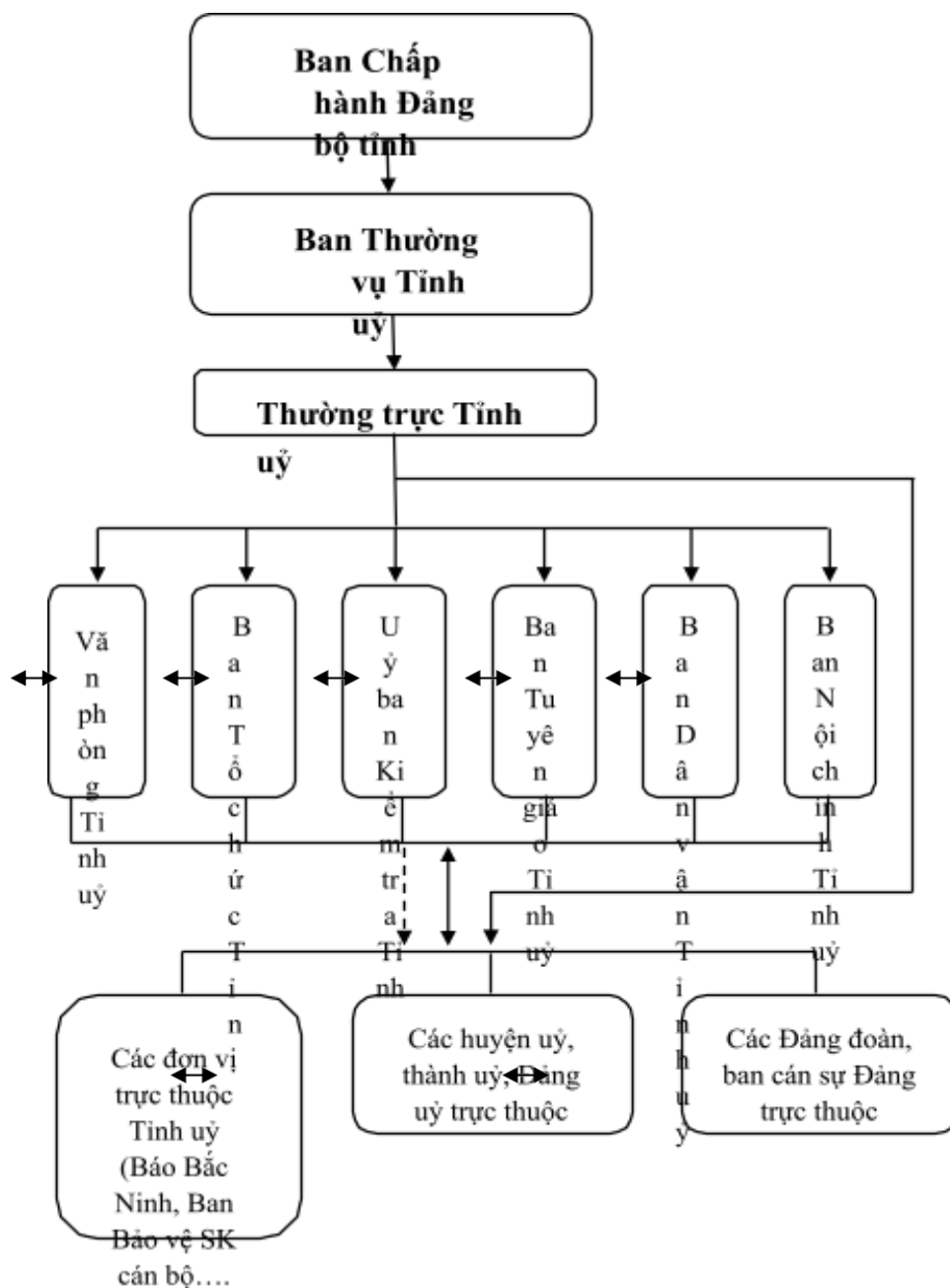
Thường trực Tỉnh ủy được Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh bầu ra để lãnh đạo và chỉ đạo các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ hội nghị cũng như các hoạt động thường nhật của của Đảng bộ tỉnh.

Thường trực Tỉnh ủy gồm có đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy. Vai trò của cơ quan này trong lãnh đạo, chỉ đạo lĩnh vực KT-XH là

- Đề xuất chủ trương đầu tư các công trình, dự án trong nhóm C (phát sinh trong năm) để UBND tỉnh quyết định.
- Nêu đánh giá về các khoản chi ngân sách phát sinh trong năm với giá trị từ 01 tỷ đến dưới 05 tỷ đồng mỗi đợt bổ sung dự toán cho các đơn vị, cơ quan, địa phương, trừ các khoản chi thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội và các chính sách chi cho con người được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương.
- Cho chủ trương sử dụng các khoản chi từ nguồn hỗ trợ của Trung ương, tỉnh bạn, các tổ chức trong và ngoài nước cho các nhu cầu cứu trợ khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, ...
- Lập chủ trương lập quy hoạch và đề cương quy hoạch tổng thể phát triển KT- XH của các huyện, thành phố; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng. Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng các đô thị.
- Trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo công tác tài chính của CQTU

2.1.1.3. Cơ cấu tổ chức

Tổ chức bộ máy của CQTU Bắc Ninh được thể hiện ở Sơ đồ 2.1 dưới đây:



Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy của CQTU Bắc Ninh

Nguồn: Tác giả xây dựng

Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo:



Quan hệ phối hợp:



Quan hệ hướng dẫn, trao đổi, kiểm tra:



Giữa hai kỳ Đại hội của Đảng bộ tỉnh, Tỉnh ủy Bắc Ninh đóng vai trò làm cơ quan lãnh đạo cao nhất, bầu ra Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo và chỉ đạo mọi công tác của Đảng bộ tỉnh giữa hai kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều làm việc dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, định hướng thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; thảo luận công khai, minh bạch để quyết định các vấn đề trong phạm vi lãnh đạo theo thẩm quyền.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Tỉnh ủy gồm có 6 đơn vị: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, cơ quan UBKT Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy.

Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh có 11 Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, trong đó có 8 huyện, thành phố: Thành phố Bắc Ninh, Thành phố Từ Sơn, huyện Tiên Du, huyện Yên Phong, huyện Quế Võ, huyện Gia Bình, huyện Lương Tài, huyện Thuận Thành; 03 Đảng ủy trực thuộc: Công an, Quân sự, Đảng bộ khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; có 06 Đảng đoàn: HĐND tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Phụ Nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh và 03 Ban cán sự Đảng: UBND tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Toà án Nhân dân tỉnh.

Các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy gồm có: Báo Bắc Ninh; Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh và Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ.

Quan hệ giữa Tỉnh ủy Bắc Ninh với các Đảng bộ trực thuộc, các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các Đảng đoàn và ban cán sự Đảng trực thuộc, các đơn vị trực thuộc là quan hệ chỉ đạo, lãnh đạo, mà trực tiếp và thường xuyên là Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Quan hệ giữa các Đảng bộ trực thuộc, các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các Đảng đoàn và ban cán sự Đảng trực thuộc là quan hệ phối hợp công tác. Ngoài ra đây còn là quan hệ hướng dẫn, trao đổi, kiểm tra.

2.1.2. Công tác quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

**** Phân cấp quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh***

Phân cấp quản lý ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

Ngân sách Đảng tỉnh đã cơ bản đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động của các ban, cơ quan Đảng, Đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy; Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác tài chính.

Công tác quản lý điều hành ngân sách có chuyển biến tích cực, phân bổ và giao dự toán được xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chi, đúng nội dung nguồn kinh phí. Chấp hành đầy đủ chính sách, chế độ tài chính, nguyên tắc, thủ tục chứng từ chi tiêu; kinh phí và cơ sở vật chất kỹ thuật được quản lý, sử dụng chặt chẽ, hợp lý và tiết kiệm. Cơ quan tài chính các cấp ủy đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cấp ủy quản lý, điều hành ngân sách, phối hợp với cơ quan tài chính nhà nước trong việc bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên cũng như các nhu cầu chi phát sinh ngoài dự toán, giúp các cấp ủy chủ động hơn trong xây dựng, quản lý và điều hành dự toán ngân sách, góp phần thực hiện chính sách đối với cán bộ làm công tác Đảng.

Giai đoạn từ năm 2017 trở về trước, Tỉnh ủy Bắc Ninh hoạt động theo cơ chế quản lý tài chính Đảng dựa trên Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQT-BTC "*Hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính Đảng*", theo đó việc phân cấp quản lý tài chính các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Ninh diễn ra như sau:

Ngân sách CQTU (hay còn gọi là ngân sách Đảng tỉnh): Đảm bảo kinh phí hoạt động của Tỉnh ủy cũng như một số cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy bao gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Báo Bắc Ninh.

Văn phòng Tỉnh ủy đóng vai trò là cơ quan tài chính của Tỉnh ủy. Đây là đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách tỉnh; các đơn vị trực thuộc kể trên là đơn vị dự toán

trực thuộc ngân sách Đảng tỉnh.

Đối với ngân sách Đảng cấp huyện ủy, thành ủy: Huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc NSNN cấp huyện, thành phố.

Với cơ chế phân cấp quản lý tài chính như trên, công tác tài chính của Tỉnh ủy Bắc Ninh được thể hiện qua những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Một là, chỉ đạo, lãnh đạo trong việc thực hiện các chế độ, chính sách tài chính của Đảng và Nhà nước trong các đơn vị dự toán trực thuộc;

Hai là, triển khai các chính sách, chế độ của Trung ương trong toàn Đảng bộ; ban hành các chế độ, chính sách thuộc phạm vi thẩm quyền phù hợp với điều kiện của địa phương;

Ba là, phân phối hiệu quả sẽ giúp đảm bảo cân bằng, đáp ứng đầy đủ kinh phí hoạt động của Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các ban tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc bao gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, Báo Bắc Ninh.

Bốn là, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, chính sách định mức của Đảng và Nhà nước trong các cơ quan, tổ chức Đảng cấp dưới và các đơn vị dự toán trực thuộc...

Trong các đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách Đảng tỉnh, các đơn vị, cơ quan trực tiếp sử dụng kinh phí từ ngân sách Đảng tỉnh với nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

Một là, có nhiệm vụ ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, tài sản ở cơ quan mình. Tổ chức thực hiện dự toán theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức của Đảng và Nhà nước đã quy định, quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và theo đúng dự toán đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

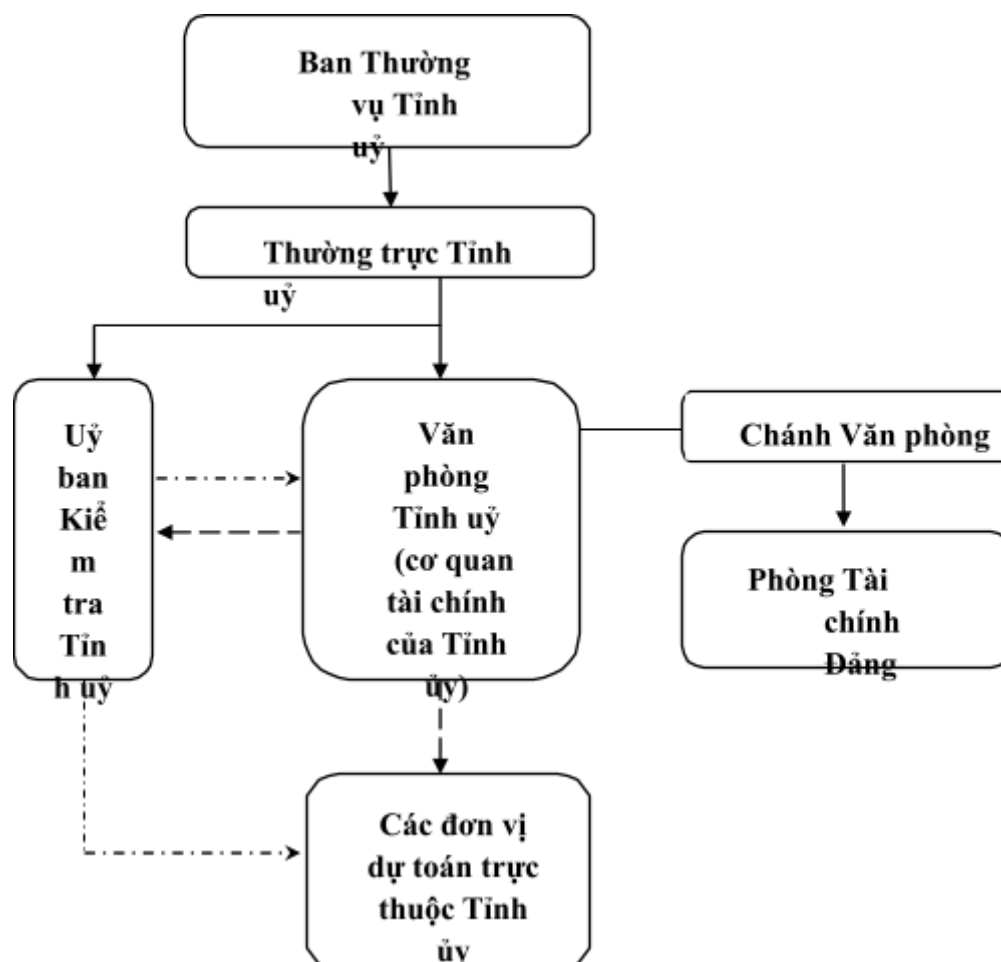
Hai là, hàng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Tỉnh ủy về việc xây dựng kế hoạch thu chi ngân sách để lập dự toán ngân sách;

Ba là, chấp hành đúng các quy định về chế độ kế toán, báo cáo và quyết toán

ngân sách; thực hiện công khai tài chính theo quy định của Đảng.

** Bộ máy quản lý tài chính tại CQTU tỉnh Bắc Ninh hiện nay*

Tổ chức bộ máy quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh được thể hiện ở Sơ đồ 2.2 dưới đây:



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh

Nguồn: Tác giả xây dựng

Ghi chú: Quan hệ chỉ đạo:



Quan hệ tài chính cấp trên với cấp dưới:



Quan hệ kiểm tra tài chính:



Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công phụ trách công tác tài chính CQTU và làm chủ tài khoản ngân sách Đảng tỉnh.

Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh là cơ quan tài chính của Tỉnh ủy, tham mưu, giúp

việc Tỉnh ủy mà thường xuyên, trực tiếp là Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy trong tổ chức thực hiện nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng bộ; trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của CQTU và các cơ quan, tổ chức Đảng trực thuộc Tỉnh ủy; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất cho hoạt động của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy.

Các đơn vị dự toán trực thuộc ngân sách Đảng tỉnh là các cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách Đảng tỉnh để đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của mình, gồm: cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Đảng ủy khối Các cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Báo Bắc Ninh, Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe tỉnh. Mỗi đơn vị dự toán được mở một tài khoản cấp III tại Kho bạc Nhà nước thụ hưởng ngân sách Đảng tỉnh, có một biên chế làm kế toán, một biên chế làm thủ quỹ giúp đơn vị quản lý, sử dụng ngân sách Đảng.

Các đơn vị dự toán là các huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán của NSNN cấp huyện, chịu sự kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ của Văn phòng Tỉnh ủy theo quy định của cơ chế quản lý tài chính Đảng.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy là cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy trong việc kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của các cơ quan Đảng, Đảng viên theo Điều lệ Đảng. Trong đó có chức năng kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản tại cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp (Văn phòng Tỉnh ủy) và các đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy.

Thực hiện chức năng cơ quan tài chính Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy Bắc Ninh thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Chánh Văn phòng Tỉnh ủy được Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền chủ tài khoản ngân sách CQTU (Đơn vị dự toán cấp I), điều hành hoạt động cơ quan tài chính Tỉnh ủy.

Phòng Tài chính Đảng thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy trong việc đảm bảo nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Tỉnh ủy; trực tiếp quản lý tài chính, tài sản của Tỉnh ủy và các

cơ quan, tổ chức Đảng trực thuộc Tỉnh uỷ. Phòng Tài chính Đảng thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, giúp lãnh đạo Văn phòng Tỉnh uỷ trực tiếp quản lý tài chính, tài sản, chi tiêu ngân sách Đảng, lập kế hoạch thu, chi tài chính Đảng tỉnh hàng năm, xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách; thực hiện thẩm tra quyết toán tài chính ngân sách Đảng của các tổ chức Đảng và Đảng bộ trực thuộc.

Hai là, bảo đảm kinh phí cho hoạt động của cấp uỷ, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ, các đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ theo phân công, phân cấp.

Ba là, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tài chính, quản lý tài sản của Đảng cho các tổ chức Đảng trực thuộc Tỉnh uỷ và văn phòng cấp uỷ cấp dưới; thực hiện kiểm tra, giám sát về nghiệp vụ tài chính - kế toán ở các Đảng bộ và tổ chức trực thuộc Tỉnh uỷ.

Bốn là, tham mưu giúp lãnh đạo Văn phòng Tỉnh uỷ phối hợp với cơ quan chức năng nhà nước trong việc quản lý quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện dự án cho các cơ quan Đảng theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp tham mưu ban hành các chế độ, chính sách, quy định, quy chế về tài chính, tài sản của Đảng bộ; phối hợp với các ban Đảng tỉnh sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chế độ, nguyên tắc quản lý tài chính, tài sản của Tỉnh uỷ.

Năm là, phối hợp, tham mưu cho lãnh đạo Văn phòng Tỉnh uỷ về các hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản, đảm bảo điều kiện vật chất, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động của Tỉnh uỷ, Văn phòng và các ban Đảng tỉnh.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh uỷ Bắc Ninh

**** Cơ chế quản lý tài chính của nhà nước***

Cơ chế quản lý tài khóa của Đảng có vai trò rất quan trọng như một văn bản duy nhất giữa cơ quan tài khóa Đảng và cơ quan tài khóa quốc gia, và được thể hiện qua các nội dung sau.

Một là, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng; Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng;

CQTU chịu trách nhiệm quản lý tài chính, tài sản của cấp mình và chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Văn phòng Tỉnh ủy, thành ủy thực hiện chức năng cơ quan tài chính của Tỉnh ủy, được cấp ủy ủy quyền sở hữu tài sản của Đảng.

Hai là, cơ chế quản lý tài chính của Đảng khẳng định được tiềm năng gánh vác công việc quản lý tài chính: “Tài chính của Đảng Cộng sản Việt Nam do Đảng thống nhất quản lý, điều hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ kết hợp với phân cấp quản lý, đảm bảo tính độc lập tự chủ trong công tác quản lý ngân sách nhằm phục vụ tốt nhiệm vụ của từng cấp ủy và của toàn Đảng. Công việc bảo đảm cân đối kinh phí cho hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam thuộc về NSNN các cấp”.

Ba là, tạo hành lang pháp lý trong quản lý tài chính: quy định cụ thể về trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan; Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan tài chính của Tỉnh ủy; Bộ Tài chính đối với ngân sách cấp tỉnh; quy chế cụ thể về nguồn thu, chi; lập dự toán (quy trình lập và thẩm định dự toán; phê duyệt, giao dự toán và điều chỉnh dự toán); tuân thủ ngân sách (phân bổ cũng như chi tiêu ngân sách); kế toán và điều tiết ngân sách; quy chế chế độ báo cáo; chế độ thử nghiệm.

** Sự lãnh đạo của các cấp ủy đối với hoạt động tài chính của CQTU*

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tài chính và quản lý tài chính của CQTU. Nếu sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng bám sát hoạt động tài chính của Đảng bộ nhà nước thì sẽ đáp ứng được nhu cầu tài chính cho nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ nhà nước. Kiểm tra và quản lý các nguồn kinh phí và tình trạng chi tiêu để đạt được sự cân đối ngân sách tốt. Bảo đảm thực hiện sử dụng kinh tế tiết kiệm, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí. Nếu cấp ủy chỉ đạo hoạt động tài chính và quản lý tài chính không chặt chẽ sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng kinh phí và khả năng thực hiện nhiệm vụ chính trị của cấp ủy.

Hướng dẫn, chỉ đạo việc đổi mới cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước thành chế độ, tiêu chuẩn, định mức sử dụng ngân sách Đảng. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Nhà nước kiểm tra hoạt động tài chính của Cơ quan Kho bạc Đảng

ủy Nhà nước và các Đảng bộ trực thuộc, đơn vị, đồng thời nhanh chóng chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong việc thực hiện chính sách. Thanh toán, quản lý và sử dụng Đảng phí.

** Đội ngũ cán bộ quản lý tài chính của CQTU*

Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý tài chính luôn được Tỉnh ủy chăm lo đào tạo bồi dưỡng. 100% cán bộ có trình độ Đại học trở lên, chuyên môn được đào tạo đúng chuyên ngành; hàng năm được cử đi tập huấn, tiếp cận với các văn bản, chế độ chính sách mới. Đội ngũ cán bộ tâm huyết, trách nhiệm với nghề. Đây là những điều quan trọng để công tác tài chính Đảng của Tỉnh Bắc Ninh luôn đáp ứng nhiệm vụ chính trị của Tỉnh.

** Bộ máy quản lý tài chính của Tỉnh ủy Bắc Ninh*

Bộ máy quản lý hoạt động tài chính của CQTU tỉnh Bắc Ninh chưa thật sự hợp lý, hiệu quả gây khó khăn trong quá trình vận hành, kéo dài thời gian, chi phí xử lý công việc của cả hệ thống.

2.3. Thực trạng thu, chi tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

2.3.1. Thực trạng thu tài chính

Thu tài chính tại CQTU Bắc Ninh bao gồm thu từ nguồn NSNN cấp và nguồn thu nội bộ, được thể hiện ở bảng 2.1 sau đây.

Bảng 2.1: Thu tài chính của cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: nghìn đồng

Stt	Nguồn tài chính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
	Tổng thu ngân sách Đảng tỉnh	147.261.828	161.336.726	180.920.260	489.518.814
I	Kinh phí chi thường xuyên	125.975.880	139.437.334	154.481.885	419.895.099
1	Dư năm trước chuyển sang	1.999.450	2.216.179	13.642.593	17.858.222
2	Thu trong năm	123.976.430	137.221.155	140.839.292	402.036.877

Stt	Nguồn tài chính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
2.1	NSNN cấp	110.994.905	119.949.056	121.165.412	352.109.373
2.2	Thu nguồn khác	12.981.525	17.272.099	19.673.880	49.927.504
	- Thu Đảng phí trích giữ lại, thu khác của Đảng ủy khối CCQ và DN tỉnh	890.785	979.325	1.022.708	2.892.818
	- Nguồn thu khác, kinh phí khám chữa bệnh do BHXH tỉnh chi trả Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	4.110.180	4.411.013	5.259.929	13.781.122
	- Nguồn thu bán báo	7.980.560	11.881.761	13.391.243	33.253.564
II	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản	13.410.819	13.565.292	16.680.000	43.656.111
1	Dư năm trước chuyển sang	-	2.630.223	-	2.630.223
2	Kinh phí thực nhận trong năm	13.410.819	10.935.069	16.680.000	41.025.888
III	Quỹ dự trữ	7.875.129	8.334.100	9.758.375	25.967.604
1	Kế dư năm trước	6.025.467	6.419.007	7.777.232	20.221.706
2	Thu trong năm	1.849.662	1.915.093	1.981.143	5.745.898
	- Đảng phí trích giữ lại	1.085.540	1.125.726	1.165.143	3.376.409
	- Thu điều tiết lợi nhuận sau thuế đơn vị sự nghiệp	358.462	366.114	370.000	1.094.576
	- Thu lãi tiền gửi	405.660	423.253	446.000	1.274.913

Nguồn: Báo cáo tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020

Số liệu Bảng 2.1 cho thấy nguồn thu tài chính chủ yếu của CQTU Bắc Ninh là từ NSNN cấp. Hàng năm, Nhà nước cấp kinh phí cho CQTU Bắc Ninh gồm kinh phí thường xuyên và kinh phí đầu tư phát triển. Trong giai đoạn 2018-2020, NSNN cấp cho CQTU Bắc Ninh là 489.518.814 nghìn đồng.

Nguồn KPTX là nguồn giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn tài chính của CQTU Bắc Ninh. KPTX được xác định từ nguồn thu năm trước chuyển sang, thu nội bộ cân đối chi thường xuyên và nguồn NSNN cấp. Từ số liệu Bảng 2.1, có thể thấy tổng KPTX giai đoạn 2018-2020 là 419.895.099 nghìn đồng.

Nguồn kinh phí đầu tư phát triển gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản và chi mua sắm đầu tư theo dự án. Nguồn này chiếm tỷ trọng thấp so với KPTX.

Ngoài ra, các nguồn thu hợp pháp của Đảng (không bao gồm nguồn thu ngân sách chi thường xuyên hằng năm) còn được dùng để hình thành quỹ dự trữ của Ngân sách Đảng tỉnh, bao gồm: Nguồn thu Đảng phí do các cấp ủy trích, nộp lên theo Quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành; Các khoản thu từ đơn vị sự nghiệp, thu từ lợi nhuận sau thuế về hoạt động quảng cáo của Báo Bắc Ninh; Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng. Trong đó, năm 2018 là 7.875.129 nghìn đồng; năm 2019 là 8.334.100 nghìn đồng; năm 2020 là 9.139.375 nghìn đồng.

Quỹ dự trữ được sử dụng cho các yêu cầu hoạt động đột xuất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; hỗ trợ hoạt động các cấp ủy Đảng trực thuộc có khó khăn; chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy quyền cho Thường trực Tỉnh ủy (chủ tài khoản) quyết định việc sử dụng Quỹ dự trữ của Tỉnh ủy Bắc Ninh và ủy quyền Chánh Văn phòng Tỉnh ủy (phụ trách công tác tài chính Đảng) chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý, điều hành Quỹ dự trữ. Thực hiện công khai, dân chủ trong các hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Để bảo toàn và bổ sung nguồn thu, quỹ dự trữ được phép gửi vào các Ngân hàng Thương mại dưới hình thức tiết kiệm.

Tổng thu ngân sách CQTU Bắc Ninh giai đoạn 2018 - 2020 là 489.518.814 nghìn đồng. Nhìn chung, tổng các nguồn thu hàng năm khá ổn định, năm 2018 tổng thu ngân sách CQTU là: 125.975.880 nghìn đồng; năm 2019 tăng lên 139.437.334 nghìn đồng, tăng so năm 2018 là 13.461.454 nghìn đồng; đến năm 2020 là

154.481.885 nghìn đồng, tăng so năm 2019 là 15.044.551 nghìn đồng.

Phân tích cơ cấu nguồn thu của ngân sách Tỉnh ủy ta có bảng 2.2:

**Bảng 2.2: Cơ cấu các khoản thu trong tổng thu tài chính cơ quan Tỉnh ủy
Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020**

Đơn vị: %

Stt	Nguồn tài chính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
	Tổng thu ngân sách Đảng tỉnh	100,00	100,00	100,00	100,00
I	Kinh phí chi thường xuyên	85,55	86,43	85,39	85,78
1	Dư năm trước chuyển sang	1,36	1,37	7,54	3,65
2	Thu trong năm	84,19	85,05	77,85	82,13
2.1	NSNN cấp	75,37	74,35	66,97	71,93
2.2	Thu nguồn khác	8,82	10,71	10,87	10,20
	- Thu Đảng phí trích giữ lại, thu khác của Đảng ủy khối CCQ và DN tỉnh	0,60	0,61	0,57	0,59
	- Nguồn thu khác, kinh phí khám chữa bệnh do BHXH tỉnh chi trả Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	2,79	2,73	2,91	2,82
	- Nguồn thu bán báo	5,42	7,36	7,40	6,79
II	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản	9,11	8,41	9,22	8,92

Stt	Nguồn tài chính	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
1	Dư năm trước chuyển sang	-	1,63	-	0,54
2	Kinh phí thực nhận trong năm	9,11	6,78	9,22	8,38
III	Quỹ dự trữ	5,35	5,17	5,39	5,30
1	Kế dư năm trước	4,09	3,98	4,30	4,13
2	Thu trong năm	1,26	1,19	1,10	1,17
	- Đảng phí trích giữ lại	0,74	0,70	0,64	0,69
	- Thu điều tiết lợi nhuận sau thuế đơn vị sự nghiệp	0,24	0,23	0,20	0,22
	- Thu lãi tiền gửi	0,28	0,26	0,25	0,26

Nguồn: Báo cáo tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh Năm 2018, 2019, 2020

Số liệu Bảng 2.2 cho thấy, KPTX luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, từ 85,39% đến 85,55% (bình quân 85,78%) trong tổng nguồn thu ngân sách CQTU. Kinh phí cho đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ ít hơn, từ 8,41% - 9,22% (bình quân 8.92%).

Trong đó, nguồn thu nội bộ chiếm tỷ trọng thấp trong thu kinh phí thường xuyên, chỉ chiếm từ 8,82% đến 10,87% (bình quân 10,2%). Dù thu nội bộ thấp, ngân sách tài chính tỉnh ủy phụ thuộc nhiều vào NSNN nhưng nhờ có nền kinh tế phát triển, tổng nguồn thu của tỉnh chi cho tỉnh vẫn còn dư để điều tiết về ngân sách trung ương.

Quỹ dự trữ chiếm tỷ trọng chưa đến 10% trong tổng nguồn thu ngân sách Đảng tỉnh và không ổn định; có năm giảm có năm tăng, cao nhất chiếm 9,22% tổng nguồn thu ngân sách CQTU, bình quân chiếm 8,92% tổng nguồn thu ngân sách CQTU. Được sử dụng để bổ sung chi hoạt động cấp ủy, chi hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức Đảng trực thuộc có khó khăn. Dù chưa đến 10% nhưng tỷ trọng quỹ dự trữ tỉnh Bắc Ninh vẫn được đánh giá là khá cao nhờ có nền kinh tế phát triển mạnh mẽ

Biến động thu tài chính CQTU qua các năm được biểu hiện tại Bảng 2.3 sau:

Bảng 2.3: Tốc độ tăng nguồn thu tại Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018 – 2020

Đơn vị: %

STT	Nguồn tài chính	Năm 2019/ năm 2018	Năm 2020/ năm 2019
	Tổng thu ngân sách Đảng tỉnh	109,56	112,14
I	Kinh phí chi thường xuyên	110,69	110,79
1	Dư năm trước chuyển sang	110,84	615,59
2	Thu trong năm	110,68	102,64
2.1	NSNN cấp	108,07	101,01
2.2	Thu nguồn khác	133,05	113,91
	- Thu Đảng phí trích giữ lại, thu khác của Đảng ủy khối CCQ và DN tỉnh	109,94	104,43
	- Nguồn thu khác, kinh phí khám chữa bệnh do BHXH tỉnh chi trả Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	107,32	119,25
	- Nguồn thu bán báo	148,88	112,70
II	Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản	101,15	122,96
1	Dư năm trước chuyển sang	-	-
2	Kinh phí thực nhận trong năm	81,54	152,54
III	Quỹ dự trữ	105,83	117,09
1	Kế dư năm trước	106,53	121,16
2	Thu trong năm	103,54	103,45
	- Đảng phí trích giữ lại	103,70	103,50
	- Thu điều tiết lợi nhuận sau thuế đơn vị sự nghiệp	102,13	101,06
	- Thu lãi tiền gửi	104,34	105,37

Nguồn: Báo cáo tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh Năm 2018, 2019, 2020

Bảng 2.3 cho thấy, trong giai đoạn 2018 – 2020, tốc độ thu ngân sách Đảng tỉnh Bắc Ninh ổn định.

Nguồn NSNN cấp chi thường xuyên năm 2019 tăng 10,69% so với năm 2018, tương ứng với số tiền là 13.461.454 nghìn đồng. Đây là năm có tốc độ tăng cao, do phát sinh tăng các nhiệm vụ đặc thù như: mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định CQTU; tăng kinh phí trợ giá xuất bản báo;...

Nguồn KPTX giai đoạn 2018-2020 có biến động là do các nguyên nhân sau:

Nguồn KPTX trong định mức hàng năm tăng là do công tác lập dự toán luôn được quan tâm, các đơn vị khi xây dựng dự toán đã bám sát các mục tiêu, bám sát các chế độ, định mức, tiêu chuẩn quy định của Đảng và Nhà nước, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của Tỉnh ủy và các cơ quan, ban Đảng tỉnh.

Nguyên nhân của tình trạng tăng nguồn kinh phí là do trong giai đoạn 2018 - 2020 CQTU Bắc Ninh thực hiện theo Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bắc Ninh, theo đó định mức phân bổ dự toán là 114 triệu đồng/biên chế/năm và tăng kinh phí cải cách tiền lương theo chế độ của Nhà nước. KPTX ngoài định mức tăng

Trong giai đoạn 2018-2020, một số chế độ, chính sách đã được ban hành, triển khai thực hiện.:

Một là, tăng mức lương tối thiểu chung tăng từ 1.300.000đ lên 1.490.000đ theo 38/2019/NĐ-CP quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức là lực lượng vũ trang.

Hai là, tăng đối tượng hưởng tiền thưởng huy hiệu Đảng theo Công văn số 919- CV/VPTW/nb ngày 21/11/2016 của VPTW Đảng hướng dẫn mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng (Tại Điều 40, Quy định số 29/QĐ/TW ngày 25/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Quy định thi hành điều lệ Đảng có bổ sung tặng Huy hiệu Đảng 45 năm, 85 năm và 90 năm tuổi Đảng cho Đảng viên) và điều chỉnh mức chi tiền thưởng kèm theo Huy hiệu Đảng quy định tại Hướng dẫn số 56-HD/VPTW ngày 27/10/2015 của VPTW Đảng.

Ba là, thực hiện Nghị quyết số 78/2017/NQ-HĐND, ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh Bắc Ninh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, theo đó tăng chế độ công tác phí từ 150.000đ/người/ngày lên 200.000đ/người/ngày đi công tác và tăng chế độ tiền thuê phòng nghỉ của một số đối tượng.

2.3.2. Thực trạng chi tài chính

Chi ngân sách của Tỉnh ủy Bắc Ninh bao gồm chi hoạt động thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi từ nguồn kinh phí dự trữ. Các khoản chi thể hiện ở bảng 2.4 sau:

Bảng 2.4: Chi ngân sách cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020

Đơn vị: nghìn đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tổng
	Tổng chi	140.024.564	163.227.131	198.425.300	501.676.995
1	Chi hoạt động thường xuyên	128.703.900	149.104.971	178.492.300	456.301.171
2	Chi đầu tư phát triển	10.780.596	13.565.292	19.358.000	43.703.888
3	Chi hỗ trợ (từ nguồn kinh phí dự trữ)	540.068	556.868	565.000	1.661.936

Nguồn: Báo cáo tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020

Số liệu ở Bảng 2.4 cho thấy, tổng chi ngân sách CQTU Bắc Ninh giai đoạn 2018 - 2020 là 501.676.995 nghìn đồng. Tổng chi ngân sách CQTU Bắc Ninh không ngừng tăng lên, năm 2018 tổng chi ngân sách Đảng là 140.024.564 nghìn đồng, đến năm 2019 là 163.227.131 nghìn đồng, năm 2020 là 198.425.300 nghìn đồng.

Cơ cấu chi ngân sách được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.5: Cơ cấu chi ngân sách tại cơ quan Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: %

Stt	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Cộng (2018-2020)
	Tổng chi	100	100	100	100
1	Chi hoạt động thường xuyên	91,92	91,35	89,95	90,96
2	Chi đầu tư phát triển	7,70	8,31	9,76	8,71
3	Chi hỗ trợ (từ nguồn kinh phí dự trữ)	0,39	0,34	0,29	0,33

Nguồn: báo cáo tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020

Số liệu ở Bảng 2.5 cho thấy, cơ cấu chi của ngân sách Đảng tỉnh Bắc Ninh từ năm 2018 đến năm 2020 thể hiện như sau:

Chi hoạt động thường xuyên chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi ngân sách CQTU, giao động từ 89,95% đến 91,92% (bình quân 90,96%).

Chi từ nguồn vốn đầu tư phát triển: Khoản chi này chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi CQTU Bắc Ninh và tăng dần qua các năm.

Chi từ nguồn dự trữ: Chi từ nguồn dự trữ được sử dụng cho các yêu cầu hoạt động đột xuất của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; hỗ trợ hoạt động các cấp ủy Đảng trực thuộc có khó khăn; chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các Ban thuộc Tỉnh uỷ, Văn phòng Tỉnh uỷ, Đảng uỷ Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Trường chính trị Nguyễn Văn Cừ. Khoản chi này vẫn tăng đều qua các năm nhưng tỷ trọng so với tổng chi thì lại giảm dần.

Biến động chi tài chính CQTU qua các năm được biểu hiện tại bảng sau:

Bảng 2.6: Tốc độ tăng chi ngân sách CQTU tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020

Đơn vị tính: %

STT	Nội dung	Năm 2019 / năm 2018	Năm 2020/ năm 2019
	Tổng chi	116,57	121,56
1	Chi hoạt động thường xuyên	115,85	119,71
2	Chi đầu tư phát triển	125,83	142,70
3	Chi hỗ trợ (từ nguồn kinh phí dự trữ)	103,11	103,26

Nguồn: Báo cáo tài chính Tỉnh uỷ Bắc Ninh năm 2018, 2019, 2020

Tổng số chi ngân sách Đảng tỉnh qua các năm tăng với nhanh, trong đó năm 2019 tăng 16,57% so năm 2018, năm 2020 tăng 21,56%% so năm 2019 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

Chi thường xuyên trong định mức hàng năm đều tăng là do các khoản chi có tính chất tương đối ổn định, được tính trên cơ sở biên chế và nhiệm vụ chính trị được giao, đồng thời mức lương cơ bản hàng năm tăng theo quyết định của Chính phủ, chế độ

công tác phí thay đổi và yếu tố trượt giá hàng năm.

Chi thường xuyên ngoài định mức tăng mạnh năm 2020, cụ thể là chi đặc thù của Đảng, do năm 2020, tỉnh Bắc Ninh tổ chức Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ X, nhiệm kỳ 2020 – 2025 nên cần nhiều chi phí tổ chức, phục vụ đại hội.

Chi đầu tư phát triển tăng nhanh cùng với sự phát triển của nền kinh tế địa phương trong những năm qua.

Chi từ nguồn dự trữ ổn định tăng khoản 3% mỗi năm.

2.4. Phân tích, đánh giá tình hình quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh

2.4.1. Phân tích theo mô hình PDCA

Chu trình PDCA là một kỹ thuật giải quyết vấn đề gồm bốn bước được sử dụng để cải thiện liên tục quy trình quản lý. Chu trình PDCA bao gồm: Plan - Do - Check - Act là lập kế hoạch, thực hiện, kiểm tra, điều chỉnh.

Ứng dụng mô hình PDCA vào quản lý tài chính tại tỉnh ủy, ta có thể thấy:

- Plan: Tương ứng với công tác lập dự toán ngân sách
- Do: Tương ứng với quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch
- Check: Việc kiểm tra thực hiện kế hoạch
- Act: Thực hiện điều chỉnh, cải tiến kế hoạch

2.4.1.1. Công tác lập dự toán ngân sách

Căn cứ Thông tư 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn phòng Tỉnh ủy được Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền quán triệt, tập trung chỉ đạo các đơn vị khối Đảng tỉnh, các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy lập dự toán ngân sách năm theo đúng nguyên tắc và các quy định của Luật ngân sách Nhà nước, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh. Văn phòng Tỉnh ủy thẩm định dự toán các ban, cơ quan Đảng, các đơn vị thuộc cấp tỉnh trên cơ sở các nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị với nguyên tắc, chế độ chính sách quy định và trên tinh thần dân chủ thống nhất cao. Sau đó, tổng hợp số liệu, thảo luận với cơ quan tài chính cùng cấp

(Sở Tài chính) thống nhất báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

2.4.1.2. Công tác thực hiện kế hoạch

Căn cứ vào nguồn kinh phí chi thường xuyên và chi đặc thù hoạt động của Đảng được HĐND tỉnh phê duyệt, Cơ quan tài chính Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định giao, phân bổ kinh phí cho các Ban, cơ quan trực thuộc theo từng nhiệm vụ cụ thể và được phân theo tháng. Quyết định giao, phân bổ kinh phí này là căn cứ để cơ quan tài chính Tỉnh ủy cấp và theo dõi thực hiện nhiệm vụ tài chính trong năm.

- Về quản lý, sử dụng kinh phí và quyết toán kinh phí hoạt động

Công tác quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động được thực hiện theo Luật ngân sách, Mục lục ngân sách hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng về việc thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng.

Công tác quản lý tài chính, tình hình chấp hành dự toán thu - chi ngân sách Đảng trong thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - tài chính; tình hình sử dụng, quyết toán kinh phí trong Đảng bộ được thực hiện thống nhất trên hệ thống phần mềm kế toán DAS, nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin vào trong công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng.

- Về chấp hành ngân sách

Các đơn vị được quán triệt đầy đủ, nghiêm túc theo các quy định và các văn bản hướng dẫn của Đảng và Nhà nước. Trong quá trình thực hiện về cấp phát kinh phí, chi ngân sách, kế toán và quyết toán ngân sách thực hiện đúng quy định hiện hành, tiết kiệm và hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong toàn tỉnh.

Việc thực hiện công khai tài chính NSNN tại Hội nghị Ban Thường vụ, Ban chấp hành Đảng bộ các cấp hoặc hội nghị cán bộ công nhân viên chức của cơ quan, đơn vị theo đúng Quy định số 3869-QĐ/VPTW ngày 21/6/2019 của Văn phòng Trung

ương Đảng về công khai dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước và tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản, các quỹ tại các cơ quan, đơn vị của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Về thu, nộp Đảng phí và quản lý, sử dụng nguồn thu Đảng phí

Thực hiện Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng Đảng phí được các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt quy định về chế độ Đảng phí theo Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị và Công văn số 141-CV/VPTW/nb, ngày 17/3/2011 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn thi hành Quyết định số 342-QĐ/TW quy định về chế độ Đảng phí; Quyết định số 99-QĐ/TW, ngày 30/05/2012 của Ban Bí thư Trung ương về ban hành “Quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và các văn bản hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.”

Các tổ chức cơ sở Đảng đã thực hiện tốt các quy định của Điều lệ Đảng, phát huy tinh thần, ý thức trách nhiệm, kịp thời quán triệt, phổ biến cho Đảng viên các chủ trương, quyết định của Đảng về chế độ Đảng phí, chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, qua đó việc thu nộp Đảng phí được thực hiện đảm bảo nguyên tắc, quy định của Điều lệ Đảng.

2.4.1.3. Kiểm tra việc thực hiện

Cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh đã quan tâm đến công tác kiểm tra, giám sát tài chính Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy ngoài việc nghe báo cáo định kỳ của ủy ban kiểm tra và yêu cầu báo cáo, tham mưu những nội dung đột xuất, chuyên đề về công tác kiểm tra, giám sát tài chính Đảng, đã cho ý kiến chỉ đạo, xử lý nghiêm túc và kịp thời đối với những sai phạm đã được phát hiện.

Công tác thẩm định quyết toán tình hình kinh phí và quyết toán kinh phí đã sử dụng của các đơn vị dự toán trực thuộc Tỉnh ủy được thực hiện nghiêm và hiệu quả. Đầu năm ngân sách hàng năm, Văn phòng Tỉnh ủy đã tham mưu với Thường trực Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm trước đối với hoạt động thu, chi tài chính của các các ban, cơ quan của Đảng và Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh; tổng hợp báo cáo tài chính của các ban, cơ quan

Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, đề nghị Sở Tài chính thẩm định quyết toán, có văn bản thẩm định theo đúng quy định.

Văn phòng Tỉnh ủy không thực hiện thẩm định xét duyệt quyết toán ngân sách Văn phòng các huyện ủy, thị ủy, thành ủy theo Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2019 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam; Công văn số 2176-CV/VPTW ngày 21/3/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn phê duyệt quyết toán năm của văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh.

2.4.1.4. Thực hiện điều chỉnh

Căn cứ vào kinh phí được cấp chi thường xuyên và chi đảm bảo các nhiệm vụ đặc thù của Đảng. Căn cứ vào nhiệm vụ đặc thù đột xuất được cấp trên giao cho, các Ban, cơ quan của Tỉnh ủy tổng hợp, đề xuất cơ quan Tài chính Tỉnh ủy dự toán xin bổ sung, điều chỉnh tăng nhằm bảo đảm cho các hoạt động đặc thù của Đảng.

Đối với những nội dung chi đã được bố trí từ dự toán đầu năm, do điều kiện khách quan không triển khai nhiệm vụ được (ảnh hưởng dịch Covid-19 các hội nghị, tập huấn... sẽ không tổ chức được) các Ban, cơ quan của Tỉnh ủy tổng hợp, đề xuất cơ quan Tài chính Tỉnh ủy dự toán xin bổ sung, điều chỉnh tăng nhằm bảo đảm cho các hoạt động đặc thù của Đảng.

2.4.2. Phân tích dựa trên số liệu bảng hỏi

2.4.2.1. Dữ liệu nghiên cứu

Đi theo mô hình bảng hỏi Dixon, tác giả đã đi theo 4 bước để xây dựng bảng hỏi và thu thập dữ liệu:

- Phần một, thu thập các dữ liệu thứ cấp về người trả lời bảng hỏi và các CQ tỉnh Bắc Ninh, phân tích cơ bản đề làm tiền đề, đưa ra các đánh giá, nhận xét, giả thuyết cơ bản để tiến hành phân tích, đối chiếu với kết quả khảo sát thu được
- Phần hai, dựa trên các nhận xét, giả thuyết đưa ra để xây dựng bảng hỏi nhằm khiến người tham gia khảo sát đánh giá các yếu tố cần cải thiện.
- Phần ba, sử dụng các chỉ số hiệu quả để đánh giá.

- Phần bốn, khuyến khích các nhân viên của tổ chức đã tham gia thu thập dữ liệu từ bảng hỏi nêu đề xuất cải tiến, nâng cao hiệu quả của công tác quản lý.

Tuy nhiên, tác giả đã kết hợp phần hai và bốn vào bảng hỏi bằng cách đưa thêm 1 số câu hỏi phỏng vấn ngắn để người tham gia khảo sát kết hợp đánh giá các yếu tố, đưa ra kết luận của cá nhân và đề xuất các phương hướng giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh.

Dựa trên phạm vi nghiên cứu, đối tượng được khảo sát nằm trong các cán bộ, nhân viên làm việc tại các CQTU Bắc Ninh. Kết quả tổng hợp thông tin cá nhân người tham gia khảo sát được mô tả chi tiết như sau:

Bảng 2.7: Thống kê đặc điểm người tham gia khảo sát

Đặc điểm	Phân loại	Tần suất	Tỷ lệ
Giới tính	Nam	45	57,5%
	Nữ	61	42,5%
	Khác	0	0%
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi	0	0%
	Từ 25 đến 40 tuổi	34	32,1%
	Trên 40 tuổi	72	67,9%
Số năm công tác tại các CQTU Bắc Ninh	Dưới 3 năm	0	0%
	Từ 3 đến 10 năm	36	34%
	Từ 10 đến 15 năm	39	36,8%
	Trên 15 năm	31	29,2%

Nguồn: Số liệu khảo sát

2.4.2.1. Phân tích dữ liệu

**Yếu tố nhân sự:*

Từ kết cấu dữ liệu thu được, ta có thể thấy rõ người có độ tuổi trên 40 là nhiều nhất (chiếm 32,1%) và không có một ai dưới 25 tuổi. Số năm công tác cũng dao động

từ trên 3 năm đến trên 15 năm, nhiều nhất là trong khoảng 10-15 năm làm việc (chiếm 36,8%). Số liệu này có thể chỉ ra rằng hệ thống nhân sự tại các CQTU Bắc Ninh có tuổi đời công tác cao, các đơn vị này còn chưa thu hút được lượng nhân lực trẻ về tỉnh. Điều này cũng đồng nghĩa với việc khả năng tiếp thu, học hỏi các công nghệ mới sẽ không được cao. Thể hiện rõ ở bảng số liệu sau:

Bảng 2.8: Bảng đánh giá yếu tố nhân sự tại CQTU Bắc Ninh

Trình độ	1	2	3	4	5	Chỉ số trung bình
Chuyên môn			21	77	8	3,88
Tin học văn phòng			14	92		3,87
Lý luận chính trị			15	75	16	4,01
Học hỏi tiếp thu công nghệ mới			43	63		3,59

Nguồn: Số liệu khảo sát

Ghi chú: 1: Kém; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt; 5: Tuyệt vời

Từ bảng trên, ta có thể thấy, trình độ lý luận chính trị là cao nhất (4,01) trong khi khả năng học hỏi, tiếp thu công nghệ mới là thấp nhất (3,59) đúng như dự kiến suy ra từ đặc điểm người tham gia khảo sát.

** Các yếu tố về nguyên tắc quản lý tài chính:*

Từ số liệu thu thập được về các nguyên tắc quản lý tài chính cũng như khả năng đáp ứng các nhiệm vụ chính trị và đảm bảo tuân theo luật ngân sách nhà nước, ta sẽ tính ra chỉ số trung bình cho từng yếu tố trên cụ thể như sau:

Bảng 2.9: Bảng chỉ số các nguyên tắc và quy tắc, mục tiêu

Đặc điểm	1	2	3	4	5	Chỉ số trung bình
Tính công khai, minh bạch			42	56	8	3,68
Tính dân chủ			40	68		3,70
Tính độc lập, tự chủ		9	41	56		3,44
Tiết kiệm hiệu quả			49	49	8	3,61
Đảm bảo cân đối thu chi			42	55	9	3,69
Đáp ứng nhiệm vụ			39	55	12	3,75
Chấp hành luật NSNN			35	56	15	3,81
Đánh giá chung			35	71		3,67

Nguồn: Số liệu khảo sát

Ghi chú: 1: Kém; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt; 5: Tuyệt vời

Nhìn chung, các yếu tố không chênh lệch nhiều và đều khá cao, chỉ số trung bình trong khoảng từ 3,61 đến 3,81. Duy nhất chỉ có yếu tố “tính độc lập, tự chủ” là thấp nhất (có chỉ số trung bình là 3,44). Tuy nhiên, điều này nằm trong dự đoán được đưa ra từ việc phân tích số liệu thứ cấp và cơ cấu bộ máy quản lý tài chính Tỉnh ủy. Sự bất cập do việc sáp nhập quản lý Tài chính vào Văn phòng Tỉnh ủy gây khó khăn trong công tác xử lý và khiến các đơn vị phụ thuộc vào Văn phòng Tỉnh ủy.

Chỉ số chấp hành luật NSNN cao nhất (3.81), chỉ số đáp ứng nhiệm vụ chính trị xếp thứ hai (đạt 3,75) đều khá cao, thể hiện được công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh được nội bộ đánh giá là hoàn thành tốt nhiệm vụ và đảm bảo tuân theo luật NSNN. Ngoại trừ tính độc lập tự chủ thì yếu tố thấp nhất là tính tiết kiệm và hiệu quả.

** Cơ cấu, bộ máy quản lý tài chính:*

Từ số liệu thu được từ khảo sát, ta có bảng số liệu đánh giá bộ máy quản lý tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh như sau:

Bảng 2.10: Bảng đánh giá bộ máy quản lý

	1	2	3	4	5	Chỉ số trung bình
Mức độ thuận tiện		21	56	29		3,08
Tốc độ xử lý		18	65	23		3,05
Mức độ đồng bộ của các quy định			63	43		3,41
Mức độ hiệu quả			56	50		3,47

Nguồn: Số liệu khảo sát

Ghi chú: 1: Kém; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt; 5: Tuyệt vời

So với các chỉ số trên, ta có thể thấy rõ ràng, chỉ số đánh giá bộ máy quản lý thấp hơn hẳn (dao động từ 3,05 đến 3,47). Đặc biệt là khi khảo sát về bộ máy quản lý, trong 106 người tham gia khảo sát và 4 mục đánh giá, không hề có mục nào nhận được bất kỳ phiếu đánh giá “tuyệt vời”. Điều này cho thấy bộ máy quản lý tài chính đang là điểm yếu rõ rệt của công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

Đi sâu vào hơn, mức độ hiệu quả dù cao nhất trong 4 mục đánh giá nhưng cũng chỉ đạt chỉ số 3,47. Mức độ đồng bộ của các quy định đạt 3,41. Mức độ thuận tiện trong thủ tục xử lý công việc đạt 3,08. Tốc độ xử lý có chỉ số thấp nhất, đạt 3,05.

Về tốc độ xử lý công việc, ta có bảng số liệu so sánh trước và sau khi thực hiện thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW như sau:

Bảng 2.11: Số liệu tốc độ xử lý công việc

	Trước		Sau	
Tốc độ xử lý	Tần suất	Tỷ lệ	Tần suất	Tỷ lệ
Trong vòng 2 ngày làm việc	32	30,19%	18	16,98%
Từ 2 đến 5 ngày làm việc	64	60,38%	28	26,42%
Trên 5 ngày làm việc	10	9,43%	60	56,60%

Nguồn: Số liệu khảo sát

Sau khi thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, tốc độ xử lý công việc bị kéo dài ra rõ rệt. Cơ cấu đánh giá tốc độ xử lý trước đó chủ yếu rơi vào khoảng 2 đến 5 ngày thì sau khi thực hiện, thời gian xử lý công việc bị đánh giá là thường trên 5 ngày. Quá trình xử lý bị kéo dài do việc sáp nhập quản lý tài chính vào Văn phòng Tỉnh ủy khiến thủ tục hành chính tăng thêm.

** Đánh giá các nội dung trong công tác quản lý:*

Bảng 2.12: Đánh giá nội dung quản lý tài chính

Nội dung	1	2	3	4	5	Chỉ số trung bình
Lên kế hoạch phù hợp với thực tế			14	84	8	3,94
Dự toán bám sát thực tế			23	83		3,78
Quá trình thu, chi minh bạch			7	91	8	4,01
Quỹ dự trữ đáp ứng được nhu cầu phát sinh			9	75	22	4,12
Công tác giám sát nghiêm khắc, hiệu quả			18	88		3,83

Nguồn: Số liệu khảo sát

Ghi chú: 1: Kém; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt; 5: Tuyệt vời

Nhìn chung các chỉ số đều được đánh giá cao (dao động từ 3,78 đến 4,12). Trong đó, thấp nhất là chỉ số cho công tác dự toán và cao nhất là chỉ số về khả năng đáp ứng nhu cầu phát sinh của quỹ dự trữ.

Chỉ số này khá phù hợp với kết quả đánh giá từ dữ liệu thứ cấp và tình trạng thực tế tại tỉnh Bắc Ninh. Công tác dự toán luôn là công tác khó nhất trong các nội dung trên do thực tế phát sinh bất ngờ khó có thể lường trước nhưng điều này vẫn nằm trong khả năng đáp ứng của quỹ dự trữ tài chính Tỉnh ủy.

** Một số câu trả lời cho câu hỏi phỏng vấn ngắn:*

Từ bảng khảo sát, ta có một số câu trả lời ngắn tiêu biểu cho câu hỏi “Những hạn chế của công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh” như sau:

“Xử lý công việc chậm vì quá nhiều khâu”

“Sáp nhập quản lý tài chính vào Văn phòng tỉnh ủy gây khó khăn trong việc đưa ra quyết định chi tài chính”

“Việc tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách ở một số đơn vị còn chậm, chưa kịp thời hạn nộp”

“Kế hoạch tài chính chưa đáp ứng được nhu cầu phát sinh”

Về câu hỏi đề xuất giải pháp, một số câu trả lời gợi ý thu được như sau:

“Áp dụng mô hình quản lý tài chính cũ trước khi thực hiện Nghị quyết 18- NQ/TW”

“Đầu tư các khóa học nâng cao trình độ tin học văn phòng cho nhân viên”

“Áp dụng các công nghệ hiện đại vào quản lý”

2.5. Ưu điểm và hạn chế trong quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bắc Ninh

2.5.1. Ưu điểm

Phân cấp quản lý ngân sách thực hiện theo Nghị quyết số 24/2016/NQ-HĐND18 ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020.

Ngân sách Đảng tỉnh đã cơ bản đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động của các ban, cơ quan Đảng, Đảng ủy khối trực thuộc Tỉnh ủy; Thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác tài chính.

Công tác quản lý điều hành ngân sách có chuyển biến tích cực, phân bổ và giao dự toán được xác định rõ nội dung, nhiệm vụ chi, đúng nội dung nguồn kinh phí. Chấp hành đầy đủ chính sách, chế độ tài chính, nguyên tắc, thủ tục chứng từ chi tiêu; kinh phí và cơ sở vật chất kỹ thuật được quản lý, sử dụng chặt chẽ, hợp lý và tiết kiệm. Cơ quan tài chính các cấp ủy đã thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp cấp

uỷ quản lý, điều hành ngân sách, phối hợp với cơ quan tài chính nhà nước trong việc bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên cũng như các nhu cầu chi phát sinh ngoài dự toán, giúp các cấp uỷ chủ động hơn trong xây dựng, quản lý và điều hành dự toán ngân sách, góp phần thực hiện chính sách đối với cán bộ làm công tác Đảng.

Một là, quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh đã đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động của CQTU, góp phần tích cực vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo toàn diện của cấp uỷ về phát triển KT-XH, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và công tác quần chúng nhằm thực hiện Cương lĩnh Chính trị, Điều lệ Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Thông qua quản lý tài chính, Tỉnh uỷ Bắc Ninh đã bảo đảm huy động được các nguồn tài chính vào quỹ tài chính của CQTU để đáp ứng nhu cầu chi tiêu phục vụ hoạt động thường xuyên và nhiệm vụ chính trị, đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho CQTU, các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ, đơn vị trực thuộc; huy động các nguồn thu nội bộ để hỗ trợ chi hoạt động, tăng chi khen thưởng, cải thiện đời sống cán bộ, công chức và người lao động, đặc biệt là nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp.

Hai là, xây dựng kế hoạch tài chính CQTU Bắc Ninh có nhiều cải tiến rõ nét, được xây dựng trên các căn cứ tính toán rõ ràng, thuyết minh cụ thể và luôn phù hợp với các chủ trương, định hướng của cấp uỷ. Các chỉ tiêu thu, chi tài chính đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của CQTU.

Ba là, việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách đảm bảo thời gian, nội dung, quy trình theo đúng quy định của Luật NSNN, cơ chế quản lý tài chính Đảng đảm bảo công khai, dân chủ, đáp ứng được kinh phí hoạt động của CPU và các cơ quan Đảng trực thuộc. Việc quản lý, điều hành ngân sách CQTU cơ bản đã bám sát dự toán được giao và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức.

Bốn là, quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh đã đảm bảo việc tuân thủ, chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước, các chế độ, chính sách, cơ chế quản lý tài chính của cơ quan quản lý tài chính cấp trên. Các đơn vị đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và hệ thống tiêu chuẩn, định mức chi tiêu nội bộ theo quy định của pháp luật.

2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.5.2.1. Hạn chế

Thứ nhất, về xây dựng kế hoạch tài chính

Chất lượng xây dựng kế hoạch tài chính và thẩm định của cơ quan tài chính Tỉnh ủy Bắc Ninh, đặc biệt các đơn vị dự toán trực thuộc còn có mặt hạn chế, chưa dự kiến hết nhu cầu chi tiêu, chưa sát với thực tế, hàng năm ngân sách tỉnh phải bổ sung kinh phí nhiều lần. Quy trình xây dựng dự toán NSNN khá phức tạp, nhiều nội dung chi, mục chi, song lại chưa thực sự bám sát được thực tế nhu cầu chi tiêu của các đơn vị dẫn đến việc điều chỉnh mục chi, nhóm mục chi và nội dung chi vẫn diễn ra hàng năm.

Kế hoạch tài chính của CQTU chưa dự báo tốt khả năng thu các nguồn thu nội bộ, trong đó dự toán thu dịch vụ quảng cáo và hoạt động sự nghiệp Báo Bắc Ninh còn sơ sài, mang tính hình thức, chưa khoa học nên thường không sát với thực tế thực hiện.

Thứ hai, về tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính

Nguồn thu ngân sách CQTU Bắc Ninh chủ yếu vẫn phụ thuộc vào NSNN cấp, chưa có sự mở rộng triệt để từ các nguồn thu khác. Việc quản lý các nguồn thu nội bộ chưa được chú trọng khai thác triệt để, trong đó khoản thu từ dịch vụ quảng cáo Báo Bắc Ninh hàng năm thường xuyên đạt thấp.

Nhiều tổ chức cơ sở Đảng chưa thực hiện nghiêm túc việc đặt báo Đảng theo của Bộ Chính trị (khóa VIII), Chỉ thị số 05-CT/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV) về mua và đọc báo, tạp chí của Đảng dẫn đến số lượng bán báo không cao, ảnh hưởng đến kết quả thu hoạt động sự nghiệp Báo Bắc Ninh; giá bán báo in còn thấp so với các báo Đảng địa phương khác và mặt bằng chung các loại báo. Tỉnh ủy phải dành một phần kinh phí để cấp, phát báo, tạp chí của Đảng đến các đối tượng theo quy định: Hiện mỗi ngày cấp 2.149 tờ Báo Nhân dân 15.646 tờ Báo Bắc Ninh và 126 cuốn/số các Tạp chí: Cộng sản, Xây dựng Đảng, Tuyên giáo, Thanh niên...

Một số đơn vị điều hành dự toán chưa khoa học, sử dụng kinh phí chưa bám sát dự toán được giao, hiện tượng thực hiện dự toán dồn vào cuối năm, một số nhiệm

vụ chi đã được giao dự toán trong năm còn để kéo dài không hoàn chỉnh chứng từ thanh quyết toán dẫn đến thời gian quyết toán kinh phí sang niên độ ngân sách năm sau, dẫn đến số kinh phí chuyển năm sau thường lớn. Việc thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy có hiệu quả, nhưng chất lượng còn chưa cao.

Một số Đảng bộ chấp hành chưa đúng quy định về Đảng viên đóng Đảng phí hàng tháng, chậm nộp số thu Đảng phí lên cấp trên, mức thu Đảng phí hoặc sử dụng Đảng phí được trích giữ lại còn có những nội dung chưa đúng quy định.

Việc quản lý chi từ nguồn kinh phí dự trữ của Tỉnh ủy Bắc Ninh trong những năm qua chủ yếu dùng để chi hỗ trợ các cấp ủy trực thuộc và cán bộ, công chức CQTU nên chưa thực sự phát huy hết hiệu quả sử dụng.

Thứ ba, Văn phòng Tỉnh ủy quản lý tài chính cấp cho các hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (tổng số lượng lên đến 32 đơn vị). Do đó các cơ quan này bị phụ thuộc vào Văn phòng Tỉnh ủy trong mọi hoạt động liên quan đến tài chính, gây rắc rối trong thủ tục hành chính và kéo dài thời gian xử lý công việc. Các cơ quan này bị phụ thuộc về tài chính, không chủ động trong sử dụng kinh phí phục vụ nhiệm vụ, đặc biệt là nhiệm vụ đột xuất.

VPTU và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy là hai đơn vị độc lập, có chức năng nhiệm vụ khác nhau. Chính vì vậy, khi đảm nhận quản lý tài chính phục vụ các hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thì VPTU không hiểu hết bản chất, đặc thù của công việc dẫn đến VPTU ký chi nhưng lại không thật sự hiểu nội dung chi, mục đích sử dụng nguồn tiền là gì. Cán bộ phụ trách công tác kế toán của các ban Đảng nhưng không sinh hoạt tại các ban nên không biết, không hiểu, dẫn đến việc tham mưu, triển khai, theo dõi, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ và xử lý các thủ tục thanh quyết toán thiếu kịp thời.

Các ban Đảng được giao nhiệm vụ dự toán chi ngân sách hàng năm, được độc lập chi tiêu trong dự toán được giao nhưng VPTU lại phải chịu trách nhiệm pháp lý về thanh quyết toán kinh phí.

Thủ tục, hồ sơ thanh toán phải qua nhiều bộ phận, nhiều hoạt động của các bạn Đảng bị động, lúng túng. Lãnh đạo các đơn vị chủ động quyết định và thực hiện việc chi tiêu nhưng lại không phải chủ tài khoản, không thể duyệt chi nên không gần được trách nhiệm trong việc sử dụng kinh phí. Đặc biệt là việc ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ theo luật Đấu thầu.

2.5.2.1. Nguyên nhân hạn chế

Một là, từ khi thực hiện sáp nhập tài chính Đảng về Văn phòng Tỉnh ủy làm nhiệm vụ phục vụ chung đến nay, hệ thống văn bản về tiêu chuẩn, định mức chi tiêu trong các cơ quan Đảng còn thiếu và chưa đồng bộ; một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi không phù hợp với thực tế, nhất là đối với định mức chi thường xuyên. Một số quy định quản lý tài chính, tài sản Đảng còn thiếu và bất cập so với thực tế, chậm được bổ sung, sửa đổi. Một số nội dung chưa bám sát nhiệm vụ chi, tiêu chuẩn định mức Nhà nước nên đã làm ảnh hưởng đến việc điều hành ngân sách của Đảng bộ các cấp. Công tác kiểm tra từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán đối với các huyện, thị, thành ủy còn gặp khó khăn vì thế khó có thể bao quát hết nhu cầu chi tiêu, đi sát với thực tế.

Định mức chi thường xuyên theo biên chế là ổn định; hàng năm, các đơn vị phải trừ tiết kiệm chi (10%) để tạo nguồn kinh phí cải cách tiền lương; trong khi đó nhà nước lại ban hành một số văn bản tăng mức chi; cộng thêm nữa là giá cả thị trường biến động lớn, dẫn tới khó khăn về kinh phí cho các đơn vị.

Hai là, cơ quan tài chính của Tỉnh ủy chưa thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy trong quản lý tài chính: Quá trình lập dự toán ngân sách vẫn được duy trì phương thức quản lý ngân sách theo các khoản mục đầu vào, chưa tính đến hiệu quả đầu ra; việc kiểm soát chi, thẩm định dự toán, công tác hướng dẫn nghiệp vụ chưa được quan tâm đúng mức.

Ba là, việc theo dõi, đôn đốc các nhiệm vụ chi thực hiện chưa thường xuyên, một số các khoản thanh toán còn chưa đảm bảo thủ tục theo quy định. Việc tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách ở một số đơn vị còn chậm, như Văn phòng Tỉnh ủy, Báo Bắc Ninh, Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh.

Bốn là, các đơn vị sự nghiệp có thu chưa thích ứng được với xu thế thay đổi của cơ chế thị trường nên chất lượng, hiệu quả hoạt động chưa cao; còn có thói quen làm việc trong môi trường bao cấp về kinh phí đã hạn chế tính năng động, sáng tạo tìm tòi giải pháp nâng cao hiệu quả thu hoạt động sự nghiệp.

Năm là, tổ chức bộ máy quản lý tài chính - kế toán của CQTU Bắc Ninh và các đơn vị trực thuộc còn cồng kềnh, chưa thực sự khoa học, chưa đáp ứng theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"; Kế hoạch số 07-KH/TW, ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW trong đó có yêu cầu phải sắp xếp lại bộ phận quản lý tài chính của Tỉnh ủy tinh gọn, hiệu quả. Dù chủ đích sáp nhập Tài chính Đảng vào VPTU nhằm quy việc quản lý tài chính về một mối, tinh gọn bộ máy, nhưng trên thực tế, việc sáp nhập này gây nhiều rắc rối, phiền hà, trì trệ trong việc quản lý, sử dụng tài chính.

Sáu là, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của một số cán bộ làm công tác kế toán tài chính Đảng chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, nhất là trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính CQTU. Hệ thống cán bộ nhân sự phục vụ cho công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh hiện nay có khả năng học hỏi, cập nhật công nghệ mới thấp, do chưa thu hút được đối tượng nhân tài trẻ về tỉnh. Điều này gây khó khăn trong việc đổi mới, áp dụng các công cụ hiện đại vào quản lý tài chính.

Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ QUAN TỈNH ỦY BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2021-2030

3.1. Định hướng xây dựng và phát triển quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

Một là, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính phục vụ nhiệm vụ chính trị, đồng thời cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức và người lao động trong cơ quan Tỉnh ủy.

Quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh phải triệt để tiết kiệm, nâng cao hiệu quả nguồn lực tài chính và chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Đây vừa là mục tiêu vừa là nguyên tắc trong quản lý tài chính của CQTU.

Đối với hoạt động sự nghiệp có thu, hiệu quả tài chính ở đây là chi phí sự nghiệp làm sao với chi phí thấp nhất mà vẫn đạt yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời, thời gian xử lý công việc phải được rút ngắn nhất có thể.

Chỉ tiêu ở đây là thu – chi. Hiệu quả còn được tính trên khả năng cạnh tranh trên thị trường với các cơ sở hoạt động cùng ngành nghề. Mục tiêu tổng hợp và cuối cùng của các hoạt động dịch vụ này chính là làm sao cho có chênh lệch thu – chi lớn nhất, đồng thời đảm bảo thời gian thực hiện, xử lý công việc là ngắn nhất.

Về thời gian xử lý công việc, có thể áp dụng công nghệ thông tin để đẩy nhanh tốc độ xử lý công việc, công tác quản lý hồ sơ, dữ liệu được thuận tiện hơn. Đồng thời, cải thiện bộ máy quản lý, giúp bộ máy trở nên linh hoạt, hiệu quả hơn, giảm ngắn thời gian thực hiện công việc.

Hai là, tăng khả năng thu các khoản thu nội bộ nhằm giảm áp lực cân đối từ NSNN.

Nguồn tài chính của CPU được hình thành từ các nguồn NSNN cấp, Đảng phí do Đảng viên đóng góp, các khoản thu từ các đơn vị sự nghiệp của Đảng và các khoản thu khác.

Trong đó, NSNN chi cân đối trên cơ sở chênh lệch tổng chi trừ các khoản thu nội bộ đưa vào cân đối chi thường xuyên. Để giảm áp lực cân đối từ NSNN, tăng tính chủ động thì ngân sách CQTU cần phải tăng nguồn thu ngoài ngân sách, tăng quỹ dự

trữ ngân sách Tỉnh uỷ đưa vào cân đối chi thường xuyên.

Một trong những điểm khác biệt của ngân sách CQTU với ngân sách các đơn vị hành chính sự nghiệp của nhà nước là có nguồn kinh phí dự trữ. Khi có nguồn kinh phí dự trữ thì CQTU chủ động hơn trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành ngân sách, chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất của cấp uỷ và các đơn vị dự toán trực thuộc khi NSNN chưa đảm bảo hoặc không có điều kiện đảm bảo; bổ sung mua sắm tài sản, trang thiết bị làm việc, cơ sở vật chất; ban hành thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù phục vụ hoạt động của CQTU; thực hiện công tác cán bộ của Đảng, cải thiện đời sống cán bộ, công chức, người lao động như chi phúc lợi, lễ, tết, ...

Ba là, nâng cao chất lượng thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các đơn vị trực thuộc.

Việc thực hiện cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan trực thuộc Tỉnh uỷ tuy đã có hiệu quả, nhưng chất lượng còn chưa cao.

Chính vì vậy, cần đưa ra những giải pháp để giải quyết những vấn đề còn tồn tại của tự chủ tài chính đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh uỷ nhằm cải thiện cơ chế tự chủ của đơn vị.

Từ đó hướng tới sắp xếp lại công việc và tổ chức bộ máy, đảm bảo hiệu quả nguồn lực tài chính và nguồn lao động để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, phát huy nội lực để công tác tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ có chất lượng cao, tăng quyền tự chủ của thủ trưởng đơn vị, bên cạnh đó từng bước tăng thu nhập cho cán bộ công chức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả tự chủ tài chính tại các đơn vị trực thuộc là góp phần vào công cuộc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị tỉnh Bắc Ninh

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh uỷ Bắc Ninh

3.2.1. Hoàn thiện quy chế quản lý tài chính của Tỉnh uỷ

Quy chế quản lý tài chính của Tỉnh uỷ Bắc Ninh được tuy mới được triển khai thực hiện từ năm 2018 đến nay sau khi tinh gọn bộ máy quản lý tài chính, nhưng có nhiều điểm còn không phù hợp, không hiệu quả như mong muốn.

Chính vì vậy, cần phải sửa đổi, hoàn thiện quy chế quản lý tài chính của Tỉnh ủy phù hợp với các quy định hiện hành và thực tiễn các đơn vị dự toán để mang lại hiệu quả cao nhất trong quản lý tài chính.

Khi xây dựng quy chế quản lý tài chính mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cần tổ chức các cuộc thảo luận công khai dân chủ bàn về nội dung quản lý tài chính tại cơ quan tỉnh ủy sao cho phù hợp với Luật NSNN, cơ chế quản lý tài chính Đảng và các quy định hiện hành, đồng thời phù hợp với thực tiễn, đặc điểm của từng cơ quan, đơn vị.

Quy chế quản lý tài chính của Tỉnh ủy được xây dựng công khai, dân chủ, khoa học và hợp lý sẽ giúp làm cơ sở cho việc quản lý, điều hành ngân sách Đảng một cách công khai minh bạch, quả đó sẽ làm cho việc lập kế hoạch tài chính, tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính và thanh, kiểm tra được thực hiện một cách nề nếp, hiệu quả hơn.

Khi xây dựng quy chế quản lý tài chính của Tỉnh ủy, cần phải chú ý một số vấn đề sau:

Một là, quy chế cần quy định rõ quyền và trách nhiệm của những người tham gia quản lý và sử dụng kinh phí; phân cấp rõ ràng thẩm quyền quyết định quản lý tài chính cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Việc phân rõ thẩm quyền này sẽ giúp công tác quản lý rõ ràng, hiệu quả hơn.

Hai là, quy chế cần quy định rõ các mốc thời gian tổ chức thực hiện như: thời hạn lập kế hoạch tài chính, lập báo cáo tài chính, chế độ báo cáo, ...; quy định hệ thống sổ sách kế toán, biểu mẫu chứng từ áp dụng thống nhất trong CQTU. Từ đó, thúc đẩy, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ tài chính một cách thường xuyên, đảm bảo đúng các mốc thời gian quy định, tránh chậm trễ. Các quy chế càng rõ ràng thì quy trình quản lý tài chính sẽ càng sát sao và dễ dàng hơn.

Ba là, xây dựng cơ chế, quy trình quản lý tài chính phải khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế mỗi đơn vị, đảm bảo các cơ quan, đơn vị trực thuộc dễ tổ chức thực hiện và phải hoàn thành nhiệm vụ của mình với hiệu quả công tác cao hơn trước khi chưa có quy chế mới.

Bốn là, quy chế bảo đảm công khai, dân chủ, có sự nhất trí của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc CQTU. Cần nghiên cứu, bàn bạc, thảo luận để đưa ra quyết định thống nhất về quy chế, đồng thời đảm bảo phù hợp với tất cả các đơn vị trực thuộc để quy chế mới đạt được hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Hoàn thiện kế hoạch xây dựng tài chính

Trong thời gian tới, lập kế hoạch tài chính tại CQTU Bắc Ninh phải đảm bảo yêu cầu phản ánh đầy đủ các nguồn tài chính và chi tiêu từ các nguồn này. Lập kế hoạch tài chính chi tiết giúp cho công tác tổ chức thực hiện được thuận lợi, có căn cứ đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính. Việc xây dựng kế hoạch tài chính thời gian tới cần hoàn thiện theo bốn nội dung sau:

Một là, tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng kế hoạch tài chính 5 năm theo quy định của Luật NSNN. Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 phải bám sát kế hoạch phát triển KT-XH của tỉnh, mục tiêu nhiệm vụ chính trị các chủ trương, định hướng của cấp ủy, nghị quyết, chương trình hành động hàng năm, toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đặc biệt phải bám sát vào nhiệm vụ chính trị của các đơn vị trực thuộc.

Hai là, thủ trưởng đơn vị trực thuộc cần quan tâm chỉ đạo sát sao việc lập dự toán của đơn vị. Việc lập dự toán phải bao quát các nhiệm vụ thu, chi dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch, hạn chế việc điều chỉnh mục, xin bổ sung kinh phí. Lập dự toán tài chính phải được coi không chỉ là nhiệm vụ của riêng cơ quan tài chính Tỉnh ủy, mà cần phải coi đó là hoạt động quan trọng trong quản lý của tất cả các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Do vậy, đây phải là công việc chung đòi hỏi sự phối hợp, tham gia chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc với cơ quan tài chính Tỉnh ủy.

Ba là, căn cứ hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN của UBND tỉnh ban hành, CQTU Bắc Ninh nên xây dựng hệ thống tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN cho các đơn vị trực thuộc, bảo đảm công khai, minh bạch, đồng bộ và phù hợp với thực tế của từng cơ quan, đơn vị. Đây vừa là căn cứ để xây dựng dự toán và cũng là căn cứ để đơn vị phân bổ ngân sách.

Ngoài ra, quản lý tài chính cần bám sát những nội dung nhiệm vụ trong thời kỳ mới, tăng cường tính chính xác trong công tác lập dự toán, xây dựng kế hoạch tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

3.2.3. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính

3.2.2.1. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu tài chính

NSNN cấp cho CQTU Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020 luôn đảm bảo đáp ứng theo dự toán, tuy nhiên số kinh phí năm trước chuyển sang hàng năm là khá lớn, bình quân chiếm 3,65% tổng thu ngân sách đảng tỉnh giai đoạn 2018-2020 dẫn đến tổng kinh phí do NSNN giao trong năm luôn đội cao hơn dự toán, nên tính hiệu quả sử dụng NSNN chưa cao nhất. Do vậy, để thực hiện tốt kế hoạch thu từ nguồn NSNN cấp cần hạn chế kết dư ngân sách chuyển năm sau, xác định chính xác dự toán thu từ nguồn ngân sách cấp hàng năm. Trong đó chú trọng các giải pháp: Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban thường vụ Tỉnh uỷ đối với các đơn vị dự toán trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao, nhất là những nhiệm vụ đã có giao trong kế hoạch tài chính; cơ quan tài chính của Tỉnh uỷ thường xuyên phải rà soát tình hình thực hiện dự toán tại các đơn vị, đơn đốc triển khai thực hiện dự toán, tham mưu điều chỉnh kịp thời các mục dự toán không triển khai thực hiện.

Nguồn thu nội bộ của cơ quan Tỉnh Bắc Ninh gồm các nguồn: Thu đảng phí; thu từ đơn vị sự nghiệp; thu hỗ trợ, biếu tặng; thu thanh lý tài sản. Tuy nhiên nguồn thu hỗ trợ, biếu tặng, thu thanh lý tài sản CQTU Bắc Ninh không đều và mang tính phụ thuộc bên ngoài. Vì vậy, giải pháp hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch thu nội bộ là các biện pháp nhằm nâng hiệu quả thu đảng phí, thu từ các đơn vị sự nghiệp.

Đối với đơn vị sự nghiệp Báo Bắc Ninh, nguồn thu này chủ yếu từ việc bán báo và hoạt động dịch vụ quảng cáo trên báo. Để tăng nguồn thu từ Báo Bắc Ninh cần tăng số lượng phát hành và nâng giá bán báo. Để tăng số lượng

phát hành, Báo Bắc Ninh cần phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy rà soát lại toàn bộ các đối tượng được mua cấp báo để nắm chính xác số lượng báo phát hành cho đối tượng này, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo các cấp ủy đảng kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng về việc mua báo Đảng. Bên cạnh đó, Báo Bắc Ninh cần phải khai thác tối đa việc phát hành báo tới các chi bộ, đảng bộ trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế ngoài khu vực nhà nước, cũng như các bạn đọc gần, xa qua các kênh phân phối. Muốn có nhiều bạn đọc đón nhận, thì Báo Bắc Ninh phải đổi mới nâng cao chất lượng tờ báo cả về nội dung lẫn hình thức. Nhân tố quyết định đến chất lượng tờ báo là năng lực của các phóng viên được thu hút thông qua chế độ nhuận bút, thù lao chính đáng.

Hiện nay, đối tượng mua báo chủ yếu là các đơn vị sử dụng NSNN để mua báo; nếu tăng giá bán báo thì giảm được NSNN tỉnh cấp trợ giá cho Báo Bắc Ninh, nhưng ngân sách các cơ quan, đơn vị lại phải tăng chi cho các tổ chức đảng để đủ tiền mua báo. Như vậy, việc tăng giá bán báo, chỉ có lợi cho NSNN khi bán báo cho các đối tượng mà Nhà nước không phải đảm bảo kinh phí hoạt động như các doanh nghiệp, người dân.

Cùng với việc quản lý nguồn thu từ việc phát hành báo, Báo Bắc Ninh cần phải đổi mới hình thức trang quảng cáo sao cho thu hút hơn, có chính sách giá cả phù hợp để thu hút các cá nhân và tổ chức thực hiện quảng cáo; khuyến khích phóng viên, cộng tác viên đi khai thác quảng cáo và có chế độ bồi dưỡng khai thác quảng cáo theo tỷ lệ % quảng cáo.

Đối với nguồn thu đảng phí trích giữ lại Tỉnh ủy, đây là kết quả thu từ đảng viên sau nhiều khâu trích giữ lại theo quy định tại Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị quy định về chế độ đảng phí. Để phản ánh đúng việc thu đảng phí ở cấp dưới thì Văn phòng Tỉnh ủy phải làm tốt các công việc sau:

Một là, làm tốt công tác triển khai, hướng dẫn về chế độ thu, nộp đảng phí của Bộ Chính trị, các văn bản của Trung ương tới các huyện, thị, thành ủy, đảng

ủy trực thuộc.

Hai là, Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra công tác thu, nộp, quản lý sử dụng đảng phí đối với các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc nhằm hạn chế tối đa việc thu thiếu, thu không đúng, trích nộp sai và sử dụng đảng phí không đúng quy định.

3.2.2.2. Hoàn thiện tổ chức thực hiện kế hoạch chi tài chính

Rà soát bổ sung, sửa đổi nhằm hoàn thiện quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản tại các đơn vị cụ thể hơn, bao quát rõ ràng và sát với thực tế, đúng quy định hiện hành.

Bố trí bộ máy làm việc tinh gọn, lựa chọn cán bộ có năng lực, phù hợp với công việc; tiếp nhận số lao động bằng hoặc thấp hơn chỉ tiêu biên chế được giao. Sắp xếp, phân công cán bộ, công chức theo vị trí việc làm để đảm bảo hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của từng đơn vị.

Xây dựng lịch làm việc của cơ quan, các phòng ban một cách khoa học, hiệu quả. Đổi mới lề lối làm việc, khuyến khích cán bộ, công chức đưa ra nhiều sáng kiến để tăng năng suất lao động như: hạn chế hội họp; giảm bớt thời gian xử lý công việc ở các công đoạn; xử lý văn bản thông qua mạng nội bộ làm giảm thời gian và hạn chế việc phát hành văn bản giấy...

Xây dựng văn hóa, nếp sống văn minh nơi công sở, bảo vệ tốt các tài sản của cơ quan; triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xe ô tô...

3.2.3. Giải pháp về bộ máy quản lý tài chính

Một là, rà soát, đánh giá lại bộ máy quản lý tài chính của CQTU về cả năng lực, trình độ và đạo đức nghề nghiệp. Qua đó tiến hành sắp xếp, tổ chức lại bộ máy quản lý tài chính CQTU theo hướng tinh gọn, chuyên trách và hoạt động có hiệu quả, đáp ứng được đòi hỏi của Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII "Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

Theo đó, trong ngắn hạn, xây dựng quy trình quản lý bộ phận kế toán phục vụ chung nhằm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tài chính Tỉnh ủy, quyền hạn và trách nhiệm Văn phòng Tỉnh ủy và các ban Đảng để tạo sự thuận lợi cho quá trình tác nghiệp, đảm bảo tính thống nhất.

Trong dài hạn, nghiên cứu bộ máy quản lý tài chính khác, có thể quay lại cơ chế quản lý tài chính cũ trước khi áp dụng nghị quyết 18-NQ/TW: Phòng tài chính Đảng là đơn vị ngân sách cấp 1, cấp kinh phí hoạt động cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy và Văn phòng Tỉnh ủy (Đơn vị ngân sách cấp 2). Từ đó, đảm bảo các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy có tài khoản và con dấu độc lập, có thể chủ động trong việc duyệt chi, giảm bớt các thủ tục rườm rà trong các thủ tục thanh toán, quyết toán. Nâng cao hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện nhiệm vụ Đảng và Nhà nước giao phó.

Thứ hai, giải pháp về cán bộ quản lý tài chính

Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị đối với cán bộ của Phòng Tài chính Đảng với nhiều loại hình đào tạo đa dạng, nội dung đào tạo phong phú. Mở các lớp tập huấn ngắn hạn để bồi dưỡng chuyên sâu kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về tài chính, kế toán, cập nhật kiến thức mới, phổ biến những kinh nghiệm đã mang lại hiệu quả tốt trong quản lý tài chính Đảng ở các địa phương khác.

Tổ chức các cuộc tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ tài chính, kế toán cũng là vấn đề cần được quan tâm. Thông qua đó giúp cán bộ làm công tác tài chính Đảng hệ thống lại các văn bản quy định về quản lý NSNN nói chung, quản lý tài chính Đảng nói riêng, đào sâu nghiên cứu, trau dồi nghiệp vụ chuyên môn... làm cho kiến thức của cán bộ được củng cố, năng lực được nâng lên.

Có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, có chế độ trách nhiệm thỏa đáng đối với cán bộ làm công tác tài chính, kế toán. Thực hiện khen thưởng kịp thời, hợp lý sẽ có tác dụng động viên cán bộ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kích thích phong trào thi đua trong đơn vị. Bên cạnh khen thưởng, cần thực hiện các biện pháp xử phạt nghiêm minh với những người cố ý làm sai các quy trình nghiệp vụ, vi phạm các quy định về quản lý tài chính Đảng gây lãng phí, thất thoát tiền hoặc tài sản,

những cán bộ lợi dụng chức trách để những nhiễu, vụ lợi. Kiên quyết loại ra khỏi bộ máy tài chính, kế toán những cán bộ thoái hóa, biến chất, không đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

Ngoài ra, cần thực hiện các chính sách thu hút nhân tài trẻ về tỉnh để làm mới bộ máy, nâng cao khả năng học hỏi tiếp thu cũng như khả năng sáng tạo mạnh mẽ của thế hệ trẻ.

Thứ ba, giải pháp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tài chính

Nhằm bắt kịp tốc độ phát triển công nghệ của thế giới, thỏa mãn các yêu cầu quản lý với nhiều nguồn tài chính đa dạng, đầu tiên phải ưu tiên trang bị các thiết bị như máy tính, nối mạng quản lý từ kế toán đơn vị, các phần mềm kế toán tổng hợp, cán bộ chuyên quản, ...

Quá trình thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân phối thông tin trong quản lý tài chính ở đơn vị bao gồm nhiều khâu, mỗi khâu đảm nhận những nhiệm vụ khác nhau. Khối lượng thông tin cần xử lý ngày càng lớn, việc tiếp nhận, xử lý thông tin ra quyết định quản lý tài chính theo hình thức tập trung, hiện đại bằng các thiết bị điện tử và các phần mềm ứng dụng sẽ giúp công tác quản lý tài chính đạt hiệu quả tốt hơn. Áp dụng tin học vào công tác quản lý tài chính theo hướng trang bị đồng bộ các thiết bị tin học nối mạng. Việc nối mạng quản lý có tác dụng, một mặt giúp cho các bộ phận nghiệp vụ, quản lý tài chính trao đổi thông tin, dữ liệu được dễ dàng, mặt khác lãnh đạo đơn vị dù ở xa vẫn có thể truy cập các thông tin về tài chính của đơn vị, trên cơ sở đó có các quyết định quản lý.

Đối với ứng dụng tin học trong công tác quản lý tài chính cần đạt các yêu cầu: Dễ dàng trong thao tác; biểu mẫu thống nhất đúng với quy định hiện hành; đảm bảo việc đối chiếu thông tin, số liệu được dễ dàng.

Đi đôi với trang bị máy móc thiết bị tin học, cần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý tài chính thành thạo về tin học để khai thác có hiệu quả hệ thống máy móc thiết bị. Thực hiện được những công việc trên, sẽ giúp cho công tác quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh đạt hiệu quả hơn.

3.3. Một số kiến nghị

Để các giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh được thực hiện thuận lợi hơn, tác giả xin có một số kiến nghị sau:

Một là, VPTW Đảng nên đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương tiếp tục duy trì và phát triển hoạt động kinh tế đảng, định hướng đối với các tỉnh ủy hiện nay chưa tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhằm tạo nguồn thu bổ sung cho ngân sách của Đảng đáp ứng yêu cầu về chi đặc biệt, chi đột xuất, phục vụ nhiệm vụ chính trị của các cấp ủy và có tích lũy cho đầu tư phát triển.

Hai là, về nhiệm vụ chi ngân sách của các cấp ủy:

VPTW Đảng nên quy định cụ thể về nội dung kinh phí trong định mức để các địa phương thực hiện thống nhất, đảm bảo kinh phí phục vụ hoạt động của cấp ủy. Bổ sung thêm một số nhiệm vụ chi đặc thù ngoài định mức theo thực tế thực hiện tại các địa phương.

Ba là, VPTW Đảng có hướng dẫn cụ thể thực hiện tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh ủy theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP, ngày 14/02/2015 của Chính phủ; hướng dẫn sửa đổi Hướng dẫn số 389-HD/TCQTTW, ngày 21/6/2004 của Ban Tài chính – Quản trị Trung ương về việc “hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng quỹ nhuận bút và thu chi quảng cáo đối với báo in, tạp chí, tập san, báo điện tử, xuất bản phẩm của Đảng” cho phù hợp với các văn bản chế độ hiện hành và thống nhất cơ chế hoạt động trong lĩnh vực báo chí xuất bản và quảng cáo của các cơ quan báo đảng tại địa phương.

Bốn là, đề nghị VPTW nghiên cứu, tham mưu Ban Bí thư ban hành quy định về thẩm quyền của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp trong việc quyết định thu hồi, xử lý, quản lý, sử dụng tiền vi phạm qua công tác kiểm tra của Đảng.

Năm là, đề nghị VPTW cân nhắc nghiên cứu mô hình, cơ cấu bộ máy quản lý tài chính phù hợp với nghị quyết 18-NQ/TW nhưng đồng thời vẫn đảm bảo các nguyên tắc về quản lý tài chính, nâng cao khả năng xử lý cũng như tốc độ xử lý của bộ máy quản lý tài chính CQTU Bắc Ninh.

KẾT LUẬN

Trong phạm vi địa phương, Đảng bộ tỉnh, Tỉnh uỷ, Ban thường vụ Tỉnh uỷ có nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị của tỉnh và công tác, hoạt động của Đảng bộ nhằm thực hiện Điều lệ Đảng, Cương lĩnh Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh. Một trong những nền tảng bảo đảm vai trò lãnh đạo xuyên suốt, toàn diện của tỉnh uỷ trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh là sự đóng góp của công tác quản lý tài chính Đảng trong việc bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên, các nhiệm vụ đặc thù và cơ sở vật chất, phương tiện làm việc tại CQTU.

Quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh giai đoạn 2018-2020 đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần bảo đảm cho Tỉnh uỷ thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong lãnh đạo phát triển KT-XH, quốc phòng – an ninh, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thời gian qua. Tuy nhiên, quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh còn một số bất cập cần khắc phục để có thể nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý tài chính. Đề tài: “Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh uỷ Bắc Ninh” đã được nghiên cứu và đã đạt được những kết quả cơ bản sau đây:

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý tài chính tại CQTU nói chung.

Phân tích và đánh giá thực trạng quản lý tài chính của CQTU Bắc Ninh trong giai đoạn 2018 - 2020, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế cũng như tìm ra nguyên nhân của những các hạn chế này trong việc triển khai thực hiện quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh.

Trên cơ sở những đánh giá thực trạng quản lý tài chính, xem xét nguyên nhân hạn chế, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh và phương hướng hoàn thiện quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh trong thời kỳ 2018- 2020, luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản lý tài chính tại CQTU Bắc Ninh trong thời kỳ tới.

Quản lý tài chính trong các cơ quan của Đảng nói chung và CQTU nói riêng là một phạm trù lớn với độ phức tạp cao. Dù đã nghiên cứu và học hỏi nhiều trong quá

trình thực hiện, luận văn có thể vẫn còn tồn tại những thiếu sót nhất định. Phát triển và nghiên cứu luận văn theo đề tài này bởi mong muốn đóng góp vào hoàn thiện quản lý tài chính tại CQTU tỉnh Bắc Ninh, tác giả rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô, những người có quan tâm tới đề tài này và các nhà nghiên cứu khác để luận văn được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng, *Quyết định 99-QĐ/TW, ngày 30/5/2012 quy định chế độ chi hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở*, Hà Nội 2012.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết số 18-NQ/TW về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*, Hà Nội 2017.
3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, *Biên niên sử hoạt động tài chính của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000
4. Ban Tài chính Quản trị Trung ương, Bộ Tài chính, *Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQTTW-BTC, ngày 29/3/2004, hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính Đảng*, Hà Nội, 2004
5. Ban Tài chính Quản trị Trung ương, *Hướng dẫn số 389-HD/TCQT, ngày 21/6/2004, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng quỹ nhuận bút và thu, chi quảng cáo đối với báo in, tạp chí, tập san, báo điện tử, xuất bản phẩm của Đảng*, Hà Nội, 2004.
6. Bouvier, Michel, *Finances Publiques*, NXB Chính trị quốc gia, 2005
7. Bộ Tài chính, *Quyết định 19/2006/QĐ-BTC, ngày 30/3/2006 về ban hành chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp*, Hà Nội, 2006.
8. Bộ Tài chính, *Thông tư số 01/2007/TT-BTC, ngày 02/1/2007 hướng dẫn xét duyệt, thẩm định, thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được NSNN hỗ trợ và ngân sách các cấp*, Hà Nội, 2007.
9. Bộ Chính trị, *Quyết định 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 về việc ban hành quy định về chế độ Đảng phí*, Hà Nội, 2010.
10. Bộ Tài chính, *Thông tư 1539/2017/TT-BTC, ngày 29/12/2017 quy định chi tiết về quản lý, sử dụng NSNN đối với các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Hà Nội, 2017.
11. Bộ Tài chính, *Thông tư 107/2017/TT-BTC, ngày 10/10/2017 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp*, Hà Nội, 2017.

12. Bộ Tài chính, *Thông tư 137/2017/TT-BTC*, ngày 25/12/2017, quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết toán năm, Hà Nội, 2017.
13. Bộ tài chính, *Các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước*, NXB Tài chính, Hà Nội 2003
14. Bộ Nội vụ, *Chuyên đề 6: Quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính nhà nước*, 2019
15. Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh, *Báo cáo tổng hợp tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh tháng 12 năm 2020*, tại địa chỉ: <https://bacninh.gov.vn/news/-/details/20182/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-12-nam-2020> truy cập ngày 15/01/2022
16. Chính phủ, *Nghị định số 130/2005/NĐ-CP*, ngày 17/10/2005, quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với cơ quan Nhà nước, Hà Nội, 2005.
17. Chính phủ, *Nghị định số 43/2006/NĐ-CP*, ngày 25/4/2006, quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, Hà Nội, 2006.
18. Đại học Kinh tế quốc dân, *Bài giảng Tài chính công*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2020, truy cập tại www.slideshare.net, ngày
19. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2017.
20. Edutop, *Bài giảng về tài chính công*, Topica
21. Hoàng Xuân Hòa – *Quản lý tài chính tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*, 2016, truy cập tại text.123doc.net, ngày 24/10/2021
22. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
23. Học viện Tài chính, *Giáo trình quản lý tài chính công*, Nxb Tài chính, Hà Nội, 2009.
24. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình khoa học quản lý*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
25. Huỳnh Tiến Minh, *Quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Bình Định*, Luận văn thạc sĩ quản

- lý kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2015.
26. Nguyễn Tấn Lượng, *Hoàn thiện quản lý tài chính tại các trường đại học công lập tự chủ tài chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, 2012
27. Nguyễn Hồng Tuấn, *Quản lý tài chính tại Tỉnh ủy Nghệ An*, Luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2014.
28. Nguyễn Thị Hạnh, *Quản lý tài chính tại Sở xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh*, 2018.
29. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tài chính năm 2018*, Bắc Ninh, 2018.
30. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tài chính năm 2019*, Bắc Ninh, 2019.
31. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tài chính năm 2020*, Bắc Ninh, 2020.
32. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác tài chính Đảng năm 2018*, Bắc Ninh, 2018.
33. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác tài chính Đảng năm 2019*, Bắc Ninh, 2019
34. Tỉnh ủy Bắc Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác tài chính Đảng năm 2020*, Bắc Ninh, 2020.
35. Tỉnh ủy Lào Cai, *Báo cáo tổng kết năm 2017*, Lào Cai, 2017.
36. Tỉnh ủy Quảng Ninh, *Báo cáo tổng kết công tác tài chính năm 2017*, Quảng Ninh, 2017.
37. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Luật ngân sách nhà nước*, Hà Nội, tại địa chỉ <https://www.luattrongtay.vn/> , truy cập ngày 21/12/2021
38. Ủy ban Kiểm tra Trung ương, *Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng*, Nxb Tài chính, Hà Nội, 2012.
39. Văn phòng Trung ương Đảng, *Công văn số 2536-CV/VPTW, ngày 22/6/2007, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Thông tư 03/2006/TTLT- BTC- BNV*, Hà Nội, 2007.
40. Văn phòng Trung ương Đảng, *Quy định số 3115-QĐ/VPTW, ngày 04/8/2009, quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*, Hà Nội, 2009.

41. Văn phòng Trung ương Đảng, *Quyết định số 2233-QĐ/VPTW, ngày 27/2/2018, thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng*, Hà Nội, 2018.
42. Văn phòng quốc hội, *Luật Ngân sách nhà nước* , 2020, tại địa chỉ he thông phapluatvietnam.net, truy cập ngày 25/12/2021
43. Viện khoa học tài chính, *Từ điển Thuật ngữ Tài chính tín dụng*, NXB Hà Nội, 1996

PHỤ LỤC

Mẫu và kết quả bảng hỏi thu thập thông tin



Khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ đảng viên Tỉnh ủy Bắc Ninh

[Đăng nhập vào Google](#) để lưu tiến trình của bạn. [Tìm hiểu thêm](#)

*Bắt buộc

Giới tính của bạn *

- ☐ Nam
- ☐ Nữ
- ☐ Khác

Tuổi hiện tại của bạn *

- ☐ Dưới 25 tuổi
- ☐ Từ 25 đến 40 tuổi
- ☐ Trên 40 tuổi

Hiện nay bạn có đang sinh hoạt tại các cơ quan thuộc Tỉnh ủy Bắc Ninh không? *

- ☐ Có
- ☐ Không

Bạn đã tham gia sinh hoạt tại các cơ quan thuộc Tỉnh ủy Bắc Ninh trong khoảng thời gian:

- ☐ Dưới 3 năm
- ☐ Từ 3-10 năm
- ☐ Từ 10-15 năm
- ☐ Trên 15 năm

Bạn có tham gia công tác quản lý tài chính Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh không *

- ☐ Có
- ☐ Không

Bạn đánh giá tình hình quản lý tài chính của cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh như thế nào *

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tuyệt vời
Tính công khai, minh bạch	☐	☐	☐	☐	☐
Tính dân chủ	☐	☐	☐	☐	☐
Tính độc lập tự chủ	☐	☐	☐	☐	☐
Tiết kiệm hiệu quả	☐	☐	☐	☐	☐
Đảm bảo cân đối thu chi	☐	☐	☐	☐	☐
Đáp ứng được các nhiệm vụ chính trị	☐	☐	☐	☐	☐
Chấp hành luật NSNN	☐	☐	☐	☐	☐
Đánh giá chung	☐	☐	☐	☐	☐

Đánh giá về yếu tố con người và cơ cấu bộ máy quản lý tài chính Tỉnh ủy

Đánh giá của bạn về cơ cấu, bộ máy quản lý tài chính Tỉnh ủy *

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tuyệt vời
Mức độ thuận tiện trong công việc	☐	☐	☐	☐	☐
Tốc độ xử lý công việc	☐	☐	☐	☐	☐
Mức độ đồng bộ, phù hợp của các quy định, quy chế	☐	☐	☐	☐	☐
Mức độ hiệu quả của bộ máy	☐	☐	☐	☐	☐

Thời gian xử lý công việc trung bình trước khi thực hiện NQ 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 (Sáp nhập tài chính về Văn phòng Tỉnh ủy) *

- ☐ Trong vòng 2 ngày làm việc
- ☐ 2-5 ngày làm việc
- ☐ Trên 5 ngày làm việc

Thời gian xử lý công việc trung bình sau khi thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW *

- ☐ Trong vòng 2 ngày làm việc
- ☐ 2-5 ngày làm việc
- ☐ Trên 5 ngày làm việc

Về yếu tố con người, nhân sự thực hiện công tác quản lý tài chính cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh *

	Kém	Trung bình	Khá	Tốt	Tuyệt vời
Trình độ chuyên môn	☐	☐	☐	☐	☐
Trình độ tin học văn phòng	☐	☐	☐	☐	☐
Trình độ lý luận chính trị	☐	☐	☐	☐	☐
Khả năng tiếp thu, học hỏi các công nghệ mới	☐	☐	☐	☐	☐

Đánh giá công tác quản lý tài chính tại Tỉnh ủy tỉnh Bắc Ninh



Các nội dung trong công tác quản lý có được thực hiện một cách hiệu quả? *

	Hoàn toàn sai	Sai	Tạm chấp nhận	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Lên kế hoạch chỉ đạo phù hợp với thực tế	☐	☐	☐	☐	☐
Dự toán bám sát chi phí thực tế	☐	☐	☐	☐	☐
Quá trình thu, chi ngân sách diễn ra minh bạch, hợp lý	☐	☐	☐	☐	☐
Quỹ dự trữ đáp ứng được các nhu cầu phát sinh	☐	☐	☐	☐	☐
Công tác giám sát nghiêm khắc, hiệu quả	☐	☐	☐	☐	☐

Những hạn chế của công tác quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

Câu trả lời của bạn

Đề xuất giải pháp cho công tác quản lý tài chính tại Cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

Câu trả lời của bạn

Xử lý kết quả dữ liệu bảng hỏi

Nội dung câu hỏi	Phân loại	Kết quả
Giới tính tính của bạn	Nam	45
	Nữ	61
	Khác	0
Tuổi hiện tại của bạn	Dưới 25 tuổi	0
	Từ 25 đến 40 tuổi	34
	Trên 40 tuổi	72
Hiện nay bạn có đang sinh hoạt tại các cơ quan thuộc tỉnh ủy Bắc Ninh không	Có	106
	Không	0
Bạn đã tham gia sinh hoạt tại các cơ quan thuộc Tỉnh ủy Bắc Ninh trong khoảng thời gian	Dưới 3 năm	0
	Từ 3 đến 10 năm	36
	Từ 10 đến 15 năm	39
	Trên 15 năm	31
Bạn có tham gia công tác quản lý tài chính CQTU Bắc Ninh không	Có	29
	Không	77

Câu hỏi	Đặc điểm	1	2	3	4	5
Bạn đánh giá tình hình quản lý tài chính của cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh như thế nào	Tính công khai, minh bạch			42	56	8
	Tính dân chủ			40	68	
	Tính độc lập, tự chủ		9	41	56	
	Tiết kiệm hiệu quả			49	49	8
	Đảm bảo cân đối thu chi			42	55	9
	Đáp ứng nhiệm vụ			39	55	12
	Chấp hành luật NSNN			35	56	15
	Đánh giá chung			35	71	

Câu hỏi	Đặc điểm	1	2	3	4	5
Đánh giá của bạn về cơ cấu, bộ máy quản lý tài chính Tỉnh ủy	Mức độ thuận tiện		21	56	29	
	Tốc độ xử lý		18	65	23	
	Mức độ đồng bộ của các quy định			63	43	
	Mức độ hiệu quả			56	50	

Nội dung câu hỏi	Phân loại	Kết quả
Thời gian xử lý công việc trung bình trước khi thực hiện NQ18/TW ngày 25/10/2017	Trong vòng 2 ngày làm việc	32
	2-5 ngày làm việc	64
	Trên 5 ngày làm việc	10
Thời gian xử lý công việc trung bình sau khi thực hiện NQ18/TW ngày 25/10/2017	Trong vòng 2 ngày làm việc	18
	2-5 ngày làm việc	28
	Trên 5 ngày làm việc	60

Câu hỏi	Đặc điểm	1	2	3	4	5
Về yếu tố con người, nhân sự thực hiện công tác quản lý tài chính CQTU Bắc Ninh	Trình độ chuyên môn			21	77	8
	Trình độ tin học văn phòng			14	92	
	Trình độ lý luận chính trị			15	75	16
	Khả năng học hỏi tiếp thu công nghệ mới			43	63	
Các nội dung trong công tác quản lý có được thực hiện một cách hiệu quả	Lên kế hoạch phù hợp với thực tế			14	84	8
	Dự toán bám sát thực tế			23	83	
	Quá trình thu, chi minh bạch			7	91	8
	Quỹ dự trữ đáp ứng được nhu cầu phát sinh			9	75	22
	Công tác giám sát nghiêm khắc, hiệu quả			18	88	

Hà Nội, ngày tháng 05 năm 2022

BẢN GIẢI TRÌNH SỬA CHỮA/BỔ SUNG LUẬN VĂN
THEO BIÊN BẢN BUỔI BẢO VỆ HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN VĂN THẠC SĨ

Họ và tên HVCH: Nguyễn Thị Thùy Dung

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số: 8340201

Đề tài: Quản lý tài chính tại cơ quan Tỉnh ủy Bắc Ninh

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS Bùi Anh Tuấn

Căn cứ kết luận sau phiên họp ngày 21/04/2022 của Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ (được thành lập theo Quyết định số ... ngày ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương), HVCH đã bổ sung, sửa chữa luận văn theo các nội dung như sau:

1. Chỉnh sửa lại, làm nổi bật hơn tính cấp thiết của đề tài
2. Chỉnh sửa lại một phần nội dung:
 - Sửa lại tên chương một từ “CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CƠ QUAN TỈNH ỦY CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM” thành “CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CƠ QUAN TỈNH ỦY TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM”. (Trang 16-19)
 - Gộp 1.1 và 1.2: làm cụ thể hơn cơ sở lý luận (Trang 16-19)
 - Bổ sung làm rõ mục tiêu cuối cùng của quản lý tài chính tại CQTU (vào mục 1.1.5). (Trang 25-27)
 - Mục 2.2 bỏ yếu tố tự nhiên xã hội để gắn kết hơn với đối tượng nghiên cứu. (Trang 64)
 - Bổ sung thêm giải pháp tại chương 3, cân đối độ dài các chương (Trang 92-104)
 - Lược bỏ mô hình SMART (Trang 75)
3. Chỉnh sửa kết cấu luận văn: Gộp mục 1.1 vào mục 1.2, gộp mục 2.4 vào mục 2.5
4. Chỉnh sửa lỗi đánh máy, lỗi kỹ thuật trong soạn thảo.

Chủ tịch HĐ

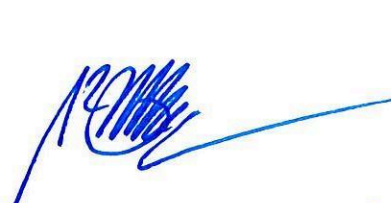
Thư ký HĐ

Người hướng dẫn khoa học

Học viên cao học


Vũ Thị Hiền


Nguyễn Thu Thủy


Bùi Anh Tuấn


Nguyễn Thị Thùy Dung